

VIEN GIAC TU DA LA.

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tính Trần Tiên Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiên Huyền Phiên Âm và Lược dịch.

Phật Tử Bùi Đức Huệ dịch tiếng Việt 8/2010.

=====

No. 842

大方廣圓覺修多羅了義經 .

Đại Phương Quảng Viên Giác Tu Đa La Liễu Nghĩa Kinh

Kinh Rộng khắp muôn phương Giác ngộ đầy đủ rõ nghĩa Tu Đa La.

大唐罽賓三藏佛陀多羅譯

Đại Đường Kế Tân Tam Tạng Phật-đà-đa-la dịch

如是我聞。一時婆伽婆。

Như thị Ngã văn. Nhất thời Bà-Già-Bà.

Tôi nghe như thế. Khi đó Bà-già-bà.

入於神通大光明藏，三昧正受。一切如來，光嚴住持。

Nhập ư Thần-thông đại Quang-minh tạng, Tam-muội Chính-thụ. Nhất thiết Như Lai quang
nghiêm trụ trì.

**Nhập vào Thần thông Quang minh lớn, Tam Muội Thu nhận đúng. Tất cả Như Lai trụ trì ở trong
ánh quang trang nghiêm.**

是諸眾生清淨覺地，身心寂滅，平等本際，圓滿十方。

Thị chư chúng sinh Thanh tịnh Giác địa, thân tâm Tịch-diệt, bình đẳng bản tế, viên mãn thập
phương.

**Đây là cảnh giới Thanh tịnh Trí tuệ Giác ngộ của chúng sinh, thân tâm Vắng lặng tuyệt đối, tới
được cảnh thực Bình đẳng, tràn đầy khắp mười phương.**

不二隨順，於不二境，現諸淨土。

Bất nhị tùy thuận, ư bất nhị cảnh, hiện chư Tịnh-thổ.

Không thuận theo hai, không có hai cảnh giới, hiện ra các đất Thanh tịnh.

與大菩薩摩訶薩十萬人俱。其名曰：文殊師利菩薩。

Dữ Đại Bồ-tát Ma-ha-tát thập vạn nhân câu. Kỳ danh viết Văn-thù-su-lợi Bồ-tát.

Cùng với các Đại Bồ-tát Ma-ha-tát 10 vạn người tham dự. Tên họ là : Văn-thù-su-lợi Bồ-tát.

普賢菩薩，普眼菩薩，金剛藏菩薩，彌勒菩薩。

Phổ Hiền Bồ-tát, Phổ Nhãn Bồ-tát, Kim Cương tạng Bồ-tát, Di Lặc Bồ-tát.

Phổ Hiền Bồ-tát, Phổ Nhãn Bồ-tát, Kim Cương tạng Bồ-tát, Di Lặc Bồ-tát.

清淨慧菩薩，威德自在菩薩，辯音菩薩。

Thanh tịnh Tuệ Bồ-tát, Uy Đức Tự-tại Bồ-tát, Biện Âm Bồ-tát.

Thanh tịnh Tuệ Bồ-tát, Uy Đức Tự-tại Bồ-tát, Biện Âm Bồ-tát.

淨諸業障菩薩，普覺菩薩，圓覺菩薩，賢善首菩薩等。

Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ-tát, Phổ Giác Bồ-tát, Viên Giác Bồ-tát, Hiền Thiện Thủ Bồ-tát
đẳng.

Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ-tát, Phổ Giác Bồ-tát, Viên Giác Bồ-tát, Hiền Thiện Thủ Bồ-tát.

而為上首。與諸眷屬，皆入三昧。

Nhi vi thượng thủ. Dữ chư quyến thuộc, giai nhập Tam-muội.

Mà là người đứng đầu. Cùng các quyến thuộc, đều nhập vào Tam Muội.

同住如來平等法會。於是文殊師利菩薩，在大眾中，即從座起。

Đồng trụ Như Lai bình đẳng Pháp hội. Ư thị Văn-thù-sur-lợi Bồ-tát, tại Đại Chúng trung, tức tòng toà khởi.

Cùng ở trong hội Pháp bình đẳng của Như Lai. Khi đó Văn-thù-sur-lợi Bồ Tát, ở trong Đại Chúng, tức thì rời khỏi chỗ ngồi.

頂禮佛足，右邊三匝，長跪叉手，而白佛言：

Đỉnh lễ Phật túc, hữu nhiễu tam匝, trường quy xoa thủ, nhi bạch Phật ngôn :

Đỉnh lễ Phật hoàn tất, vòng phải ba lượt, quỳ lâu đan chéo ngón, chấp đôi bàn tay mà bạch Phật nói rằng :

大悲世尊！願為此會諸來法眾。

Đại Bi Thế Tôn ! Nguyện vì thử hội chư lai Pháp chúng.

Đại Bi Thế Tôn ! Nguyện vì hội này và chúng sinh tới vì Pháp.

說於如來本起清淨因地法行。

Thuyết ư Như Lai bản khởi Thanh tịnh nhân địa Pháp hành.

Nói về phương pháp tu hành khởi nguồn Trí tuệ Thanh tịnh của Như Lai.

及說菩薩於大乘中發清淨心，遠離諸病。

Cập thuyết Bồ-tát ư Đại-Thừa trung phát Thanh tịnh tâm, viễn ly chư bệnh.

Cùng nói về BồTát ở trong Đại Thừa phát tâm Thanh tịnh, rời bỏ xa các bệnh.

能使未來末世眾生求大乘者不墮邪見。

Năng sử Vị lai mạt thế chúng sinh cầu Đại-Thừa giả bất đọa tà kiến.

Có thể giúp chúng sinh thời Tương lai trong Đời vận hết, cầu Pháp Đại Thừa không bị mắc sai lầm.

作是語已，五體投地，如是三請，終而復始。

Tác thị ngữ dĩ, ngũ thể đầu địa, như thị tam thỉnh, chung nhi phục thủy.

Làm lời nói đó xong, phục đất đỉnh lễ, thỉnh cầu ba lần như thế, sau cùng trở lại chỗ cũ.

爾時世尊告文殊師利菩薩言：善哉！善哉！

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Văn-thù-sur-lợi Bồ-tát ngôn : Thiện tai ! thiện tai!

Khi đó Thế Tôn bảo Văn-thù-sur-lợi Bồ Tát nói rằng : Thiện thay ! Thiện thay !

善男子！汝等乃能為諸菩薩。

Thiện nam tử ! Nhữ đẳng nãi năng vị chư Bồ-tát.

Ngài nam thiện ! Các Ngài lại năng vì các Bồ Tát.

諮詢如來因地法行，及為末世一切眾生求大乘者。

Tư tuân Như Lai nhân địa Pháp hành, cập vị mạt thế nhất thiết chúng sinh cầu Đại-Thừa giả.

Hỏi cách tu hành Trí tuệ của Như Lai cùng vì tất cả chúng sinh đời vận mạt cầu được Pháp Đại Thừa.

得正住持不墮邪見。汝今諦聽！當為汝說。

Đắc chính trụ trì bất đọa tà kiến. Nhữ kim đế thỉnh ! Đương vị Nhữ thuyết.

Được trụ trì ở trong Pháp đúng không bị sai lầm. Ngài nay nghe Tuệ ! Đang vì Ngài nói.

時文殊師利菩薩，奉教歡喜，及諸大眾，默然而聽。

Thời Văn-thù-sur-lợi Bồ-tát, phụng giáo hoan hỷ, cập chư Đại Chúng, mặc nhiên nhi thỉnh.

Khi đó Văn-thù-sur-lợi Bồ Tát, vui vẻ cung kính tuân theo lời giáo huấn cùng với các Đại Chúng im lặng lắng nghe.

善男子！無上法王有大陀羅尼門，名為圓覺。

Thiện nam tử ! Vô-thượng Pháp-vương hữu Đại Đà-la-ni môn, danh vi Viên-giác.

Ngài nam thiện ! Bình Đẳng Pháp Vương có môn Đà La Ni lớn, tên là Giác ngộ đầy đủ.

流出一切清淨真如菩提涅槃及波羅密。

Lưu xuất nhất thiết Thanh tịnh Chân-như Bồ-đề Niết-Bàn cập Ba-la-mật.

Luân chuyển xuất sinh ra tất cả Chân Như, Bồ Đề, Niết Bàn và Đạo Bồ-tát Thanh tịnh.

教授菩薩，一切如來本起因地。

Giáo thụ Bồ-tát, nhất thiết Như Lai bản khởi nhân địa.

Dạy truyền thụ cho Bồ Tát, Trí tuệ khởi bản nguồn của tất cả Như Lai.

皆依圓照清淨覺相，永斷無明，方成佛道。

Giai y viên chiếu Thanh tịnh Giác tướng, vĩnh đoạn Vô-minh, phương thành Phật đạo.

Đều chiếu theo dựa vào cảnh giới Giác ngộ Thanh tịnh, vĩnh viễn đoạn trừ Ngu tối, hình thành Đạo Phật.

云何無明？善男子！一切眾生，從無始來，種種顛倒。

Vân hà Vô-minh？Thiện nam tử！Nhất thiết chúng sinh, tòng vô thủy lai, chủng chủng điên đảo.

Thế nào là Ngu tối？Ngài nam thiện！Tất cả chúng sinh, từ xa xưa tới nay, đủ loại thay đổi đảo lộn.

猶如迷人四方易處，妄認四大為自身相。

Do như mê nhân tứ phương dị xứ, vọng nhận Tứ-đại vi tự thân tướng.

Giống như người nằm mơ dễ đi tới 4 phương, mơ hồ nhận Nước Đất Gió Lửa là xác thân của bản thân.

六塵緣影為自心相。譬彼病目見空中花及第二月。

Lục-trần duyên ảnh vi tự tâm tướng. Thí bỉ bệnh mục kiến không trung hoa cập đệ nhị Nguyệt.

Hình ảnh có được của 6 Trần : Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp là hình bóng của tự tâm. Ví như người mắt bị bệnh nhìn thấy hoa ảo ở trong rỗng không và mặt Trăng ảo.

善男子！空實無花，病者妄執，由妄執故。

Thiện nam tử！Không thực vô hoa, bệnh giả vọng chấp, do vọng chấp cố.

Ngài nam thiện！Trong rỗng không thực không có hoa, người bệnh chấp nhận tin vào ảo tưởng, do cố chấp nhận tin vào ảo tưởng.

非唯惑此虛空自性，亦復迷彼實花生處。

Phi duy hoặc thử hư không tự tính, diệc phục mê bỉ thực hoa sinh xứ.

Không phải chỉ huyền hoặc tự tính không này, cũng lại mê mọi nơi thực sinh ra hoa ảo đó.

由此妄有輪轉生死，故名無明。善男子！此無明者。

Do thử vọng hữu luân chuyển sinh tử, cố danh Vô-minh. Thiện nam tử！Thử Vô-minh giả.

Do có ảo vọng này được luân chuyển thành có sinh ra và có mất đi, vì thế có tên là Ngu tối. Ngài nam thiện！Ngu tối này.

非實有體。如夢中人，夢時非無，及至於醒，了無所得。

phi thực hữu thể. Như mộng trung nhân, mộng thời phi vô, cập chí ư tỉnh, liễu vô sở đắc.

Không phải thực có hình thể. Như người nằm mơ, khi mơ thì thấy Có, khi tỉnh thì biến Mất, hoàn toàn không có được.

如眾空花，滅於虛空，不可說言，有定滅處。

Như chúng không hoa, diệt ư hư không, bất khả thuyết ngôn, hữu định diệt xứ.

Như các hoa ảo, mất đi ở trong không, không thể nói được chính xác nơi mất đi.

何以故？無生處故。一切眾生，於無生中。

Hà dĩ cố？Vô sinh xứ cố. Nhất thiết chúng sinh, ư vô sinh trung.

Có là sao？Do không có nơi sinh. Tất cả chúng sinh, ở trong sự không sinh.

妄見生滅。是故說名輪轉生死。善男子！如來因地。

Vọng kiến sinh diệt. Thệ cố thuyết danh luân chuyển sinh tử. Thiện nam tử！Như Lai nhân địa.

Ảo vọng nhìn thấy sinh ra mất đi. Vì thế nói đến tên Luân chuyển sinh ra mất đi. Ngài nam thiện！Trí tuệ của Như Lai.

修圓覺者。知是空花，即無輪轉。

Tu Viên-giác giả. Tri thị không hoa, tức vô luân chuyển.

Người tu Giác ngộ đầy đủ. Biết hoa ảo này, tức thì không có luân chuyển.

亦無身心受彼生死，非作故無本性無故。彼知覺者。

Diệc vô thân tâm thụ bỉ sinh tử, phi tác cố vô, bản tính vô cố. Bì tri Giác giả.

Cũng không có thân tâm nhận sinh chết đó, do không làm không đúng, do không có bản tính không có. Biết Giác ngộ việc đó.

猶如虛空。知虛空者即空花相，亦不可說：無知覺性。

Do như hư không. Tri hư không giả tức không hoa tướng, diệc bất khả thuyết : Vô tri Giác tính.

Giống như khoảng không. Biết được khoảng không tức là hoa ảo không có hình tướng, cũng không thể nói : Không biết tính của cảm giác.

有無俱遣。是則名為淨覺隨順。何以故？

Hữu vô câu khiển. Thị tác danh vi Tịnh-giác tùy thuận. Hà dĩ cố ?

Có, Không cùng sai khiển. Chắc chắn có tên là Thuận theo cảm giác Thanh tịnh. Có là sao ?

虛空性故，常不動故。如來藏中，無起滅故。

Hư không tính cố, thường bất động cố. Như Lai tạng trung, vô khởi diệt cố.

Do tính của khoảng không, do thường không động. Trong tạng thức của Như Lai, do không phát khởi và mất đi.

無知見故，如法界性，究竟圓滿，遍十方故。

Vô Tri-kiến cố, như Pháp giới tính, cứu cánh viên mãn, biến thập phương cố.

Do không Thấy biết, như tính của Pháp giới, cuối cùng có tràn đầy, cố biến ra mười phương giới.

是則名為因地法行菩薩，因此於大乘中，發清淨心。

Thị tác danh vi nhân địa Pháp hành Bồ-tát nhân thủ ư Đại-Thừa trung, phát Thanh-tịnh tâm.

Chắc chắn có tên là Bồ Tát hành Pháp Trí tuệ, nhân do việc này ở trong Pháp Đại Thừa, phát tâm Thanh tịnh.

末世眾生，依此修行，不墮邪見。

Mạt thế chúng sinh, y thủ tu hành, bất đọa Tà-kiến.

Chúng sinh Đời vận hết, dựa theo điều này tu hành, không bị rơi vào sai lầm.

爾時世尊，欲重宣此義，而說偈言：

Nhĩ thời Thế Tôn, dục trùng tuyên thủ nghĩa nhi thuyết kệ ngôn.

Khi đó Thế Tôn, muốn nói lại nghĩa trước mà đọc bài kệ nói rằng :

文殊汝當知 一切諸如來

Văn Thù nhữ đương tri. Nhất thiết chư Như Lai.

Văn Thù Ngài cần biết. Tất cả các Như Lai.

從於本因地 皆以智慧覺

Tòng ư bản nhân địa. Giai dĩ Trí tuệ giác

Theo bản nguồn Trí tuệ. Đầu lấy Trí tuệ Giác.

了達於無明 知彼如空花

Liễu đạt ư Vô-minh. Tri bỉ như không hoa.

Sáng tỏ cho Ngủ tối. Biết nó như hoa ảo.

即能免流轉 又如夢中人

Tức năng miễn lưu chuyển. Hựu như mộng trung nhân.

Tức thì không lưu chuyển. Lại như người trong mơ.

醒時不可得 覺者如虛空

Tỉnh thời bất khả đắc. Giác giả như hư không.

Tỉnh dậy không có được. Người Giác như khoảng không.

平等不動轉 覺遍十方界

Bình đẳng bất động chuyển. Giác biến thập phương giới

Bình đẳng không động chuyển. Giác biến mười phương giới.

即得成佛道 眾幻滅無處

Tức đắc thành Phật đạo. Chúng huyễn diệt vô xứ.

Tức thời thành Đạo Phật. Áo không có nơi diệt.

成道亦無得 本性圓滿故

Thành đạo diệt vô đắc. Bản tính viên mãn cố.

Thành Đạo cũng không được. Do bản tính đầy đủ.

菩薩於此中 能發菩提心

Bồ-tát ở trong này. Năng phát Bồ-đề tâm.

Bồ Tát trong việc này. Năng phát tâm Bồ Đề.

末世諸眾生 修此免邪見

Mạt thế chư chúng sinh. Tu thử miễn tà-kiến.

Chúng sinh Đời vận hết. Tu nó miễn sai lầm.

於是普賢菩薩, 在大眾中, 即從座起。

Ư thị Phổ-hiền Bồ-tát, tại Đại Chúng trung, tức tòng toà khởi.

Khi đó Phổ Hiền Bồ Tát, ở trong Đại Chúng, tức thì rời khỏi chỗ ngồi.

頂禮佛足, 右邊三匝, 長跪叉手, 而白佛言:

Đỉnh lễ Phật túc, hữu nhiễu tam匝, trường quy xoa thủ, nhi bạch Phật ngôn :

Đỉnh lễ Phật hoàn tất, vòng phải ba lượt, quỳ lâu đan chéo ngón, chấp hai bàn tay mà bạch Phật nói rằng :

大悲世尊! 願為此會諸菩薩眾。

Đại bi Thế Tôn! Nguyên vị thử hội chư Bồ-tát chúng.

Đại Bi Thế Tôn ! Nguyên vì các chúng Bồ Tát trong hội này.

及為末世一切眾生修大乘者。聞此圓覺清淨境界。云何修行?

Cập vị mạt thế nhất thiết chúng sinh tu Đại-Thừa giả. Văn thử Viên-giác Thanh tịnh cảnh giới.

Vân hà tu hành ?

Cùng vì chúng sinh Đời vận hết tu Pháp Đại Thừa. Nghe cảnh giới Thanh tịnh Giác ngộ đầy đủ này. Tu hành như thế nào ?

世尊! 若彼眾生, 知如幻者, 身心亦幻。

Thế Tôn ! Nhược bỉ chúng sinh, tri như huyễn giả, thân tâm diệc huyễn.

Thế Tôn ! Nếu chúng sinh đó, biết mình như ảo, thân tâm cũng ảo.

云何以幻還修於幻? 若諸幻性, 一切盡滅, 則無有心。

Vân hà dĩ huyễn hoàn tu ư huyễn ? Nhược chư huyễn tính, nhất thiết tận diệt, tắc vô hữu tâm.

Làm sao dùng ảo trở lại tu sửa ảo ? Nếu tính của các ảo, mất hết tất cả, chắc là tâm không có.

誰為修行? 云何復說修行如幻?

Thùy vi tu hành ? Vân hà phục thuyết tu hành như huyễn ?

Ai làm việc sửa chữa ? Vì sao lại nói sửa chữa như ảo ?

若諸眾生, 本不修行, 於生死中, 常居幻化。

Nược chư chúng sinh, bản bất tu hành, ư sinh tử trung, thường cư huyễn hóa.

Nếu các chúng sinh, vốn dĩ không sửa chữa, ở trong sinh chết, thường sống trong thay đổi không có thực.

曾不了知如幻境界。令妄想心云何解脫?

Tằng bất liễu tri như huyễn cảnh giới. Linh vọng tưởng tâm vân hà Giải-thoát ?

Tùng chưa hiểu rõ cảnh giới giống như ảo. Làm cho tâm tưởng ảo vọng, Giải thoát sao đây ?

願為末世一切眾生。作何方便? 漸次修習, 令諸眾生永離諸幻。

Nguyên vị mạt thế nhất thiết chúng sinh. Tác hà Phương-tiện ? Tiệm thứ tu tập, linh chư chúng sinh vĩnh ly chư huyễn.

Nguyện vì tất cả chúng sinh Đòi vận hết. Làm Phương tiện nào ? Lần lượt tu tập, giúp các chúng sinh vĩnh viễn rời bỏ ảo vọng.

作是語已，五體投地，如是三請，終而復始。

Tác thị ngũ dĩ, ngũ thể đầu địa, như thị tam thỉnh, chung nhi phục thủy.

Làm lời nói đó xong, phục đất đỉnh lễ, thỉnh cầu ba lần như thế, sau cùng trở lại chỗ cũ.

爾時世尊告普賢菩薩言：善哉！善哉！善男子！

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Phổ Hiền Bồ-tát ngôn : Thiện tai ! thiện tai ! Thiện nam tử !

Khi đó Thế Tôn bảo Phổ Hiền Bồ Tát nói rằng : Thiện thay ! thiện thay ! Ngài nam thiện !

汝等乃能為諸菩薩，及末世眾生。

Nhữ đẳng nãi năng vị chư Bồ-tát, cập mạt thế chúng sinh.

Các Ngài lại năng vì các Bồ Tát và chúng sinh Đòi vận hết.

修習菩薩如幻三昧方便，漸次令諸眾生得離諸幻。

Tu tập Bồ-tát như huyền Tam-muội Phương-tiện, tiệm thứ linh chư chúng sinh đắc ly chư huyền.

Tu tập Phương tiện Tam Muội như ảo của các Bồ Tát, dần dần giúp các chúng sinh rời bỏ được các ảo vọng.

汝今諦聽！當為汝說。時普賢菩薩，奉教歡喜。

Nhữ kim đế thính ! Đương vị Nhữ thuyết. Thời Phổ Hiền Bồ-tát, phụng giáo hoan hỉ.

Ngài nay nghe Tuệ ! Đang vì Ngài nói. Khi đó Phổ Hiền Bồ Tát, vui mừng cung kính tuân theo lời giáo huấn.

及諸大眾，默然而聽。

Cập chư Đại Chúng, mặc nhiên nhi thính.

Cùng các Đại Chúng im lặng lắng nghe.

善男子！一切眾生，種種幻化。

Thiện nam tử ! Nhất thiết chúng sinh, chủng chủng huyền hóa.

Ngài nam thiện ! Tất cả chúng sinh, trùng điệp ảo vọng biến hóa.

皆生如來圓覺妙心。猶如空花從空而有。

Giai sinh Như Lai Viên-giác diệu tâm. Do như không hoa tòng không nhi hữu.

Đều sinh từ tâm Giác ngộ đầy đủ vì diệu của Như Lai. Giống như hoa ảo từ Rỗng không mà thành Có.

幻花雖滅空性不壞。眾生幻心，還依幻滅，諸幻盡滅。

Huyền hoa tuy diệt không tính bất hoại. Chúng sinh huyền tâm, hoàn y huyền diệt, chư huyền tận diệt.

Hoa ảo tuy mất, tính Rỗng không không bị huỷ hoại. Tâm ảo vọng của chúng sinh, trở lại diệt trừ ảo vọng, diệt hết các ảo vọng.

覺心不動。依幻說覺，亦名為幻。若說有覺。

Giác tâm bất động. Y huyền thuyết Giác, diệt danh vi huyền. Nhược thuyết hữu Giác.

Tâm Giác ngộ không động. Dựa vào ảo vọng nói Giác ngộ, cũng có tên là ảo vọng. Nếu nói có Giác ngộ.

猶未離幻。說無覺者，亦復如是。

Do vị ly huyền. Thuyết vô Giác giả, diệt phục như thị.

Do chưa rời bỏ ảo vọng. Nói không Giác ngộ, cũng lại như thế.

是故幻滅名為不動。善男子！一切菩薩及末世眾生。

Thị cố huyền diệt danh vi Bất động. Thiện nam tử ! Nhất thiết Bồ-tát cập mạt thế chúng sinh.

Vì thế diệt trừ ảo vọng tên là Không động. Ngài nam thiện ! Tất cả Bồ Tát và chúng sinh Đòi vận hết.

應當遠離一切幻化虛妄境界。由堅執持遠離心故。

Ứng đương viễn ly nhất thiết huyền hóa hư vọng cảnh giới. Do kiên chấp trì viễn ly tâm cố.

Nên cần rời bỏ xa tất cả cảnh giới ảo vọng biến hóa. Do tâm rời bỏ xa kiên định cố chấp giữ.

心如幻者，亦復遠離，遠離為幻。

Tâm như huyền giả, diệc phục viễn ly, viễn ly vi huyền.

Tâm giống như ảo, cũng lại rời bỏ xa, rời bỏ xa được ảo.

亦復遠離離遠離幻，亦復遠離得無所離，即除諸幻。

Diệc phục viễn ly ly viễn ly huyền diệc phục viễn ly đắc vô sở ly, tức trừ chư huyền.

Cũng lại rời bỏ xa, rời bỏ ảo đã rời bỏ xa, cũng lại rời bỏ xa được sự không rời bỏ, tức thì trừ diệt các ảo.

譬如鑽火兩木相因火出木盡灰飛煙滅。

Thí như toản hỏa lưỡng mộc tương nhân hỏa xuất mộc tận hôi phi yên diệt.

Ví như dùi lấy lửa, nhân hai thanh gỗ cọ sát nhau mà phát sinh ra lửa, gỗ cháy hết khói cũng bay hết.

以幻修幻，亦復如是。諸幻雖盡，不入斷滅。善男子！

Dĩ huyền tu huyền, diệc phục như thị. Chư huyền tuy tận, bất nhập đoạn diệt. Thiện nam tử !

Dùng ảo để tu ảo, cũng lại như thế. Các ảo tuy hết, không nhập vào đoạn trừ hết. Ngài nam thiện!

知幻即離，不作方便。離幻即覺，亦無漸次。

Tri huyền tức ly, bất tác phương-tiện. Ly huyền tức Giác, diệc vô tiệm thứ.

Biết ảo vọng tức thì rời bỏ, không tạo tác Phương tiện. Rời bỏ ảo vọng tức thì Giác ngộ, cũng không có thứ tự.

一切菩薩及末世眾生，依此修行。如是乃能永離諸幻。

Nhất thiết Bồ-tát cập mạt thế chúng sinh, y thủ tu hành. Như thị nãi năng vĩnh ly chư huyền.

Tất cả Bồ Tát và các chúng sinh Đời vận hết dựa vào điểm này mà tu hành. Như thế mới có thể vĩnh viễn rời bỏ các ảo vọng.

爾時世尊，欲重宣此義，而說偈言：

Nhĩ thời Thế Tôn, dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn :

Khi đó Thế Tôn muốn nói lại nghĩa trước mà đọc bài kệ nói rằng :

普賢汝當知 一切諸眾生

Phổ Hiền Nhữ đương tri. Nhất thiết chư chúng sinh.

Phổ Hiền Ngài nên biết. Tất cả các chúng sinh.

無始幻無明 皆從諸如來

Vô thủy huyền Vô-minh. Giai tông chư Như Lai.

Ngu tối ảo từ xưa. Đều từ các Như Lai.

圓覺心建立 猶如虛空花

Viên-giác tâm kiến lập. Do như hư không hoa.

Tạo lập tâm Viên-giác. Giống như hoa trong không.

依空而有相 空花若復滅

Y không nhi hữu tướng. Không hoa nhược phục diệt

Dựa không mà có ảnh. Hoa ảo nếu lại mất.

虛空本不動 幻從諸覺生

Hư không bản bất động. Huyền tông chư Giác sinh.

Khoảng không vẫn không động. Ảo sinh từ các Giác.

幻滅覺圓滿 覺心不動故

Huyền diệt Giác viên mãn. Giác tâm bất động cố.

Ảo mất Giác đầy đủ. Do tâm Giác không động.

若彼諸菩薩 及末世眾生

Nhược bỉ chư Bồ-tát. Cập mạt thế chúng sinh.

Nếu các Bồ Tát đó. Cùng Chúng Đời vận hết.

常應遠離幻 諸幻悉皆離

Thường ứng viễn ly huyễn. Chư huyễn tất giai ly.

Thường rời bỏ xa ảo. Các ảo đều rời hết.

如木中生火 木盡火還滅

Như mộc trung sinh hỏa. Mộc tận hỏa hoàn diệt.

Như lửa sinh trong gỗ. Gỗ hết lửa mất hết.

覺則無漸次 方便亦如是

Giác tắc vô tiệm thứ. Phương-tiện diệc như thị.

Giác không có thứ tự. Phương tiện cũng như thế.

於是普眼菩薩, 在大眾中, 即從座起。

Ư thị Phổ-nhãn Bồ-tát, tại Đại Chúng trung, tức tòng toà khởi.

Khi đó Phổ Nhãn Bồ Tát, ở trong Đại Chúng, tức thì rời chỗ ngồi.

頂禮佛足, 右邊三匝, 長跪叉手, 而白佛言:

Đỉnh lễ Phật túc, hữu nhiều tam tạp, trường quy xoa thủ, nhi bạch Phật ngôn:

Đỉnh lễ Phật hoàn tất, vòng phải ba lượt, quỳ lâu đan chéo ngón, chắp hai bàn tay mà bạch Phật nói rằng:

大悲世尊! 願為此會諸菩薩眾及為末世一切眾生。

Đại Bi Thế Tôn! Nguyên vị thử hội chư Bồ-tát chúng cập vị mạt thế nhất thiết chúng sinh.

Đại Bi Thế Tôn! Nguyên vì các chúng Bồ Tát trong hội này và các chúng sinh Đòi vận hết.

演說菩薩修行漸次。云何思惟? 云何住持?

Diễn thuyết Bồ-tát tu hành tiệm thứ. Vân hà tư duy? Vân hà trụ trì?

Diễn thuyết thứ tự tu hành của Bồ Tát. Tư duy ra sao? Trụ trì như thế nào?

眾生未悟作何方便普令開悟。世尊! 若彼眾生。

Chúng sinh vị ngộ tác hà Phương-tiện phổ linh khai ngộ? Thế Tôn! Nhược bỉ chúng sinh.

Chúng sinh chưa Giác ngộ dùng Phương tiện phổ biến nào giúp cho chúng sinh Giác ngộ? Thế Tôn! Nếu chúng sinh đó.

無正方便及正思惟。聞佛如來說此三昧。

Vô chính Phương-tiện cập chính tư duy. Văn Phật Như Lai thuyết thử Tam-muội.

Không có Phương tiện đúng và tư duy đúng. Nghe Phật Như Lai nói Tam Muội này.

心生迷悶, 則於圓覺, 不能悟入, 願興慈悲。

Tâm sinh mê muội, tắc ư Viên-giác, bất năng ngộ nhập, nguyên hưng Từ Bi.

Tâm sinh bức bối, chắc là với Giác ngộ đầy đủ, không thể nhập vào được, nguyên rộng lòng Từ Bi.

為我等輩及末世眾生假說方便。

Vị Ngã đẳng bối cập mạt thế chúng sinh giả thuyết Phương tiện.

Vì con và các bậc trên cùng với các chúng sinh Đòi vận hết, nói Phương tiện giả.

作是語已, 五體投地, 如是三請, 終而復始。

Tác thị ngữ dĩ, ngũ thể đầu địa, như thị tam thỉnh, chung nhi phục thủy.

Làm lời nói đó xong, phục đất đỉnh lễ, thỉnh cầu ba lần như thế, sau đó trở về chỗ cũ.

爾時世尊告普眼菩薩言: 善哉! 善哉! 善男子!

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Phổ Nhãn Bồ-tát ngôn: Thiện tai! thiện tai! Thiện nam tử!

Khi đó Thế Tôn bảo Phổ Nhãn Bồ Tát nói rằng: Thiện thay! Thiện thay! Ngài nam thiện!

汝等乃能為諸菩薩及末世眾生。

Nhữ đẳng nãi năng vị chư Bồ-tát cập mạt thế chúng sinh.

Ngài lại năng vì các Bồ Tát và các chúng sinh Đòi vận hết.

問於如來修行漸次思惟住持乃至假說種種方便。

Vấn ư Như Lai tu hành tiệm thứ tư duy trụ trì nãi chí giả thuyết chủng chủng Phương tiện.

Hỏi Như Lai thứ tự tu hành, tư duy trụ trì thậm chí nói các loại Phương tiện giả.

汝今諦聽！當為汝說。時普眼菩薩，奉教歡喜。

Nhữ kim đế thính ! Đương vị Nhữ thuyết. Thời Phổ Nhãn Bồ-tát, phụng giáo hoan hỉ.

Ngài nay nghe Tuệ ! Đương vì Ngài nói. Khi đó Phổ Nhãn Bồ Tát, vui vẻ cung kính tuân theo lời giáo huấn.

及諸大眾默然而聽。

Cập chur Đại Chúng mặc nhiên nhi thính.

Cùng với các Đại Chúng im lặng mà lắng nghe.

善男子！彼新學菩薩及末世眾生。

Thiện nam tử ! Bỉ tân học Bồ-tát cập mạt thế chúng sinh.

Ngài nam thiện ! Bồ Tát mới học Pháp đó cùng với chúng sinh Đòi vận hết.

欲求如來淨圓覺心，應當正念遠離諸幻。

Dục cầu Như Lai tịnh Viên-giác tâm, ứng đương chính niệm viễn ly chur huyền.

Muốn cầu tâm Giác ngộ đầy đủ Thanh tịnh của Như Lai, nên cần suy niệm đúng, rời bỏ xa các ảo vọng.

先依如來奢摩他行，堅持禁戒，安處徒眾，宴坐靜室。

Tiên y Như Lai Xa-ma-tha hành, kiên trì cấm giới, an xứ đồ chúng, yến tọa tĩnh thất.

Trước tiên dựa vào cách giữ tâm Tĩnh lặng, kiên trì giữ cấm Giới, sống yên ổn trong Chúng, yên vui ngồi trong phòng tĩnh lặng.

恒作是念：我今此身四大和合。

Hằng tác thị niệm : Ngã kim thử thân Tứ-đại hòa hợp.

Thường làm suy nghĩ là : Nay thân của mình Nước Đất Gió Lửa hoà hợp.

所謂髮毛爪齒皮肉筋骨髓腦垢色皆歸於地。

Sở vị phát mao trảo xỉ bì nhục cân cốt tủy não cấu sắc giai quy ư địa.

Gọi là tóc lông móng tay móng chân răng da thịt gân xương tủy não huỷ hoại đều trở về Đất.

唾涕膿血津液涎沫痰淚精氣大小便利皆歸於水。

Thóa thể nùng huyết tân dịch tiên mạt đàm lệ tinh khí đại tiểu tiện lợi giai quy ư thủy.

Nước mắt máu mù tân dịch nước dãi nước bọt đờm tuyến lệ tinh khí đại tiện tiểu tiện đều thuộc về Nước.

暖氣歸火，動轉歸風。四大各離，今者妄身。

Noãn khí quy hỏa, động chuyển quy phong. Tứ-đại các ly, kim giả vọng thân.

Khí nóng thuộc về Lửa, chuyển động thuộc về Gió. Nước Đất Lửa Gió rời bỏ, nay thân ảo vọng.

當在何處？即知此身畢竟無體。和合為相，實同幻化。

Đương tại hà xứ ? Tức tri thử thân tất cánh vô thể. Hòa hợp vi tướng, thực đồng huyền hóa.

Đang ở nơi nào ? Tức thì biết thân này cuối cùng không có hình thể. Hoà hợp thì có hình thể, thực chất đều là ảo vọng biến hóa.

四緣假合，妄有六根。六根四大，中外合成。

Tứ duyên giả hợp, vọng hữu Lục-căn. Lục-căn Tứ-đại, trung ngoại hợp thành.

Bốn duyên giả hoà hợp, ảo vọng có 6 Căn : Mắt Mũi Tai Lưỡi Thân Ý. 4 Đại 6 Căn, trong ngoài hợp lại mà thành.

妄有緣氣，於中積聚似有緣相假名為心。

Vọng hữu duyên khí, ư trung tích tụ tự tự hữu duyên, tướng giả danh vi tâm.

Ảo vọng có duyên có khí, tích tụ trong đó tự có duyên, hình tướng giả gọi tên là Tâm.

善男子！此虛妄心若無六塵則不能有。

Thiện nam tử ! Thử hư vọng tâm nhược vô Lục-trần tác bất năng hữu.

Ngài nam thiện ! Tâm ảo vọng này nếu không có 6 Trần : Sắc Thanh Hương Vị Xúc Pháp, chắc là không thể Có.

四大分解無塵可得，於中緣塵各歸散滅。

Tứ-đại phân giải vô trần khả đắc, ư trung duyên trần các quy tán diệt.

Bốn Đại phân tán 6 Trần không thể có được, trong đó duyên 6 Trần các loại phân tán huỷ diệt theo.

畢竟無有緣心可見。善男子！

Tất cánh vô hữu duyên tâm khả kiến. Thiện nam tử !

Cuối cùng không đâu có, tâm duyên có thể nhìn thấy. Ngài nam thiện !

彼之眾生幻身滅故幻心亦滅。幻心滅故幻塵亦滅。幻塵滅故幻滅亦滅。

Bỉ chi chúng sinh huyễn thân diệt cố huyễn tâm diệt diệt. Huyễn tâm diệt cố huyễn trần diệt diệt.

Huyễn trần diệt cố huyễn diệt diệt diệt.

Do thân ảo vọng của chúng sinh mất, tâm ảo vọng cũng mất. Do tâm ảo vọng mất 6 Trần ảo vọng cũng mất. Do 6 Trần ảo vọng mất, mất ảo vọng cũng mất.

幻滅滅故非幻不滅。譬如磨鏡垢盡明現。

Huyễn diệt diệt cố phi huyễn bất diệt. Thí như ma kính cầu tận minh hiện.

Do diệt trừ ảo vọng mất, chân thực không mất. Ví như lau kính lau sạch bản hiện thành sáng.

善男子！當知身心皆為幻垢垢相永滅十方清淨。善男子！

Thiện nam tử ! Đương tri thân tâm giai vi huyễn cầu cầu tướng vĩnh diệt thập phương Thanh tịnh.

Thiện nam tử !

Ngài nam thiện ! Cần biết Thân Tâm đều là ảo vọng bản xấu, hình tướng bản xấu vĩnh viễn mất, mười phương Thanh tịnh. Ngài nam thiện !

譬如清淨摩尼寶珠映於五色隨方各現。諸愚癡者見彼摩尼實有五色。

Thí như Thanh tịnh Ma-ni bảo châu ánh ư ngũ sắc tùy phương các hiện. Chư ngu si giả kiến bỉ Ma-ni thực hữu ngũ sắc.

Ví như châu quý Như ý Thanh tịnh phát ra 5 sắc, hiện ra tùy theo phương hướng. Người ngu si nhìn thấy châu Như ý đó thực có 5 sắc.

善男子！圓覺淨性現於身心隨類各應。彼愚癡者。

Thiện nam tử ! Viên giác tịnh tính hiện ư thân tâm tùy loại các ứng. Bỉ ngu si giả.

Ngài nam thiện ! Tính Thanh tịnh Giác ngộ đầy đủ hiện ở trong Thân Tâm tùy theo sự mong muốn. Người ngu si đó.

說淨圓覺實有如是身心。自相亦復如是。

Thuyết tịnh Viên-giác thực hữu như thị thân tâm. Tự tướng diệt phục như thị.

Nói Giác ngộ đầy đủ Thanh tịnh thực có Thân Tâm như thế. Hình tướng tự thân cũng lại như thế.

由此不能遠於幻化。是故我說身心幻垢對離幻垢。

Do thử bất năng viễn ư huyễn hóa. Thị cố Ngã thuyết thân tâm huyễn cầu đối ly huyễn cầu.

Do vì không thể xa lánh ảo vọng. Vì thế Ta nói ảo vọng xấu của Thân tâm song hành cùng với rời bỏ ảo vọng xấu.

說名菩薩垢盡對除，即無對垢及說名者。

Thuyết danh Bồ-tát cầu tận đối trừ, tức vô đối cầu cập thuyết danh giả.

Nói tên là Bồ Tát cùng trừ diệt hết xấu bản, tức thì không cùng với xấu bản cũng là nói tên giả.

善男子！此菩薩及末世眾生。

Thiện nam tử ! Thử Bồ-tát cập mạt thế chúng sinh.

Ngài nam thiện ! Bồ Tát này cùng với chúng sinh Đòi vận hết.

證得諸幻滅影像故。爾時便得無方清淨。

Chứng đắc chư huyễn diệt ảnh tượng cố. Nhĩ thời tiện đắc vô phương Thanh tịnh.

Do chứng nghiệm ảnh tượng mất các ảo vọng. Khi đó liền được không có cách nào Thanh tịnh.

無邊虛空覺所顯發。覺圓明故顯心清淨。心清淨故見塵清淨。

Vô biên hư không Giác sở hiển phát. Giác viên minh cố hiển tâm Thanh tịnh. Tâm Thanh tịnh cố

kiến trần Thanh tịnh.

Hư không vô biên Giác được hiện ra. Do Giác ngộ đầy đủ sáng tỏ hiện ra tâm Thanh tịnh. Do tâm Thanh tịnh nhìn thấy 6 Trần Thanh tịnh.

見清淨故眼根清淨。根清淨故眼識清淨。

Kiến Thanh tịnh cố nhãn Căn Thanh tịnh. Căn Thanh tịnh cố nhãn thức Thanh tịnh.

Do nhìn thấy Thanh tịnh nên mắt được Thanh tịnh. Do Căn Thanh tịnh Thức của mắt Thanh tịnh.

識清淨故聞塵清淨。聞清淨故耳根清淨。

Thức Thanh tịnh cố văn trần Thanh tịnh. Văn Thanh tịnh cố nhĩ căn Thanh tịnh.

Do nhận thức Thanh tịnh nên nghe của 6 Trần Thanh tịnh. Do nghe Thanh tịnh nên tai Thanh tịnh.

根清淨故耳識清淨。識清淨故覺塵清淨。

Căn Thanh tịnh cố nhĩ thức Thanh tịnh. Thức Thanh tịnh cố giác trần Thanh tịnh.

Do Căn Thanh tịnh nên nhận thức của tai Thanh tịnh. Do nhận thức Thanh tịnh Giác ngộ 6 Trần Thanh tịnh.

如是乃至鼻舌身意亦復如是。善男子！

Như thị nãi chí tị thiết thân ý diệc phục như thị. Thiện nam tử !

Như thế thậm chí mũi lưỡi thân ý cũng đều như thế. Ngài nam thiện !

根清淨故色塵清淨。色清淨故聲塵清淨。

Căn Thanh tịnh cố sắc trần Thanh tịnh. Sắc Thanh tịnh cố Thanh trần Thanh tịnh.

Do Căn Thanh tịnh nên sắc của 6 Trần Thanh tịnh. Do Sắc Thanh tịnh nên Thanh của 6 Trần Thanh tịnh.

香味觸法亦復如是。善男子！六塵清淨故，地大清淨。

Hương vị xúc pháp diệc phục như thị. Thiện nam tử ! Lục-trần Thanh tịnh cố, Địa-đại Thanh tịnh.

Hương Vị Xúc Pháp cũng lại như thế. Ngài nam thiện ! Do 6 Trần Thanh tịnh, nên Đất của 4 Đại Thanh tịnh.

地清淨故水大清淨。火大風大亦復如是。善男子！

Địa Thanh tịnh cố Thủy-đại Thanh tịnh. Hỏa-đại Phong-đại diệc phục như thị. Thiện nam tử !

Do Đất Thanh tịnh nên Nước của 4 Đại Thanh tịnh. Do Lửa của 4 Đại, Gió của 4 Đại cũng lại như thế. Ngài nam thiện !

四大清淨故，十二處十八界二十五有清淨。

Tứ-đại Thanh tịnh cố, thập nhị xứ thập bát giới nhị thập ngũ hữu Thanh tịnh.

Do 4 Đại Thanh tịnh nên 12 Xứ 18 Giới 25 Có Thanh tịnh.

彼清淨故，十力四無所畏，四無礙智。

Bỉ Thanh tịnh cố, thập Lực Tứ vô-sở úy, Tứ vô-ngại Trí.

Do những việc trên đó Thanh tịnh nên 10 Lực 4 không sợ hãi, 4 Trí tuệ không trở ngại.

佛十八不共法，三十七助道品清淨。

Phật Thập bát bất cộng pháp, Tam thập thất trợ đạo phẩm Thanh tịnh.

18 bất cộng Pháp Phật, 37 trợ Đạo phẩm Thanh tịnh.

如是乃至八萬四千陀羅尼門一切清淨。善男子！

Như thị nãi chí bát vạn tứ thiên Đà-la-ni môn nhất thiết Thanh tịnh. Thiện nam tử !

Như thế thậm chí 8 vạn 4 nghìn môn Đà La Ni tất cả đều Thanh tịnh. Ngài nam thiện !

一切實相性清淨故一身清淨。一身清淨故多身清淨。

Nhất thiết Thực-tướng tính Thanh tịnh cố nhất thân Thanh tịnh. Nhất thân Thanh tịnh cố đa thân Thanh tịnh.

Do tất cả Tính của Thực-tướng (không có hình tướng) Thanh tịnh nên một thân Thanh tịnh. Do một thân Thanh tịnh nên nhiều thân Thanh tịnh.

多身清淨故如是乃至十方眾生圓覺清淨。

Đa thân Thanh tịnh cố như thị nãi chí thập phương chúng sinh Viên-giác Thanh tịnh.

Do nhiều thân Thanh tịnh như thế thậm chí Giác ngộ đầy đủ của chúng sinh mười phương Thanh tịnh.

善男子！一世界清淨故多世界清淨。

Thiện nam tử！Nhất Thế giới Thanh tịnh cố đa thế giới Thanh tịnh.

Ngài nam thiện！Do một Thế giới Thanh tịnh nên nhiều Thế giới Thanh tịnh.

多世界清淨故如是乃至盡於虛空圓裏三世一切平等清淨不動。

Đa Thế giới Thanh tịnh cố như thị nãi chí tận hư không viên khoả Tam-thế nhất thiết Bình đẳng Thanh tịnh bất động.

Do nhiều Thế giới Thanh tịnh như thế, thậm chí tận cùng khoảng không bao hàm hết Quá khứ Hiện tại Tương lai tất cả đều Bình đẳng Thanh tịnh Không động.

善男子！虛空如是平等不動。

Thiện nam tử！Hư không như thị Bình đẳng bất động.

Ngài nam thiện！Khoảng không Bình đẳng Không động như thế

當知覺性平等不動四大不動故。當知覺性平等不動。

Đương tri Giác-tính bình đẳng bất động Tứ-đại bất động cố。Đương tri Giác-tính bình đẳng bất động.

Cần biết do tính của Giác ngộ bình đẳng im lặng 4 Đại im lặng. Nên biết tính của Giác ngộ Bình đẳng im lặng.

如是乃至八萬四千陀羅尼門平等不動。

Như thị nãi chí bát vạn tứ thiên Đà-la-ni môn Bình đẳng bất động.

Như thế thậm chí 8 vạn 4 nghìn môn Đà La Ni Bình đẳng Không động.

當知覺性平等不動。善男子！覺性遍滿清淨不動。

Đương tri Giác-tính Bình đẳng bất động。Thiện nam tử！Giác-tính biến mãn Thanh tịnh bất động.

Nên biết tính của Giác ngộ bình đẳng Không động. Ngài nam thiện！Tính của Giác ngộ biến ra khắp nơi Thanh tịnh Không động.

圓無際故，當知六根遍滿法界。

Viên vô tế cố，đương tri Lục-căn biến mãn Pháp giới.

Do đầy đủ không có biên giới, nên biết 6 Căn biến đầy khắp Pháp giới.

根遍滿故當知六塵遍滿法界。

Căn biến mãn cố đương tri Lục-trần biến mãn Pháp giới.

Do 6 Căn biến đầy khắp nên hiểu 6 Trần cũng biến đầy khắp Pháp giới.

塵遍滿故當知四大遍滿法界。如是乃至陀羅尼門遍滿法界。善男子！

Trần biến mãn cố đương tri Tứ-đại biến mãn Pháp giới. Như thị nãi chí Đà-la-ni môn biến mãn Pháp giới. Thiện nam tử！

Do 6 Trần biến đầy khắp nên hiểu 4 Đại cũng biến đầy khắp Pháp giới. Như thế thậm chí môn Đà La Ni cũng biến đầy khắp Pháp giới. Ngài nam thiện！

由彼妙覺性遍滿故。根性塵性無壞無雜。

Do bị diệu Giác-tính biến mãn cố。Căn-tính trần-tính vô hoại vô tạp.

Do tính của Giác ngộ vi diệu đó biến ra đầy khắp. Tính của 6 Căn 6 Trần không huỷ hoại không uế tạp.

根塵無壞故如是乃至陀羅尼門無壞無雜。

Căn trần vô hoại cố như thị nãi chí Đà-la-ni môn vô hoại vô tạp.

Do Căn Trần không huỷ hoại như thế thậm chí môn Đà La Ni không huỷ hoại không uế tạp.

如百千燈光照一室。其光遍滿無壞無雜。善男子！

Như bách thiên đăng quang chiếu nhất thất. Kỳ quang biến mãn vô hoại vô tạp. Thiện nam tử！

Như trăm nghìn ánh đèn chiếu soi một căn phòng. Quang này biến ra đầy khắp, không huỷ hoại không uế tạp. Ngài nam thiện !

覺成就故，當知菩薩，不與法縛，不求法脫。

Giác thành tựu cố, đương tri Bồ-tát, bất dữ Pháp phược, bất cầu Pháp thoát.

Do Giác ngộ thành công, Bồ Tát cần biết, không bị Pháp ràng buộc, không cầu thoát ra khỏi Pháp.

不厭生死不愛涅槃。不敬持戒。不憎毀禁。

Bất yếm sinh tử bất ái Niết-Bàn, bất kính trì giới, bất tăng hủy cấm.

Không chán sinh chết không yêu quý Niết Bàn, không cung kính giữ Giới, không ghét hủy cấm Giới.

不重久習，不輕初學。何以故？一切覺故。

Bất trọng cửu tập, bất khinh sơ học. Hà dĩ cố ? Nhất thiết Giác cố.

Không coi trọng tu tập lâu dài, không coi thường mới học tập. Có là sao ? Do tất cả Giác ngộ.

譬如眼光曉了前境。其光圓滿得無憎愛。

Thí như nhãn quang hiểu liễu tiền cảnh. Kỳ quang viên mãn đắc vô tăng ái.

Ví như ánh quang của mắt hiểu rõ cảnh ở trước mắt. Quang này đầy đủ được sự không yêu không ghét.

何以故？光體無二無憎愛故。善男子！

Hà dĩ cố ? Quang thể vô nhị vô tăng ái cố. Thiện nam tử !

Có là sao ? Do hình thể quang không có hai không yêu không ghét. Ngài nam thiện !

此菩薩及末世眾生，修習此心，得成就者。

Thử Bồ-tát cập mạt thế chúng sinh, tu tập thử tâm, đắc thành tựu giả.

Bồ Tát này cùng với các chúng sinh Đời vận hết, tu tập tâm này, được thành công.

於此無修亦無成就。圓覺普照寂滅無二。

Ở đây vô tu diệc vô thành tựu. Viên-giác phổ chiếu Tịch-diệt vô nhị.

Với việc này không tu cũng không thành công. Giác ngộ đầy đủ chiếu soi khắp nơi, Vắng lặng tuyệt đối không có hai.

於中百千萬億不可說阿僧祇恒河沙諸佛世界。

Ở trong trăm nghìn vạn triệu không thể nói hết A-tăng-kỳ Hằng hà sa chư Phật Thế-giới.

Ở trong trăm nghìn vạn triệu không thể nói hết A-tăng-kỳ Hằng hà sa các Thế giới Phật.

猶如空花亂起亂滅。不即不離無縛無脫。

Do như không hoa loạn khởi loạn diệt. Bất tức bất ly vô phược vô thoát.

Giống như hoa ảo loạn xạ xuất hiện và loạn xạ mất đi. Không có tức thời, không có rời bỏ, không có ràng buộc, không có thoát ra.

始知眾生本來成佛生死涅槃猶如昨夢。善男子！

Thủy tri chúng sinh bản lai thành Phật sinh tử Niết-Bàn do như tạc mộng. Thiện nam tử !

Xa xưa biết vốn dĩ thành Phật, sinh chết Niết Bàn của chúng sinh giống như giấc mộng đã trôi qua. Ngài nam thiện !

如昨夢故當知生死及與涅槃無起無滅無來無去。

Như tạc mộng cố đương tri sinh tử cập dữ Niết-Bàn vô khởi vô diệt vô lai vô khứ.

Do như giấc mộng đã trôi qua, nên biết sinh chết và Niết Bàn không phát khởi ra không mất đi không tới không đi.

其所證者無得無失無取無捨。

Kỳ sở chứng giả vô đắc vô thất vô thủ vô xả.

Chứng nghiệm được việc này là : Không được, không mất, không nắm giữ, không bỏ đi.

其能證者無住無止無作無滅。

Kỳ năng chứng giả vô trụ vô chỉ vô tác vô diệt.

Chứng nghiệm được việc đó là : Không ở, không dừng lại, không làm, không mất.

於此證中無能無所畢竟無證亦無證者一切法性平等不壞。

Ư thử chứng trung, vô năng vô sở tất cánh vô chứng, diệc vô chứng giả, nhất thiết Pháp tính Bình đẳng bất hoại.

Trong sự chứng nghiệm này, không thể có được sự chứng nghiệm tới tận cùng, cũng không chứng nghiệm gì, tính của tất cả các Pháp Bình đẳng không hoại.

善男子！彼諸菩薩，如是修行，如是漸次，如是思惟。

Thiện nam tử ! Bỉ chư Bồ-tát, như thị tu hành, như thị tiệm thứ, như thị tư duy.

Ngài nam thiện ! Các Bồ Tát đó, tu hành như thế, lần lượt như thế, tư duy như thế.

如是住持，如是方便，如是開悟，求如是法。

Như thị trụ trì, như thị Phương-tiện, như thị khai ngộ, cầu như thị Pháp.

Trụ trì như thế, Phương tiện như thế, Giác ngộ như thế, cầu Pháp như thế.

亦不迷悶。爾時世尊欲重宣此義而說偈言：

Diệc bất mê muộn. Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa nhi thuyết kệ ngôn :

Cũng không mê muội. Khi đó Thế Tôn muốn nói lại nghĩa trước mà đọc bài kệ nói rằng :

普眼汝當知 一切諸眾生

Phổ Nhãn Nhữ đương tri. Nhất thiết chư chúng sinh.

Phổ Nhãn Ngài nên biết. Tất cả các chúng sinh.

身心皆如幻 身相屬四大

Thân tâm giai như huyễn. Thân tướng thuộc Tứ-đại.

Thân tâm đều như ảo. Thân thể thuộc Bốn Đại.

心性歸六塵 四大體各離

Tâm tính quy Lục-trần. Tứ-đại thể các ly.

Tính tâm thuộc Sáu Trần. Thân Bốn Đại rời bỏ.

誰為和合者 如是漸修行

Thùy vi hòa hợp giả. Như thị tiệm tu hành.

Ai là người hoà hợp. Tu hành dần như thế.

一切悉清淨 不動遍法界

Nhất thiết tất Thanh tịnh. Bất động biên Pháp giới.

Tất cả đều Thanh tịnh. Khắp Pháp giới Không động.

無作止任滅 亦無能證者

Vô tác chỉ nhâm diệt. Diệc vô năng chứng giả.

Không làm dừng nhiệm mất. Cũng không thể chứng nghiệm.

一切佛世界 猶如虛空花

Nhất thiết Phật Thế giới. Do như hư không hoa.

Tất cả Thế giới Phật. Giống như hoa hư ảo.

三世悉平等 畢竟無來去

Tam-thế tất bình đẳng. Tất cánh vô lai khứ

Ba đời cùng ngang nhau. Cuối cùng không lui tới.

初發心菩薩 及末世眾生

Sơ phát tâm Bồ-tát. Cập mạt thế chúng sinh

Bồ Tát mới phát tâm. Chúng sinh Đời vận hết.

欲求入佛道 應如是修習

Dục cầu nhập Phật đạo. Ứng như thị tu tập.

Muốn cầu vào Đạo Phật. Cần tu tập như thế.

於是金剛藏菩薩，在大眾中，即從座起。

Ư thị Kim-cương-tạng Bồ-tát, tại Đại Chúng trung, tức tòng toà khởi.

Lúc đó Kim Cương Tạng Bồ Tát, ở trong Đại Chúng, tức thời rời khỏi chỗ ngồi.

頂禮佛足，右邊三匝，長跪叉手，而白佛言：

Đỉnh lễ Phật túc, hữu nhiễu tam匝, trường quy xoa thủ, nhi bạch Phật ngôn :

Đỉnh lễ Phật hoàn tất, vòng phải ba lượt, quỳ lâu đan chéo ngón, chắp đôi bàn tay mà bạch Phật nói rằng :

大悲世尊！善為一切諸菩薩眾。

Đại Bi Thế Tôn ! Thiện vị nhất thiết chư Bồ-tát chúng.

Đại Bi Thế Tôn ! Vui lòng vì tất cả các chúng Bồ Tát.

宣揚如來圓覺清淨大陀羅尼因地法行漸次方便。

Tuyên dương Như Lai Viên-giác Thanh tịnh Đại Đà-la-ni nhân địa Pháp hành tiệm thứ Phương-tiện.

Tuyên bố Phương tiện thứ tự tu hành Pháp Trí tuệ Đại Đà La Ni Thanh tịnh Giác ngộ đầy đủ của Như Lai.

與諸眾生開發蒙昧。在會法眾，承佛慈誨。

Dữ chư chúng sinh khai phát mê muội. Tại hội Pháp chúng, thừa Phật Từ hồi.

Ban cho chúng sinh mới phát ý được Tam Muội. Chúng sinh trong hội Pháp, dựa vào Từ Bi giáo huấn của Phật.

幻翳朗然，慧目清淨。世尊！若諸眾生本來成佛。

Huyễn ế lãng nhiên, tuệ mục Thanh tịnh. Thế Tôn ! Nhược chư chúng sinh bản lai thành Phật.

Sáng tỏ hoa ảo của màng mắt, thấy được Tuệ Thanh tịnh. Thế Tôn ! Nếu các chúng sinh vốn dĩ thành Phật.

何故復有一切無明。若諸無明，眾生本有。何因緣故？

Hà cố phục hữu nhất thiết Vô-minh. Nhược chư Vô-minh, chúng sinh bản hữu. Hà nhân duyên cố ?

Cớ sao lại có tất cả sự Ngụ tối. Nếu các Ngụ tối là sự hiện hữu vốn có của chúng sinh. Do nhân duyên gì ?

如來復說本來成佛。十方異生，本成佛道，後起無明。

Như Lai phục thuyết bản lai thành Phật. Thập phương dị sinh, bản thành Phật đạo, hậu khởi Vô-minh.

Như Lai lại nói vốn dĩ thành Phật. Mười phương sinh khác lạ, vốn dĩ thành Đạo Phật, về sau phát khởi Ngụ tối.

一切如來，何時復生一切煩惱唯願不捨無遮大慈。

Nhất thiết Như Lai, hà thời phục sinh nhất thiết phiền não duy nguyện bất xả Vô-già Đại Từ ?

Tất cả Như Lai, vì sao lại sinh các Phiền não chỉ xin không bỏ Đại Từ thương xót bao dung chúng sinh ?

為諸菩薩開祕密藏，及為末世一切眾生。

Vị chư Bồ-tát khai bí mật tạng, cập vị mật thể nhất thiết chúng sinh.

Vì các Bồ Tát khai tỏ Tạng bí mật, cùng với chúng sinh Đòi vận hết.

得聞如是修多羅教了義法門，永斷疑悔。

Đắc văn như thị Tu-đa-la giáo liễu nghĩa Pháp môn, vĩnh đoạn nghi hồi.

Được nghe rõ nghĩa môn Pháp Giác ngộ đầy đủ Tu Đa La như thế, vĩnh viễn đoạn trừ nghi hoặc hồi hận.

作是語已，五體投地，如是三請，終而復始。

Tác thị ngữ dĩ, ngũ thể đầu địa, như thị tam thỉnh, chung nhi phục thủy.

Làm lời nói đó xong, phục đất đỉnh lễ, thỉnh cầu ba lần như thế, sau cùng trở lại chỗ cũ.

爾時世尊告金剛藏菩薩言：善哉！善哉！

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Kim Cương tạng Bồ-tát ngôn : Thiện tai ! Thiện tai !

Khi đó Thế Tôn bảo Kim Cương Tạng Bồ Tát nói rằng : Thiện thay ! Thiện thay !

善男子！汝等乃能為諸菩薩及末世眾生。

Thiện nam tử ! Nhữ đẳng nãi năng vị chư Bồ-tát cập mật thể chúng sinh.

Ngài nam thiện ! Các Ngài lại năng vì các Bồ Tát cùng với chúng sinh Đòi vận hết.

問於如來甚深祕密究竟方便。

Vấn ư Như Lai thậm thâm bí mật cứu cánh Phương-tiện.

Hỏi Như Lai Phương tiện cuối cùng bí mật thâm sâu.

是諸菩薩最上教誨了義大乘。

Thị chư Bồ-tát tối thượng giáo hối liễu nghĩa Đại-Thừa.

Đây là lời dạy bảo rõ nghĩa Đại Thừa cao nhất cho các Bồ Tát.

能使十方修學菩薩及諸末世一切眾生。得決定信，永斷疑悔。

Năng sử thập phương tu học Bồ-tát cập chư mật thể nhất thiết chúng sinh. Đắc quyết định tín, vĩnh đoạn nghi hối.

Năng giúp cho Bồ-tát mười phương tu học và tất cả chúng sinh Đòi vận hết. Nhất định có được Đức tin, vĩnh viễn đoạn trừ nghi hoặc hối hận.

汝今諦聽！當為汝說。時金剛藏菩薩奉教歡喜，及諸大眾默然而聽。

Nhữ kim đế thính ! Đương vì Nhữ thuyết. Thời Kim Cương tạng Bồ-tát phụng giáo hoan hỷ, cập chư Đại Chúng mặc nhiên nhi thính.

Ngài nay nghe Tuệ ! Đương vì Ngài nói. Khi đó Kim Cương tạng Bồ Tát vui vẻ cung kính tuân theo lời giáo huấn cùng với các Đại Chúng im lặng lắng nghe.

善男子！一切世界始終生滅，前後有無。

Thiện nam tử ! Nhất thiết Thế-giới thủy chung sinh diệt, tiền hậu hữu vô.

Ngài nam thiện ! Tất cả Thế giới từ xưa tới sau này có sinh ra và mất đi, trước sau Có Không.

聚散起止，念念相續，循環往復，種種取捨。

Tụ tán khởi chỉ, niệm niệm tương tục, tuần hoàn vãng phục, chủng chủng thủ xả.

Tụ lại tan rời phát khởi dừng lại, suy niệm liên tục, tuần hoàn đi tới quay về, nắm lấy bỏ đi nhiều loại.

皆是輪迴，未出輪迴，而辨圓覺。

Giai thị Luân-hồi, vị xuất Luân-hồi, nhi biện Viên-giác.

Đều là Luân chuyển quay trở lại, chưa thoát khỏi vòng Luân chuyển quay trở lại, mà thực hành Giác ngộ đầy đủ.

彼圓覺性即同流轉。若免輪迴，無有是處。

Bỉ Viên-giác tính tức đồng lưu chuyển, nhược miễn Luân-hồi, vô hữu thị xứ.

Tính của Giác ngộ đầy đủ đó tức thời cùng lưu chuyển, nếu miễn trừ lưu chuyển trở lại, không có nơi đó.

譬如動目能搖湛水，又如定眼，猶迴轉火。

Thí như động mục năng dao trạm thủy, hựu như định nhãn, do hồi chuyển hỏa.

Ví như mắt di động kéo theo nước mắt dao động, lại như mắt đứng yên, nóng còn lưu chuyển trở lại.

雲駛月運舟行岸移亦復如是。善男子！諸旋未息，彼物先住。

Vân sử Nguyệt vận châu hành ngạn di diệc phục như thị. Thiện nam tử ! Chư toàn vị tức, bỉ vật tiên trụ.

Mây bay nhanh mặt Trăng xoay vùn, thuyền dời đi rời xa bờ cũng lại như thế. Ngài nam thiện !

Sự chuyển vận vòng tròn chưa nghỉ, vật đó trước đây ở.

尚不可得，何況輪轉生死垢心，曾未清淨。

Thượng bất khả đắc, hà huống luân chuyển sinh tử cấu tâm, tăng vị Thanh tịnh.

Còn không thể có được, huống gì tâm ô uế luân chuyển sinh mất, chưa từng Thanh tịnh.

觀佛圓覺而不旋復。是故汝等便生三惑。

Quan Phật Viên-giác nhi bất toàn phục, thị cố Nhữ đẳng tiện sinh Tam-hoặc.

Quan sát Giác ngộ đầy đủ của Phật mà lại không quay trở về, vì thế các Ngài liền sinh ba nghi hoặc.

善男子！譬如患翳妄見空花，患翳若除，

Thiện nam tử！Thí như hoạn ế vọng kiến không hoa, hoạn ế nhược trừ.

Ngài nam thiện！Ví như mắt có tật nhìn nhầm thấy hoa ảo, tật của mắt nếu trừ bỏ.

不可說言：此翳已滅，何時更起一切諸翳？

Bất khả thuyết ngôn：Thử ế dĩ diệt, hà thời cánh khởi nhất thiết chư ế？

Không thể nói rằng：Tật mắt này đã trừ diệt, khi nào lại khởi sinh các tật của mắt？

何以故？翳花二法非相待故，亦如空花滅於空時。

Hà dĩ cố？Ế hoa nhị Pháp phi tương đãi cố, diệt như không hoa diệt ư không thời.

Có là sao？Hai kiểu hoa của tật mắt không phải không có hình tướng, cũng như hoa ảo mất đi lúc ở trong rỗng không.

不可說言：虛空何時更起空花？何以故。

Bất khả thuyết ngôn：Hư không hà thời cánh khởi không hoa？Hà dĩ cố？

Không thể nói rằng：Khoảng không khi nào lại khởi sinh hoa ảo？Có là sao？

空本無花非起滅故。生死涅槃同於起滅。

Không bản vô hoa phi khởi diệt cố. Sinh tử Niết-Bàn đồng ư khởi diệt.

Rỗng không vốn dĩ không có hoa, do không khởi sinh và mất đi. Sinh chết Niết Bàn đồng hành với khởi sinh và mất đi.

妙覺圓照離於花翳。善男子！

Diệu Giác viên chiếu ly ư hoa ế. Thiện nam tử！

Giác ngộ vi diệu đầy đủ soi rõ bằng việc rời bỏ hoa ảo do tật của mắt. Ngài nam thiện！

當知虛空非是暫有亦非暫無。

Đương tri hư không phi thị tạm hữu diệt phi tạm vô.

Nên biết trong khoảng không chẳng qua là tạm thời Có, cũng không phải tạm thời không có.

況復如來圓覺隨順而為虛空平等本性。善男子！

Huống phục Như Lai Viên-giác tùy thuận nhi vi hư không bình đẳng bản tính. Thiện nam tử！

Huống chỉ Giác ngộ đầy đủ của Như Lai lại là thuận theo, mà Tính vốn dĩ ngang bằng nhau là khoảng không. Ngài nam thiện！

如銷金鑛金非銷有既已成金不重為鑛。經無窮時，金性不壞。

Như tiêu kim khoáng kim phi tiêu hữu ký dĩ thành kim bất trùng vi khoáng. Kinh vô cùng thời, kim tính bất hoại.

Như luyện quặng thành kim loại, không chỉ có luyện thành kim loại mà còn không trở về thành quặng được. Qua thời gian vô tận, Tính của kim loại không thay đổi.

不應說言：本非成就。如來圓覺亦復如是。

Bất ưng thuyết ngôn：Bản phi thành tựu. Như Lai Viên-giác diệt phục như thị.

Không nên nói rằng：Vốn dĩ không thành công. Giác ngộ đầy đủ của Như Lai cũng lại như thế.

善男子！一切如來妙圓覺心本無菩提及與涅槃。

Thiện nam tử！Nhất thiết Như Lai diệu Viên-giác tâm bản vô Bồ-đề cập dữ Niết-Bàn.

Ngài nam thiện！Tâm Giác ngộ đầy đủ vi diệu của tất cả Như Lai vốn dĩ không có Bồ Đề cùng với Niết Bàn.

亦無成佛及不成佛，無妄輪迴及非輪迴。善男子！

Diệt vô thành Phật cập bất thành Phật, vô vọng Luân-hồi cập phi Luân-hồi. Thiện nam tử！

Cũng không có thành Phật và không thành Phật, không có ảo vọng Luân hồi cùng với Luân hồi sai. Ngài nam thiện！

但諸聲聞所圓境界身心語言皆悉斷滅。終不能至彼之親證所現涅槃。

Đã chư Thanh-văn sở viên cảnh giới thân tâm ngữ ngôn giai tất đoạn diệt. Chung bất năng chí bỉ chi thân chứng sở hiện Niết-Bàn.

Thân tâm cảnh giới đầy đủ của các Thanh Văn chỉ là đoạn diệt tất cả lời nói âm thanh. Cuối cùng không thể tới cảnh giới tự chứng nghiệm được sự hiện ra Niết Bàn đó.

何況能以有思惟心測度如來圓覺境界。

Hà huống năng dĩ hữu tư duy tâm trắc đạc Như Lai Viên-giác cảnh giới.

Sao có thể dùng tâm tư duy Có đo lường được cảnh giới Giác ngộ đầy đủ của Như Lai.

如取螢火燒須彌山，終不能著。以輪迴心，生輪迴見。

Như thủ huỳnh hỏa thiêu Tu-di sơn, chung bất năng trước. Dĩ Luân-hồi tâm, sinh Luân-hồi kiến.

Như cầm lửa của con đom đóm đốt núi Tu Di, cuối cùng không thể nương nhờ. Dùng tâm Luân hồi, nhìn thấy sinh ra Luân hồi.

入於如來大寂滅海，終不能至。

Nhập ư Như Lai đại Tịch-diệt hải, chung bất năng chí.

Nhập vào biển Vắng lặng tuyệt đối lớn của Như Lai, cuối cùng không thể tới được.

是故我說一切菩薩及末世眾生先斷無始輪迴根本。

Thị cố Ngã thuyết nhất thiết Bồ-tát cập mạng thế chúng sinh tiên đoạn vô thủy Luân-hồi căn bản.

Vì thế Ta nói tất cả Bồ Tát cùng với chúng sinh Đời vận hết, trước tiên cần đoạn tuyệt sự Luân hồi từ vô lượng kiếp xa xưa là căn bản.

善男子！有作思惟從有心起，皆是六塵。

Thiện nam tử ! Hữu tác tư duy tòng hữu tâm khởi, giai thị Lục-trần.

Ngài nam thiện ! Nếu thực hiện tư duy từ tâm Có phát khởi, đều là 6 Trần.

妄想緣氣，非實心體，已如空花。

Vọng tưởng duyên khí, phi thực tâm thể, dĩ như không hoa.

Ảo tưởng không có thực, hình thể của tâm không thực, coi như là hoa ảo.

用此思惟辨於佛境，猶如空花復結空果，展轉妄想。

Dùng thử tư duy biện ư Phật cảnh, do như không hoa phục kết không quả, triển chuyển vọng tưởng.

Dùng tư duy này phân biệt đánh giá cảnh giới của Phật, giống như hoa ảo lại có kết quả là rỗng không, ảo tưởng phát triển luân chuyển.

無有是處。善男子！虛妄浮心，多諸巧見。

Vô hữu thị xứ. Thiện nam tử ! Hư vọng phù tâm, đa chư xảo kiến.

Không có nơi đó. Ngài nam thiện ! Tâm ảo vọng phù phiếm, phần nhiều nhìn thấy sai.

不能成就圓覺方便。如是分別，非為正問。

Bất năng thành tựu Viên-giác Phương-tiện. Như thị phân biệt, phi vi chính vấn.

Không thể thành công Phương tiện Giác ngộ đầy đủ. Phân biệt như thế, không phải là vấn đề đúng.

爾時世尊，欲重宣此義，而說偈言：

Nhĩ thời Thế Tôn, dục trùng tuyên thử nghĩa nhi thuyết kệ ngôn :

Khi đó Thế Tôn muốn nói lại nghĩa trước mà đọc bài kệ nói rằng :

金剛藏當知 如來寂滅性

Kim-cương-tạng đương tri. Như Lai Tịch-diệt tính.

Kim Cương Tạng nên biết. Tính Vắng lặng của Phật.

未曾有終始 若以輪迴心

Vị tăng hữu chung thủy. Nhược dĩ Luân-hồi tâm

Chưa từng có đầu cuối. Nếu dùng tâm Luân hồi.

思惟即旋復 但至輪迴際

Tư duy tức toàn phục. Dẫn chí Luân-hồi tế.

Tư duy liền trở lại. Chỉ tới vạch Luân hồi.

不能入佛海 譬如銷金鑛

Bất năng nhập Phật hải. Thí như tiêu kim khoáng.

Không thể nhập Trí Phật. Ví như luyện kim quặng.

金非銷故有 雖復本來金

Kim phi tiêu cố hữu. Tuy phục bản lai kim.

Không luyện kim vẫn có. Tuy trở về gốc kim.

終以銷成就 一成真金體

Chung dĩ tiêu thành tựu. Nhất thành chân kim thể.

Cuối cùng do luyện quặng. Thành được một loại Kim.

不復重為鑛 生死與涅槃

Bất phục trùng vi khoáng. Sinh tử dữ Niết-Bàn.

Không trở lại thành quặng. Sinh chết và Niết Bàn.

凡夫及諸佛 同為空花相

Phàm-phu cập chư Phật. Đồng vi không hoa tướng.

Người Phàm và các Phật. Cùng là hình hoa ảo.

思惟猶幻化 何況詰虛妄

Tư duy do huyền hóa. Hà hưởng cập hư vọng.

Tư duy như ảo hoá. Cố gì tạo ảo vọng.

若能了此心 然後求圓覺

Nhược năng liễu thủ tâm. Nhiên hậu cầu Viên-giác

Nếu hiểu rõ tâm này. Sau tất cầu Viên Giác.

於是彌勒菩薩，在大眾中，即從座起。

Ư thị Di Lặc Bồ-tát, tại Đại Chúng trung, tức tòng toà khởi.

Khi đó Di Lặc Bồ Tát, ở trong Đại Chúng, tức thì rời khỏi chỗ ngồi.

頂禮佛足，右邊三匝，長跪叉手，而白佛言。

Đỉnh lễ Phật túc, hữu nhiễu tam匝, trường quy xoa thủ, nhi bạch Phật ngôn :

Đỉnh lễ Phật hoàn tất, vòng phải ba lượt, quỳ lâu đan chéo ngón, chấp hai bàn tay mà bạch Phật nói rằng :

大悲世尊！廣為菩薩開祕密藏。

Đại Bi Thế Tôn ! Quảng vị Bồ-tát khai bí mật tạng.

Đại Bi Thế Tôn ! Rộng mở vì các Bồ Tát khai mở tạng bí mật.

令諸大眾深悟輪迴分別邪正。能施末世一切眾生無畏道眼。

Linh chư Đại Chúng thâm ngộ Luân-hồi phân biệt tà chính. Năng thí mật thể nhất thiết chúng sinh vô úy đạo nhãn.

Giúp các Đại Chúng mê muội thâm sâu trong Luân hồi phân biệt sai đúng. Năng Bồ thí cho chúng sinh Đời vận hết Đạo Trí tuệ không sợ hãi.

於大涅槃生決定信。無復重隨輪轉境界起循環見。

Ư Đại Niết Bàn sinh quyết định tín, vô phục trùng tùy luân chuyển cảnh giới khởi tuần hoàn kiến.

Với Đại Niết Bàn quyết định sinh Đức tin, không quay trở lại theo cảnh giới luân chuyển phát khởi nhìn thấy tuần hoàn.

世尊！若諸菩薩及末世眾生。

Thế Tôn ! Nhược chư Bồ-tát cập mật thể chúng sinh.

Thế Tôn ! Nếu các Bồ Tát và chúng sinh Đời vận hết.

欲遊如來大寂滅海。云何當斷輪迴根本？於諸輪迴。

Dục du Như Lai đại tịch diệt hải. Vân hà đương đoạn Luân-hồi căn bản. Ư chư Luân-hồi.

Muốn tới được biển Vắng lặng tuyệt đối sâu rộng của Như Lai. Làm thế nào để đoạn trừ được gốc rễ của Luân hồi ? Ở trong Luân hồi.

有幾種性？修佛菩提，幾等差別？迴入塵勞。

Hữu kỷ chủng tính ? Tu Phật Bồ-đề kỷ đẳng sai biệt ? Hồi nhập trần lao.

Có bao nhiêu loại Tính ? Tu Phật Bồ-Đề có gì khác biệt ? Trở lại nhập vào lao khổ.

當設幾種教化方便度諸眾生？唯願不捨救世大悲。

Đương thiết kỷ chủng giáo hóa Phương-tiện độ chư chúng sinh ? Duy nguyện bất xả cứu thế Đại Bi.

Cần kiến tạo bao nhiêu loại Phương tiện giáo hoá độ thoát các chúng sinh ? Chỉ mong không mất Đại Bi cứu đời.

令諸修行一切菩薩及末世眾生慧目肅清照曜心鏡。圓悟如來無上知見。

Linh chư tu hành nhất thiết Bồ-tát cập mạng thế chúng sinh tuệ mục túc thanh chiếu diệu tâm kính.

Viên ngộ Như Lai Vô-thượng Tri-kiến.

Giúp cho tất cả Bồ Tát cùng với chúng sinh Đòi vận hết tu hành được Trí tuệ Mắt nhanh Thanh tịnh, Tâm sáng tỏ như gương trong. Hiểu được đầy đủ Thấy biết Bình Đẳng của Như Lai.

作是語已，五體投地，如是三請終而復始。

Tác thị ngữ dĩ, ngũ thể đầu địa, như thị tam thỉnh chung nhi phục thủy.

Làm xong lời nói đó, phục đất đỉnh lễ, thỉnh cầu ba lần như thế, sau đó trở lại chỗ cũ.

爾時世尊告彌勒菩薩言：善哉！善哉！善男子！

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Di Lặc Bồ-tát ngôn : Thiện tai ! Thiện tai ! Thiện nam tử !

Khi đó Thế Tôn bảo Di Lặc Bồ Tát nói rằng : Thiện thay ! Thiện thay ! Ngài nam thiện !

汝等乃能為諸菩薩及末世眾生請問如來深奧祕密微妙之義。

Nhữ đẳng nãi năng vị chư Bồ-tát cập mạng thế chúng sinh thỉnh vấn Như Lai thâm áo bí mật vi diệu chi nghĩa.

Các Ngài lại năng vì các Bồ Tát và chúng sinh Đòi vận hết hỏi Như Lai nghĩa vi diệu bí mật thâm sâu.

令諸菩薩潔清慧目，及令一切末世眾生永斷輪迴心悟實相具無生忍。

Linh chư Bồ-tát khiết thanh Tuệ mục, cập linh nhất thiết mạng thế chúng sinh vĩnh đoạn Luân-hồi tâm ngộ Thực-tướng cụ Vô-sinh Nhẫn.

Giúp các Bồ Tát Trí tuệ nhìn thanh khiết, cùng với giúp tất cả chúng sinh Đòi vận hết vĩnh viễn đoạn hết Luân hồi, Tâm hiểu được thực Không có hình tướng, đầy đủ Nhẫn Không sinh.

汝今諦聽！當為汝說。時彌勒菩薩奉教歡喜。

Nhữ kim đế thỉnh ! Đương vị Nhữ thuyết. Thời Di Lặc Bồ-tát phụng giáo hoan hỉ.

Ngài nay nghe Tuệ ! Đang vì Ngài nói. Lúc đó Di Lặc Bồ Tát vui mừng cung kính tuân theo lời giáo huấn.

及諸大眾默然而聽。善男子！

Cập chư Đại Chúng mặc nhiên nhi thỉnh. Thiện nam tử !

Cùng với các Đại Chúng im lặng lắng nghe. Ngài nam thiện !

一切眾生從無始際由有種種恩愛貪欲故有輪迴。

Nhất thiết chúng sinh tông vô thủy tế do hữu chủng chủng ân ái tham dục cố hữu Luân-hồi.

Tất cả chúng sinh từ xa xưa do vì có nhiều ân ái tham lam dâm dục nên có Luân hồi.

若諸世界一切種性，卵生胎生濕生化生，皆因婬欲而正性命。

Nhược chư thế giới nhất thiết chủng tính, noãn sinh thai sinh thấp sinh hóa sinh, giai nhân dâm dục nhi chính tính mệnh.

Nếu các Thế giới tất cả loại Tính, sinh từ trứng từ bào thai từ âm thấp từ biến hoá, đều do dâm dục mà thành tính mệnh.

當知輪迴愛為根本，由有諸欲，助發愛性。

Đương tri Luân-hồi ái vi căn bản, do hữu chur dục, trợ phát ái tính.

Nên biết Luân hồi yêu dâm dục là nguồn gốc, do có các mong muốn, trợ giúp phát khởi tính yêu dâm dục.

是故能令生死相續，欲因愛生，命因欲有。

Thị cố năng linh sinh tử tương tục, dục nhân ái sinh, mệnh nhân dục hữu.

Vì thế năng giúp sinh chết liên tục không ngừng, do yêu thích sinh dâm dục, do dâm dục có sinh mệnh.

眾生愛命還依欲本，愛欲為因愛命為果。

Chúng sinh ái mệnh hoàn y dục bản, ái dục vi nhân ái mệnh vi quả.

Chúng sinh yêu sinh mệnh hoàn toàn dựa vào dâm dục là chính, yêu dâm dục là nguyên nhân, yêu sinh mệnh là kết quả.

由於欲境起諸違順，境背愛心而生憎嫉造種種業。

Do ư dục cảnh khởi chur vi thuận, cảnh bối ái tâm nhi sinh tăng tật tạo chủng chủng nghiệp.

Do ở trong cảnh ham muốn phát khởi các thuận nghịch, bối cảnh tâm yêu mà sinh ra yêu ghét, tạo ra đủ loại nghiệp.

是故復生地獄餓鬼。知欲可厭愛厭業道，捨惡樂善。

Thị cố phục sinh Địa-ngục Ngạ-quỷ. Tri dục khả yếm ái yếm nghiệp đạo, xả ác nạo thiện.

Vì thế lại sinh ở Địa ngục Quỷ đói. Biết ham muốn có thể chán ghét và chán ghét yêu đạo nghiệp, bỏ ác ham thích thiện.

復現天人，又知諸愛可厭惡故，棄愛樂捨。

Phục hiện Thiên Nhân, hựu tri chur ái khả yếm ổ cố, khí ái lạc xả.

Lại hiện ra có Trời Người, do lại biết chán ghét các yêu, bỏ yêu bỏ vui sướng.

還滋愛本，便現有為增上善果。

Hoàn tư ái bản, tiện hiện hữu vi tăng thượng thiện quả.

Trở về với yêu tự nhiên nhiều, liền hiện thời có được tăng thêm nhiều quả thiện.

皆輪迴故不成聖道。是故眾生欲脫生死免諸輪迴。

Giai Luân-hồi cố bất thành Thánh đạo. Thị cố chúng sinh dục thoát sinh tử miễn chur Luân-hồi.

Đều do Luân hồi không thành Đạo Thánh. Vì thế chúng sinh muốn thoát khỏi sinh chết miễn trừ các loại Luân hồi.

先斷貪欲及除愛渴。善男子！菩薩變化示現世間非愛為本。

Tiên đoạn tham dục cập trừ ái khát. Thiện nam tử! Bồ-tát biến hóa thị hiện thế gian phi ái vi bản.

Trước tiên đoạn trừ tham lam dâm dục và trừ diệt khát yêu thích. Ngài nam thiện ! Bồ Tát biến hoá hiện ra ở Thế gian không phải yêu thích là cơ bản.

但以慈悲令彼捨愛。假諸貪欲而入生死。

Đãn dĩ Từ Bi linh bỉ xả ái. Giả chur tham dục nhi nhập sinh tử.

Chỉ dùng Từ Bi giúp họ bỏ các yêu thích. Nếu nhiều tham lam dâm dục mà nhập vào sinh chết.

若諸末世一切眾生能捨諸欲及除憎愛永斷輪迴。勤求如來圓覺境界。

Nhược chur mạt thế nhất thiết chúng sinh năng xả chur dục cập trừ tăng ái vĩnh đoạn Luân-hồi.

Cần cầu Như Lai Viên-giác cảnh giới.

Nếu trong Đời vận hết tất cả chúng sinh năng trừ bỏ các ham muốn cùng với trừ bỏ yêu ghét, vĩnh viễn đoạn trừ Luân chuyển quay trở về. Cần cầu cảnh giới Giác ngộ đầy đủ của Như Lai.

於清淨心便得開悟。善男子！一切眾生由本貪欲。

Ư Thanh tịnh tâm tiện đắc khai ngộ. Thiện nam tử ! Nhất thiết chúng sinh do bản tham dục.

Với tâm Thanh tịnh liền được Giác ngộ. Ngài nam thiện ! Tất cả chúng sinh do tham lam dâm dục là chính,

發揮無明顯出五性，差別不等，依二種障，而現深淺。

Phát huy Vô-minh hiển xuất ngũ tính, sai biệt bất đẳng, y nhị chủng chướng, nhi hiện thâm thiển.

Làm sáng rõ Ngũ tối hiện ra 5 loại Tính, sai biệt không như nhau, dựa vào hai loại chướng ngại mà hiện ra nông sâu.

云何二障？一者理障礙正知見。二者事障續諸生死。

Vân hà nhị chướng ? Nhất giả Lý chướng ngại chính Tri-kiến. Nhị giả Sự chướng tục chur sinh tử. Thế nào là hai chướng ngại ? Một là Lý chướng ngại Thấy biết đúng. Hai là Sự việc chướng ngại sinh chết liên tục.

云何五性？善男子！

Vân hà ngũ tính ? Thiện nam tử !

Thế nào là 5 Tính ? Ngài nam thiện !

若此二障未得斷滅名未成佛。若諸眾生永捨貪欲先除事障。

Nhược thử nhị chướng vị đắc đoạn diệt danh vị thành Phật. Nhược chur chúng sinh vĩnh xả tham dục tiên trừ sự chướng.

Nếu hai chướng ngại này chưa được diệt hết tên là chưa thành Phật. Nếu các chúng sinh bỏ tham lam dâm dục, trước tiên trừ bỏ Sự việc chướng ngại.

未斷理障但能悟入聲聞緣覺。未能顯住菩薩境界。

Vị đoạn Lý chướng dẫn năng ngộ nhập Thanh-văn Duyên-giác. Vị năng hiển trụ Bồ-tát cảnh giới. Chưa đoạn trừ hết Lý chướng ngại chỉ có thể hiểu rõ nhập vào Bậc Thanh Văn Duyên Giác. Chưa có thể hiện ra ở trong cảnh giới Bồ Tát.

善男子！若諸末世一切眾生。欲泛如來大圓覺海。

Thiện nam tử ! Nhược chur mạt thế nhất thiết chúng sinh. Dục phiếm Như Lai đại Viên-giác hải.

Ngài nam thiện ! Nếu các chúng sinh Đòi vận hết. Muốn phiêu lưu vào biển rộng lớn Giác ngộ đầy đủ của Như Lai.

先當發願勤斷二障。二障已伏，即能悟入菩薩境界。

Tiên đương phát nguyện cần đoạn nhị chướng. Nhị chướng dĩ phục, tức năng ngộ nhập Bồ-tát cảnh giới.

Trước tiên cần phát nguyện đoạn trừ hai chướng ngại. Hai chướng đã hàng phục xong, tức thì có thể hiểu nhập vào cảnh giới Bồ Tát.

若事理障已永斷滅即入如來微妙圓覺。滿足菩提及大涅槃。

Nhược Sự Lý chướng dĩ vĩnh đoạn diệt tức nhập Như Lai vi diệu Viên-giác. Mãn túc Bồ-đề cập đại Niết Bàn.

Nếu Lý Sự chướng ngại đã vĩnh viễn đoạn diệt tức thì nhập vào Giác ngộ đầy đủ vi diệu của Như Lai. Đầy đủ Bồ Đề và Đại Niết Bàn.

善男子！一切眾生皆證圓覺。

Thiện nam tử ! Nhất thiết chúng sinh giai chứng Viên-giác.

Ngài nam thiện ! Tất cả chúng sinh đều chứng nghiệm Giác ngộ đầy đủ.

逢善知識依彼所作因地法行。爾時修習便有頓漸。

Phùng thiện Tri thức y bỉ sở tác nhân địa Pháp hành. Nhĩ thời tu tập tiện hữu đốn tiệm.

Gặp Tri thức thiện dựa vào họ được tu hành Pháp Trí tuệ. Khi đó tu tập liền dần dần mất Có.

若遇如來無上菩提正修行路。根無大小皆成佛果。

Nhược ngộ Như Lai Vô-thượng Bồ-đề chính tu hành lộ. Căn vô đại tiểu giai thành Phật quả.

Nếu gặp được con đường tu hành đúng của Như Lai Bình Đẳng Bồ Đề. Căn cơ không có bao nhiêu đều thành quả Phật.

若諸眾生雖求善友遇邪見者未得正悟。

Nhược chur chúng sinh tuy cầu thiện hữu ngộ Tà-kiến giả vị đắc chính ngộ.

Nếu các chúng sinh tuy cầu bạn hiền gặp phải Thấy sai chưa được hiểu biết đúng.

是則名為外道種性，邪師過謬非眾生咎。

Thị tắc danh vi ngoại đạo chủng tính Tà-sư quá mậu phi chúng sinh cửu.

Chắc chắn tên là Loại tính ngoại đạo, Thầy sai quá nhiều không phải là tội của chúng sinh.

是名眾生五性差別。善男子！

Thị danh chúng sinh ngũ tính sai biệt. Thiện nam tử !

Tên là chúng sinh 5 tính khác nhau. Ngài nam thiện !

菩薩唯以大悲方便入諸世間開發未悟。乃至示現種種形相逆順境界。

Bồ-tát duy dĩ Đại Bi Phương-tiện nhập chư Thế-gian khai phát vị ngộ. Nãi chí thị hiện chúng chủng hình tướng nghịch thuận cảnh giới.

Bồ Tát duy chỉ dùng Đại Bi làm Phương tiện nhập vào các Thế gian khai sáng chưa hiểu biết.

Thậm chí hiện ra các loại hình tướng cảnh giới thuận nghịch.

與其同事化令成佛，皆依無始清淨願力。

Dữ kỳ đồng sự hóa linh thành Phật, giai y vô thủy Thanh tịnh Nguyên-lực.

Cùng với đồng sự của họ giáo hoá giúp thành Phật, đều dựa vào Lực nguyện Thanh tịnh từ xa xưa.

若諸末世一切眾生於大圓覺起增上心。

Nhược chư mạt thế nhất thiết chúng sinh ư Đại Viên-giác khởi tăng thượng tâm.

Nếu các chúng sinh Đòi vận hết với Giác ngộ lớn đầy đủ, phát khởi tâm kiêu mạn tăng cao.

當發菩薩清淨大願，應作是言：

Đương phát Bồ-tát Thanh tịnh đại nguyện, ưng tác thị ngôn :

Cần phát nguyện lớn Thanh tịnh Bồ Đề, nên làm lời nói rằng :

願我今者住佛圓覺求善知識莫值外道及與二乘。

Nguyện Ngã kim giả trụ Phật Viên-giác cầu thiện Tri thức mạc trực ngoại đạo cập dữ Nhị-thừa.

Nay con nguyện ở trong Giác ngộ đầy đủ của Phật, cầu Tri thức thiện không trực tiếp gặp ngoại đạo và Duyên Giác.

依願修行漸斷諸障盡願滿。便登解脫清淨法殿。

Y nguyện tu hành tiệm đoạn chư chướng, chướng tận nguyện mãn. Tiệm đăng Giải-thoát thanh tịnh Pháp điện.

Dựa theo lời nguyện tu hành dần dần đoạn hết chướng ngại, chướng ngại hết nguyện được đầy đủ. Liền bước lên Pháp điện Thanh tịnh Giải thoát.

證大圓覺妙莊嚴域。爾時世尊，欲重宣此，而說偈言：

Chúng Đại Viên-giác diệu trang nghiêm vực. Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa nhi thuyết kệ ngôn :

Chúng nghiệm được linh vực Giác ngộ lớn đầy đủ vi diệu trang nghiêm. Khi đó Thế Tôn muốn nói lại nghĩa trước mà đọc bài kệ nói rằng :

彌勒汝當知 一切諸眾生

Di Lạc Nhữ đương tri. Nhất thiết chư chúng sinh.

Di Lạc Ngài cần biết. Tất cả các chúng sinh.

不得大解脫 皆由貪欲故

Bất đắc đại Giải-thoát. Giai do tham dục cố.

Không được Giải-thoát lớn. Đều do tham dâm dục.

墮落於生死 若能斷憎愛

Đọa lạc ư sinh tử. Nhược năng đoạn tăng ái.

Đọa lạc trong sinh chết. Nếu năng đoạn yêu ghét.

及與貪瞋癡 不因差別性

Cập dữ Tham-Sân-Si. Bất nhân sai biệt tính.

Cùng với Tham Sân Si. Không vì tính khác nhau.

皆得成佛道 二障永銷滅

Giai đắc thành Phật đạo. Nhị chướng vĩnh tiêu diệt.

Đều được thành Đạo Phật. Hai chướng vĩnh tiêu diệt.

求師得正悟 隨順菩提願

Cầu Sư đắc chính ngộ. Tùy thuận Bồ-đề nguyện.

Cầu Thầy hiểu được đúng. Thuận theo nguyện Bồ Đề.

依止大涅槃 十方諸菩薩

Y chỉ đại Niết Bàn. Thập phương chư Bồ-tát

Dựa Dừng Đại Niết Bàn. Các Bồ Tát mười phương.

皆以大悲願 示現入生死

Giai dĩ Đại Bi nguyện. Thị hiện nhập sinh tử.

Đều dùng nguyện Đại Bi. Hiện ra vào sinh chết.

現在修行者 及末世眾生

Hiện tại tu hành giả. Cập mạng thế chúng sinh.

Người tu hành hiện nay. Chúng sinh Đòi vận hết.

勤斷諸愛見 便歸大圓覺

Cần đoạn chư ái kiến. Tiện quy Đại Viên-giác.

Cần đoạn trừ thấy yêu. Liền theo Đại Viên-giác.

於是清淨慧菩薩，在大眾中，即從座起。

Ư thị Thanh-tịnh-tuệ Bồ-tát, tại Đại Chúng trung, tức tòng tòa khởi.

Lúc đó Thanh Tịnh Tuệ Bồ Tát, ở trong Đại Chúng, tức thì rời khỏi chỗ ngồi.

頂禮佛足，右繞三匝，長跪叉手，而白佛言：

Đỉnh lễ Phật túc, hữu nhiễu tam tạp, trường quy xoa thủ, nhi bạch Phật ngôn :

Đỉnh lễ Phật hoàn tất, vòng phải ba lượt, quỳ lâu đan chéo ngón, chấp hai bàn tay mà bạch Phật nói rằng :

大悲世尊！為我等輩，廣說如是不思議事。

Đại Bi Thế Tôn ! Vì Ngã đẳng bối, quảng thuyết như thị bất tư nghị sự.

Đại Bi Thế Tôn ! Vì con và các bậc trên, rộng mở nói các việc không thể suy bàn như thế.

本所不見本所不聞。我等今者蒙佛善誘。

Bản sở bất kiến bản sở bất văn. Ngã đẳng kim giả môn Phật thiện dụ.

Vốn dĩ không thấy được không nghe được. Nay chúng con được lời dẫn dắt dễ hiểu của Phật.

身心泰然得大饒益。願為一切諸來法眾。

Thân tâm thái nhiên đắc đại nhiều ích. Nguyện vị nhất thiết chư lai Pháp chúng.

Thân tâm thoải mái được nhiều lợi ích lớn. Nguyện vì tất cả chúng sinh tới nghe Pháp.

重宣法王圓滿覺性。一切眾生及諸菩薩。

Trùng tuyên Pháp-vương viên mãn Giác-tính. Nhất thiết chúng sinh cập chư Bồ-tát.

Nói lại tính Giác ngộ đầy đủ của Pháp Vương. Tất cả chúng sinh cùng với các Bồ Tát.

如來世尊所證所得云何差別。

Như Lai Thế Tôn sở chứng sở đắc vân hà sai biệt.

Việc chứng nghiệm đạt được của Như Lai Thế Tôn có gì khác biệt.

令末世眾生聞此聖教隨順開悟漸次能入。作是語已。

Linh mạng thế chúng sinh văn thử Thánh giáo tùy thuận khai ngộ tiêm thứ năng nhập. Tác thị ngữ dĩ,

Giúp các chúng sinh Đòi vận hết nghe Thánh giáo này, thuận theo Giác ngộ lần lượt có thể nhập vào. Làm xong lời nói đó.

五體投地，如是三請，終而復始。

Ngũ thể đầu địa, như thị tam thỉnh, chung nhi phục thủy.

Phục đất đỉnh lễ, thỉnh cầu như thế ba lần, sau cùng trở lại chỗ cũ.

爾時世尊告清淨慧菩薩言：善哉！善哉！

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Thanh tịnh Tuệ Bồ-tát ngôn : Thiện tai ! Thiện tai !

Khi đó Thế Tôn bảo Thanh Tịnh Tuệ Bồ Tát nói rằng : Thiện thay ! Thiện thay !

善男子！汝等乃能為諸菩薩及末世眾生。

Thiện nam tử ! Như đấng nãi năng vị chư Bồ-tát cập mật thể chúng sinh.

Người nam thiện ! Các Ngài lại năng vì các Bồ Tát cùng với các chúng sinh Đòi vận hết.

請問如來漸次差別。汝今諦聽！當為汝說。

Thỉnh vấn Như Lai tiệm thứ sai biệt. Như kim đế thính ! Đương vị Như thuyết.

Thăm hỏi Như Lai thứ tự sai khác. Nay Ngài nghe Tuệ ! Đương vì Ngài nói.

時清淨慧菩薩，奉教歡喜，及諸大眾默然而聽。

Thời Thanh-tịnh-tuệ Bồ-tát, phụng giáo hoan hỷ, cập chư Đại Chúng mặc nhiên nhi thính.

Khi đó Thanh Tịnh Tuệ Bồ Tát, vui mừng cung kính tuân theo lời giáo huấn cùng với các Đại Chúng im lặng lắng nghe.

善男子！圓覺自性，非性性有，循諸性起。

Thiện nam tử ! Viên-giác tự tính, phi tính tính hữu, tuần chư tính khởi.

Ngài nam thiện ! Tính tự nhiên của Giác ngộ đầy đủ, có tính tính không thực, phát khởi tuân theo các tính.

無取無證，於實相中實無菩薩及諸眾生。何以故？

Vô thủ vô chứng, ư Thực-tướng trung thực vô Bồ-tát cập chư chúng sinh. Hà dĩ cố ?

Không có cầm giữ không có chứng nghiệm, trong Thực-tướng thực không có Bồ Tát và các chúng sinh. Có là sao ?

菩薩眾生皆是幻化，幻化滅故無取證者。

Bồ-tát chúng sinh giai thị huyền hóa, huyền hóa diệt cố vô thủ chúng giả.

Bồ Tát chúng sinh đều là ảo hoá, do ảo hoá mất, không cầm giữ không chứng nghiệm được.

譬如眼根不自見眼性。自平等無平等者。

Thí như nhãn Căn bất tự kiến nhãn tính. Tự Bình đẳng vô Bình đẳng giả.

Ví như Mắt không tự nhìn thấy tính của nó. Từ ngang bằng nhau tới không có ngang bằng nhau.

眾生迷倒未能除滅一切幻化，於滅未滅妄。

Chúng sinh mê đảo vị năng trừ diệt nhất thiết huyền hóa, ư diệt vị diệt vọng,

Chúng sinh mê muội đảo lộn chưa có thể trừ diệt tất cả ảo hoá, với việc diệt chưa diệt hết ảo vọng.

功用中便顯差別。

Công dụng trung tiện hiển sai biệt.

Trong công dụng liền có hiện ra sai khác.

若得如來寂滅隨順實無寂滅及寂滅者。善男子！

Nhược đắc Như Lai Tịch-diệt tùy thuận thực vô Tịch-diệt cập Tịch-diệt giả. Thiện nam tử !

Nếu được thuận theo Vắng lặng tuyệt đối của Như Lai thực chất không có Vắng lặng tuyệt đối cùng với người Vắng lặng tuyệt đối. Ngài nam thiện !

一切眾生從無始來由妄想我及愛我者，曾不自知念念生滅。

Nhất thiết chúng sinh tông vô thủy lai do vọng tưởng Ngã cập ái Ngã giả, tăng bất tự tri niệm niệm sinh diệt.

Tất cả chúng sinh từ xa xưa tới nay do ảo tưởng về bản thân và yêu quý bản thân, từng không suy nghĩ tự biết : Sinh ra do suy niệm và mất đi do suy niệm.

故起憎愛耽著五欲。若遇善友教令開悟淨圓覺性。

Cố khởi tăng ái đam trước Ngũ-dục. Nhược ngộ thiện hữu giáo linh khai ngộ tịnh Viên-giác tính.

Cố phát khởi yêu ghét đam mê nương nhờ 5 dục. Nếu gặp bạn hữu thiện chỉ dẫn khai sáng tính của Giác ngộ đầy đủ Thanh tịnh.

發明起滅即知此生性自勞慮。

Phát minh khởi diệt tức tri thử sinh tính tự lao lự.

Sáng suốt hiểu khởi sinh và mất đi, tức thì biết tính của sinh này là tự lao khổ lo âu.

若復有人勞慮永斷得法界淨，即彼淨解為自障礙。

Nhược phục hữu nhân lao lự vĩnh đoạn đắc Pháp giới tịnh tức bi tịnh giải vi tự chướng ngại.

Nếu lại có người vĩnh viễn đoạn trừ lao khổ lo âu được Pháp giới Thanh tịnh, tức thì hiểu Thanh tịnh này là tự chướng ngại.

故於圓覺而不自在。此名凡夫隨順覺性。善男子！

Cố ư Viên-giác nhi bất Tự-tại. Thử danh phàm phu tùy thuận Giác-tính. Thiện nam tử !

Cố nhiên với Giác ngộ đầy đủ mà không tự do. Tên nó là người Phàm thuận theo tính của Giác ngộ. Ngài nam thiện !

一切菩薩見解為礙，雖斷解礙猶住見覺。

Nhất thiết Bồ-tát kiến giải vi ngại, tuy đoạn giải ngại do trụ kiến giác.

Tất cả Bồ Tát nhìn thấy hiểu là trở ngại, tuy hiểu chướng ngại đã đoạn hết do còn tồn lại cảm giác nhìn thấy.

覺礙為礙而不自在。

Giác ngại vi ngại nhi bất Tự-tại.

Cảm giác trở ngại thì trở ngại mà không có tự do.

此名菩薩未入地者隨順覺性。善男子！有照有覺俱名障礙。

Thử danh Bồ-tát vị nhập địa giả tùy thuận Giác-tính. Thiện nam tử ! Hữu chiếu hữu Giác câu danh chướng ngại.

Tên nó là Bồ Tát chưa nhập vào Trí tuệ thuận theo tính Giác. Ngài nam thiện ! Nếu soi thấy có Giác, đều tên là Chướng ngại.

是故菩薩常覺不住，照與照者同時寂滅。

Thị cố Bồ-tát Thường-giác bất trụ, chiếu dữ chiếu giả đồng thời Tịch-diệt.

Vì thế Giác ngộ bình thường của Bồ Tát không ở lại, soi chiếu và người soi chiếu cùng một lúc Vắng lặng tuyệt đối.

譬如有人自斷其首，首已斷故無能斷者。

Thí như hữu nhân tự đoạn kỳ thủ, thủ dĩ đoạn cố vô năng đoạn giả.

Ví như có người tự cắt đầu họ, do đầu đã cắt không thể cắt được nữa.

則以礙心自滅諸礙，礙已斷滅無滅礙者。

Tắc dĩ ngại tâm tự diệt chư ngại, ngại dĩ đoạn diệt vô diệt ngại giả.

Chắc là dùng tâm trở ngại tự diệt trừ các trở ngại, trở ngại đã đoạn diệt, không trừ diệt trở ngại nữa.

修多羅教如標月指，若復見月了知所標畢竟非月。

Tu-đa-la giáo như tiêu nguyệt chỉ, nhược phục kiến nguyệt liễu tri sở tiêu tất cánh phi nguyệt.

Giáo lý Tu Đa La như cọc tiêu cho Trăng chiếu, nếu lại nhìn thấy Trăng hiểu rõ rằng có cọc tiêu, cuối cùng không có Trăng.

一切如來種種言說開示，菩薩亦復如是。

Nhất thiết Như Lai chủng chủng ngôn thuyết khai thị, Bồ-tát diệt phục như thị.

Tất cả Như Lai nói đủ loại khai mở thể hiện, Bồ Tát cũng lại như thế.

此名菩薩已入地者隨順覺性。

Thử danh Bồ-tát dĩ nhập địa giả tùy thuận Giác tính.

Tên nó là Bồ Tát đã nhập vào Trí tuệ thuận theo tính Giác.

善男子！一切障礙即究竟覺。

Thiện nam tử ! Nhất thiết chướng ngại tức cứu cánh Giác.

Ngài nam thiện ! Tất cả chướng ngại tức thì tới tận cùng của Giác ngộ.

得念失念無非解脫。成法破法皆名涅槃。

Đắc niệm thất niệm vô phi Giải-thoát. Thành Pháp phá Pháp giai danh Niết-bàn.
Được suy niệm, mất suy niệm chẳng qua là Giải thoát. Thành Pháp phá Pháp đều tên là Niết Bàn.
智慧愚癡通為般若。菩薩外道所成就法同是菩提。
Trí tuệ ngu si thông vi Bát-nhã. Bồ-tát ngoại đạo sở thành tựu Pháp đồng thị Bồ-đề.
Trí tuệ Ngu si thông suốt là Trí tuệ. Bồ Tát ngoại đạo có được thành công Pháp cùng là Bồ Đề.
無明真如無異境界。諸戒定慧及婬怒癡俱是梵行。
Vô-minh Chân-như vô dị cảnh giới. Chư Giới Định Tuệ cập dâm nộ si câu thị Phạm hành.
Cảnh giới của Chân Như và Ngu tối giống như nhau. Các Giới Định Tuệ và Dâm dục Phần nộ
Ngu si đều là Phạm hạnh.
眾生國土同一法性。地獄天宮皆為淨土。
Chúng sinh quốc thổ đồng nhất Pháp tính. Địa-ngục Thiên-cung giai vi Tịnh thổ.
Đất nước chúng sinh cùng một tính Pháp. Địa ngục cung điện Trời đều là đất Tịnh.
有性無性齊成佛道。一切煩惱畢竟解脫。
Hữu-tính Vô-tính tề thành Phật đạo. Nhất thiết phiền não tất cánh Giải-thoát.
Có tính không tính cùng thành Đạo Phật. Tất cả Phiền não cuối cùng đều Giải thoát.
法界海慧照了諸相猶如虛空。此名如來隨順覺性。
Pháp-giới hải tuệ chiếu liễu chư tướng do như hư không. Thử danh Như Lai tùy thuận Giác-tính.
Biển Tuệ của Pháp giới chiếu rõ các cảnh tướng giống như khoảng không. Tên nó là Tính Giác
ngộ thuận theo của Như Lai.
善男子！但諸菩薩及末世眾生，居一切時。
Thiện nam tử ! Đãn chư Bồ-tát cập mạt thế chúng sinh, cư nhất thiết thời.
Ngài nam thiện ! Chỉ các Bồ Tát cùng với chúng sinh Đòi vận hết, ở mọi thời gian.
不起妄念。於諸妄心亦不息滅。住妄想境。
Bất khởi vọng niệm, ư chư vọng tâm, diệc bất tức diệt. Trụ vọng tưởng cảnh.
Không phát khởi suy niệm ảo vọng, với tâm ảo vọng cũng không nghỉ mất. Ở trong cảnh giới ảo
tưởng.
不加了知。於無了知，不辨真實。彼諸眾生。
Bất gia liễu tri. Ư vô liễu tri, bất biện chân thực. Bĩ chư chúng sinh.
Không biết thêm nữa. Với việc không biết rõ, không phân biệt được chân thực. Các chúng sinh
đó.
聞是法門，信解受持，不生驚畏。
Văn thị Pháp môn, tín giải thụ trì, bất sinh kinh úy.
Nghe môn Pháp này, tin hiểu ghi nhớ, không sinh kinh hãi.
是則名為隨順覺性。善男子！汝等當知。
Thị tắc danh vi tùy thuận Giác tính. Thiện nam tử ! Nhữ đẳng đương tri.
Đây chắc tên là Thuận theo Tính giác. Người nam thiện ! Các Ngài nên biết.
如是眾生已曾供養百千萬億恒河沙諸佛及大菩薩，植眾德本。
Như thị chúng sinh dĩ tăng cúng dưỡng bách thiên vạn ức Hằng hà sa chư Phật cập Đại Bồ-tát,
thực chúng Đức bản.
Chúng sinh như thế đã từng cúng dưỡng trăm nghìn vạn triệu Hằng sa các Phật cùng với Đại Bồ
Tát, trồng các Đức vốn có.
佛說是人名為成就一切種智。
Phật thuyết thị nhân danh vi thành tựu nhất thiết chủng Trí.
Phật nói người đó tên là Thành công tất cả các loại Trí tuệ.
爾時世尊，欲重宣此義 而說偈言：
Nhĩ thời Thế Tôn, dục trùng tuyên thử nghĩa nhi thuyết kệ ngôn：
Khi đó Thế Tôn muốn nói lại nghĩa trước mà đọc bài kệ nói rằng：

Viên Giác Tu Đa La.

清淨慧當知 圓滿菩提性

Thanh-tịnh-tuệ đương tri. Viên mãn Bồ-đề tính

Thanh Tịnh Tuệ nên biết. Tính Bồ Đề đầy đủ.

無取亦無證 無菩薩眾生

Vô-thủ diệc vô-chứng. Vô Bồ-tát chúng sinh.

Không giữ cũng không chứng. Không Bồ Tát Chúng sinh.

覺與未覺時 漸次有差別

Giác dữ vị Giác thời. Tiệm thứ hữu sai biệt.

Lúc Giác và chưa Giác. Thứ tự có sai khác.

眾生為解礙 菩薩未離覺

Chúng sinh vì giải ngại. Bồ-tát vị ly Giác

Chúng sinh vì trở ngại. Bồ Tát chưa rời Giác.

入地永寂滅 不住一切相

Nhập địa vĩnh tịch-diệt. Bất trụ nhất thiết tướng.

Nhập cảnh vĩnh Vắng lặng. Không ở trong mọi Tướng.

大覺悉圓滿 名為遍隨順

Đại Giác tất viên mãn. Danh vi biến tùy thuận.

Đại Giác đầy đủ hết. Tên là Biến thuận theo.

末世諸眾生 心不生虛妄

Mạt thế chư chúng sinh. Tâm bất sinh hư vọng.

Chúng sinh Đòi vắn hết. Tâm không sinh ảo vọng.

佛說如是人 現世即菩薩

Phật thuyết như thị nhân. Hiện thế tức Bồ-tát.

Phật nói người như thế. Hiện tại là Bồ Tát.

供養恒沙佛 功德已圓滿

Cúng dường Hằng sa Phật. Công Đức dĩ viên mãn.

Cúng dường Hằng sa Phật. Công Đức đã đầy đủ.

雖有多方便 皆名隨順智

Tuy hữu đa Phương-tiện. Giai danh tùy thuận Trí

Tuy có nhiều Phương tiện. Điều tên thuận theo Trí.

於是威德自在菩薩，在大眾中，即從座起。

Ư thị Uy-đức Tự-tại Bồ-tát, tại Đại Chúng trung, tức tòng toà khởi.

Lúc đó Uy Đức Tự Tại Bồ Tát, ở trong Đại Chúng, tức thì rời khỏi chỗ ngồi.

頂禮佛足，右邊三匝，長跪叉手，而白佛言：

Đỉnh lễ Phật túc, hữu nhiễu tam匝, trường quy xoa thủ, nhi bạch Phật ngôn:

Đỉnh lễ Phật hoàn tất, vòng phải ba lượt, quỳ lâu đan chéo ngón, chắp hai bàn tay mà bạch Phật nói rằng :

大悲世尊！廣為我等，分別如是隨順覺性。

Đại Bi Thế Tôn ! Quảng vị Ngã đẳng, phân biệt như thị tùy thuận Giác-tính.

Đại Bi Thế Tôn ! Rộng mở vì chúng con, phân biệt tính Giác thuận theo như thế.

令諸菩薩覺心光明承佛圓音，不因修習而得善利。

Linh chư Bồ-tát Giác-tâm quang minh thừa Phật viên âm, bất nhân tu tập nhi đắc thiện lợi.

Giúp Quang sáng tâm giác của các Bồ Tát theo âm hưởng của Phật, không do tu tập mà được thiện lợi.

世尊！譬如大城外有四門。隨方來者非止一路。

Thế Tôn ! Thí như đại thành ngoại hữu tứ môn, tùy phương lai giả phi chỉ nhất lộ.

Thế Tôn ! Ví như bên ngoài thành lớn có 4 cửa, tùy theo phương tới không chỉ có một con

đường.

一切菩薩莊嚴佛國及成菩提非一方便。唯願世尊。廣為我等。

Nhất thiết Bồ-tát trang nghiêm Phật quốc cập thành Bồ-đề phi nhất Phương-tiện. Duy nguyện Thế Tôn, quảng vị Ngã đẳng.

Tất cả Bồ Tát đất Phật trang nghiêm cùng với thành Bồ Đề không phải chỉ có một Phương tiện. Mong muốn Thế Tôn, rộng mở vì chúng con.

宣說一切方便漸次, 并修行人總有幾種?

Tuyên thuyết nhất thiết Phương-tiện tiệm thứ, tịnh tu hành nhân tổng hữu kỷ chủng?

Nói đọc tất cả Phương tiện thứ tự, hầu hết người tu hành tổng cộng có bao nhiêu loại?

令此會菩薩及末世眾生求大乘者, 速得開悟遊戲如來大寂滅海。

Linh thử hội Bồ-tát cập mật thể chúng sinh cầu Đại-Thừa giả, tốc đắc khai ngộ du hí Như Lai đại Tịch-diệt hải.

Giúp Bồ Tát trong hội này và chúng sinh Đòi vận hết cầu Pháp Đại Thừa, nhanh chóng khai sáng vui về tới biển Vắng lặng tuyệt đối lớn của Như Lai.

作是語已, 五體投地, 如是三請, 終而復始。

Tác thị ngữ dĩ, ngũ thể đầu địa, như thị tam thỉnh, chung nhi phục thủy.

Làm xong lời nói đó, phục đất đỉnh lễ, thỉnh cầu như thế ba lần, sau cùng quay lại chỗ cũ.

爾時世尊告威德自在菩薩言: 善哉! 善哉!

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Uy-đức Tự-tại Bồ-tát ngôn: Thiện tai! Thiện tai!

Khi đó Thế Tôn bảo Uy Đức Tự Tại Bồ Tát nói rằng: Thiện thay! Thiện thay!

善男子! 汝等乃能為諸菩薩及末世眾生。

Thiện nam tử! Nhữ đẳng nãi năng vị chư Bồ-tát cập mật thể chúng sinh.

Ngài nam thiện! Các Ngài lại năng vì các Bồ Tát cùng với chúng sinh Đòi vận hết.

問於如來如是方便。汝今諦聽! 當為汝說。

Vấn ư Như Lai như thị Phương-tiện. Nhữ kim đế thính! Đương vị Nhữ thuyết.

Hỏi Như Lai Phương tiện như thế. Ngài nay nghe Tuệ! Đang vì Ngài nói.

時威德自在菩薩奉教歡喜。及諸大眾默然而聽。

Thời Uy-đức Tự-tại Bồ-tát phụng giáo hoan hỷ, cập chư Đại Chúng mặc nhiên nhi thính.

Khi đó Uy Đức Tự Tại Bồ Tát vui mừng cung kính tuân theo lời giáo huấn cùng với các Đại

Chúng im lặng lắng nghe.

善男子! 無上妙覺遍諸十方出生如來。

Thiện nam tử! Vô-thượng diệu Giác biến chư thập phương xuất sinh Như Lai.

Ngài nam thiện! Giác vi diệu Bình Đẳng biến ra khắp mười phương xuất sinh ra Như Lai.

與一切法同體平等, 於諸修行實無有二。

Dữ nhất thiết Pháp đồng thể bình đẳng, ư chư tu hành thực vô hữu nhị.

Với tất cả Pháp ngang bằng nhau cùng thể loại, với các tu hành thực không có hai.

方便隨順其數無量, 圓攝所歸循性差別當有三種。

Phương-tiện tùy thuận kỳ số vô lượng, viên nhiếp sở quy tuần tính sai biệt đương hữu tam chủng.

Phương tiện thuận theo, số này vô lượng, thu giữ toàn bộ được quy theo tính khác nhau, đang có

ba loại.

善男子! 若諸菩薩悟淨圓覺。以淨覺心, 取靜為行。

Thiện nam tử! Nhược chư Bồ-tát ngộ tịnh Viên-giác. Dĩ tịnh giác tâm, thủ tĩnh vi hành.

Ngài nam thiện! Nếu các Bồ Tát hiểu Giác ngộ đầy đủ Thanh tịnh. Dùng tâm Giác Thanh tịnh

giữ Tĩnh lặng mà tu hành.

由澄諸念, 覺識煩動, 靜慧發生。

Do trừng chư niệm, Giác-thức phiền động, Tĩnh-tuệ phát sinh.

Do thanh lọc các suy niệm, nhận thức của Giác Phiền não động, phát sinh Trí tuệ Tĩnh lặng.

身心客塵從此永滅，便能內發寂靜輕安。

Thân tâm khách trần tòng thủ vĩnh diệt, tiện năng nội phát Tịch-tĩnh khinh an.

Thân tâm trú ở 6 Trần vĩnh viễn diệt trừ theo cách này, liền ở bên trong có thể phát xuất Tĩnh lặng nhẹ nhàng yên ổn

由寂靜故，十方世界諸如來心於中顯現，如鏡中像。

Do Tịch-tĩnh cố thập phương thế giới chư Như Lai tâm ư trung hiển hiện, như kính trung tượng.

Do được Tĩnh lặng, tâm của các Như Lai mười phương Thế giới hiển hiện trong đó, như tượng trong kính.

此方便者名奢摩他。

Thủ phương tiện giả danh Xa-ma-tha.

Phương tiện này tên Xa-ma-tha (Tĩnh lặng).

善男子！若諸菩薩悟淨圓覺，以淨覺心。

Thiện nam tử！Nhược chư Bồ-tát ngộ tịnh Viên-giác, dĩ tịnh Giác-tâm.

Ngài nam thiện！Nếu các Bồ Tát hiểu Giác ngộ đầy đủ Thanh tịnh, dùng tâm Giác Thanh tịnh.

知覺心性及與根塵皆因幻化。即起諸幻。

Tri Giác tâm tính cập dữ Căn trần giai nhân huyễn hóa. Tức khởi chư huyễn.

Biết tính của tâm Giác cùng với 6 Trần đều là nguyên nhân của ảo hóa. Tức thì phát khởi các ảo vọng.

以除幻者。變化諸幻而開幻眾。

Dĩ trừ huyễn giả. Biến hóa chư huyễn nhi khai huyễn chúng.

Dùng để trừ diệt ảo vọng. Biến hóa các ảo vọng mà mở ra các ảo vọng.

由起幻故便能內發大悲輕安。一切菩薩從此起行漸次增進。

Do khởi huyễn cố tiện năng nội phát Đại Bi khinh an. Nhất thiết Bồ-tát tòng thủ khởi hành tiệm thứ tăng tiến.

Do cố phát khởi ảo vọng liền bên trong có thể phát xuất Đại Bi nhẹ nhàng yên ổn. Tất cả Bồ Tát theo cách này xuất phát dần dần tăng tiến.

彼觀幻者非同幻故，非同幻觀皆是幻故幻相永離。

Bỉ quan huyễn giả phi đồng huyễn cố, phi đồng huyễn quan giai thị huyễn cố huyễn tướng vĩnh ly.

Họ quan sát ảo vọng, do không phải cùng một ảo vọng, quan sát không cùng một ảo vọng, do đều là ảo vọng, vĩnh rời bỏ cảnh ảo vọng.

是諸菩薩所圓妙行如土長苗。此方便者名三摩鉢提。

Thị chư Bồ-tát sở viên diệu hành như thổ trưởng miêu. Thủ Phương-tiện giả danh Tam-ma bát-đề.

Các Bồ Tát này có được hành Giác ngộ đầy đủ vi diệu, giống như lúa non sinh trưởng trên ruộng tốt. Phương tiện này tên là Tam-ma bát-đề (Tuồng nhớ Pháp đúng).

善男子！若諸菩薩悟淨圓覺。

Thiện nam tử！Nhược chư Bồ-tát ngộ tịnh Viên-giác.

Ngài nam thiện！Nếu các Bồ Tát hiểu Giác ngộ đầy đủ Thanh tịnh.

以淨覺心不取幻化及諸淨相。了知身心皆為罣礙。

Dĩ tịnh Giác-tâm bất thủ huyễn hóa cập chư tịnh tướng. Liễu tri thân tâm giai vi quái ngại.

Dùng tâm Giác Thanh tịnh không giữ ảo hoá và các hình tướng Thanh tịnh. Biết rõ thân tâm đều là trở ngại.

無知覺明不依諸礙，永得超過礙無礙境。

Vô tri Giác minh bất y chư ngại, vĩnh đắc siêu quá ngại vô ngại cảnh.

Không biết Giác sáng không dựa vào các trở ngại, cảnh không trở ngại vĩnh viễn vượt qua được trở ngại.

Viên Giác Tu Đa La.

受用世界及與身心，相在塵域，如器中鐺。

Thụ dụng thế giới cập dữ thân tâm, tương tại trần vực, như khí trung hoàng.

Thu dụng Thế giới cùng với thân tâm, cùng ở trong 6 Trần, như có tiếng kêu của kim khí.

聲出於外，煩惱涅槃不相留礙。

Thanh xuất ư ngoại, Phiền não Niết-Bàn bất tương lưu ngại.

Âm thanh phát ra ngoài, Phiền não Niết Bàn trở ngại không còn lưu lại.

便能內發寂滅輕安妙覺隨順寂滅境界。自他身心所不能及。

Tiện năng nội phát Tịch-diệt khinh an diệu Giác tùy thuận Tịch-diệt cảnh giới. Tự tha thân tâm sở bất năng cập.

Liên ở bên trong năng phát sinh cảnh giới Vắng lặng thuận theo Giác ngộ vi diệu, Vắng lặng nhẹ nhàng yên ổn. Thân tâm của người khác không thể theo kịp.

眾生壽命皆為浮想。此方便者名為禪那。

Chúng sinh thọ mệnh giai vi phù tưởng. Thử Phương-tiện giả danh vi Thiền-na.

Chúng sinh thọ mệnh đều là ảo tưởng. Phương tiện này tên là Thiền-na (Sáng rõ môn Pháp số).

善男子！此三法門皆是圓覺。

Thiện nam tử ! Thử tam Pháp môn giai thị Viên-giác.

Ngài nam thiện ! Ba môn Pháp này đều là Giác ngộ đầy đủ.

親近隨順十方如來。

Thân cận tùy thuận thập phương Như Lai.

Thân thiết thuận theo Như Lai mười phương.

因此成佛十方菩薩種種方便一切同異，皆依如是三種事業。

Nhân thử thành Phật thập phương Bồ-tát chủng chủng Phương-tiện nhất thiết đồng dị giai y như thị tam chủng sự nghiệp.

Nhân đó thành Phật, các loại Phương tiện của Bồ Tát mười phương hầu hết căn bản giống nhau, đều dựa theo ba loại sự nghiệp như thế.

若得圓證即成圓覺。善男子！假使有人修於聖道。

Nhược đắc viên chứng tức thành Viên-giác. Thiện nam tử ! Giả sử hữu nhân tu ư Thánh đạo.

Nếu được chứng nghiệm đầy đủ tức thì thành Giác ngộ đầy đủ. Ngài nam thiện ! Nếu như có người tu hành đạo Thánh.

教化成就百千萬億阿羅漢辟支佛果。

Giáo hóa thành tựu bách thiên vạn ức A-la-hán Bích-Chi-Phật quả.

Giáo hoá thành công trăm nghìn vạn triệu người được quả A La Hán, Bích Chi Phật.

不如有人聞此圓覺無礙法門一剎那頃隨順修習。

Bất như hữu nhân văn thử Viên-giác vô ngại Pháp môn nhất sát-na khoảnh tùy thuận tu tập.

Không bằng người nghe được môn Pháp Giác ngộ đầy đủ không trở ngại này một thời khắc ngắn thuận theo tu tập.

爾時世尊，欲重宣此義，而說偈言：

Nhĩ thời Thế Tôn, dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn :

Khi đó Thế Tôn muốn nói lại nghĩa trước mà đọc bài kệ nói rằng :

威德汝當知 無上大覺心

Uy Đức Nhữ đương tri. Vô-thượng Đại Giác tâm.

Uy Đức Ngài nên biết. Tâm Bình Đẳng Đại Giác.

本際無二相 隨順諸方便

Bản tế vô nhị tướng. Tùy thuận chư Phương-tiện.

Vốn dĩ không hai tướng. Thuận theo các Phương tiện.

其數即無量 如來總開示

Kỳ số tức vô lượng. Như Lai tổng khai thị.

Số này nhiều vô lượng. Như Lai tổng khai sáng.

便有三種類 寂靜奢摩他

Tiện hữu tam chủng loại. Tịch tĩnh Xa-ma-tha.

Hiện có 3 chủng loại. Tĩnh lặng Xa-ma-tha.

如鏡照諸像 如幻三摩提

Như kính chiếu chư tượng. Như huyền Tam-ma-đê.

Như kính soi các tượng. Như ảo Tam-ma-đê.

如苗漸增長 禪那唯寂滅

Như miêu tiêm tăng trưởng. Thiền-na duy Tịch-diệt.

Như lúa non tăng trưởng. Thiền-na tuy Vãng lặng.

如彼器中錙 三種妙法門

Như bử khí trung hoàng. Tam chủng diệu Pháp môn.

Như tiếng kêu của kim. Ba môn Pháp vi diệu.

皆是覺隨順 十方諸如來

Giai thị Giác tùy thuận. Thập phương chư Như Lai.

Đều là thuận theo Giác. Các Như Lai mười phương.

及諸大菩薩 因此得成道

Cập chư Đại Bồ-tát. Nhân thử đắc thành Đạo

Cùng các Đại Bồ Tát. Do nó được thành Đạo.

三事圓證故 名究竟涅槃

Tam sự viên chứng cố. Danh cứu cánh Niết-Bàn.

Ba việc chứng nghiệm đủ. Tên Niết Bàn cuối cùng.

於是辯音菩薩，在大眾中，即從座起。

Ư thị Biện-âm Bồ-tát, tại Đại Chúng trung, tức tòng toà khởi.

Khi đó Biện Âm Bồ-tát, ở trong Đại Chúng, tức thì rời khỏi chỗ ngồi.

頂禮佛足，右邊三匝，長跪叉手，而白佛言：

Đỉnh lễ Phật túc, hữu nhiều tam匝, trường quy xoa thủ, nhi bạch Phật ngôn：

Đỉnh lễ Phật hoàn tất, vòng phải ba lượt, quỳ lâu đan chéo ngón, chấp hai bàn tay mà bạch Phật nói rằng：

大悲世尊！如是法門甚為希有。世尊！

Đại Bi Thế Tôn！Như thị Pháp môn thậm vi hi hữu. Thế Tôn！

Đại Bi Thế Tôn！Như môn Pháp này rất là hiếm có. Thế Tôn！

此諸方便一切菩薩於圓覺門有幾修習？

Thử chư Phương-tiện nhất thiết Bồ-tát ư Viên-giác môn hữu kỷ tu tập？

Các Phương tiện này tất cả Bồ Tát với môn Giác ngộ đầy đủ có bao nhiêu tu tập？

願為大眾及末世眾生，方便開示令悟實相。作是語已。

Nguyện vị Đại Chúng cập mạt thế chúng sinh, Phương-tiện khai thị linh ngộ Thực-tướng. Tác thị ngữ dĩ.

Nguyện vì Đại Chúng và các chúng sinh Đời vận hết, khai sáng Phương tiện giúp hiểu được Thực-tướng. Làm xong lời nói đó.

五體投地，如是三請，終而復始。

Ngũ thể đầu địa, như thị tam thỉnh, chung nhi phục thủy.

Phục đất đỉnh lễ, thỉnh cầu ba lần như thế, sau cùng quay trở về chỗ cũ.

爾時世尊告辯音菩薩言：善哉！善哉！善男子！

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Biện Âm Bồ-tát ngôn：Thiện tai！Thiện tai！Thiện nam tử！

Khi đó Thế Tôn bảo Biện Âm Bồ Tát nói rằng：Thiện thay！Thiện thay！Ngài nam thiện！

汝等乃能為諸大眾及末世眾生。

Nhữ đấng nãi năng vị chư Đại Chúng cập mặt thể chúng sinh.

Các Ngài lại năng vì các Đại Chúng và chúng sinh đời Pháp diệt.

問於如來如是修習。汝今諦聽！當為汝說。

Vấn ư Như Lai như thị tu tập. Nhữ kim đế thính ! Đương vị Nhữ thuyết.

Hỏi Như Lai tu tập như thế. Nay Ngài nghe Tuệ ! Đương vì Ngài nói.

時辯音菩薩奉教歡喜。及諸大眾默然而聽。

Thời Biện Âm Bồ-tát phụng giáo hoan hỷ, cập chư Đại Chúng mặc nhiên nhi thính.

Khi đó Biện Âm Bồ Tát vui mừng cung kính tuân theo lời giáo huấn cùng với các Đại Chúng im lặng lắng nghe.

善男子！一切如來圓覺清淨本無修習及修習者。

Thiện nam tử ! Nhất thiết Như Lai Viên-giác Thanh tịnh bản vô tu tập cập tu tập giả.

Ngài nam thiện ! Giác ngộ đầy đủ Thanh tịnh của các Như Lai vốn dĩ không có tu tập và người tu tập.

一切菩薩及末世眾生依於未覺幻力修習。爾時便有二十五種清淨定輪。

Nhất thiết Bồ-tát cập mặt thể chúng sinh y ư vị Giác Huyền-lực tu tập. Nhĩ thời tiện hữu nhị thập ngũ chủng Thanh tịnh định luân.

Tất cả Bồ Tát và chúng sinh Đời vận hết tu tập dựa vào Lực ảo chưa được Giác ngộ. Lúc đó liền có 25 loại vòng định Thanh tịnh.

若諸菩薩唯取極靜。由靜力故永斷煩惱究竟成就。

Nhược chư Bồ-tát duy thủ cực tĩnh. Do Tĩnh-lực cố vĩnh đoạn phiền não cứu cánh thành tựu.

Nếu các Bồ Tát giữ được cực Tĩnh lặng. Do có Lực Tĩnh lặng vĩnh viễn đoạn Phiền não cuối cùng thành công.

不起于座便入涅槃。此菩薩者名單修奢摩他。

Bất khởi vu toà tiện nhập Niết Bàn. Thử Bồ-tát giả danh đơn tu Xa-ma-tha.

Không rời khỏi chỗ ngồi liền nhập ngay vào Niết Bàn. Bồ Tát này tên là Chi tu duy nhất Xa-ma-tha.

若諸菩薩唯觀如幻以佛力故。

Nhược chư Bồ-tát duy quan như huyễn dĩ Phật lực cố.

Nếu các Bồ Tát duy chỉ quan sát như ảo do dùng Lực của Phật.

變化世界種種作用，備行菩薩清淨妙行。

Biến-hóa Thế giới chủng chủng tác dụng, bị hành Bồ-tát Thanh tịnh diệu hành.

Biến hoá Thế giới đủ loại tác dụng, tu hành đầy đủ hạnh Thanh tịnh vi diệu của Bồ Tát.

於陀羅尼不失寂念及諸靜慧。此菩薩者名單修三摩鉢提。

Ư Đà-la-ni bất thất tịch niệm cập chư tĩnh tuệ. Thử Bồ-tát giả danh đơn tu Tam-ma bát-đề.

Với Đà La Ni không mất suy niệm Vắng lặng cùng với các Tuệ Tĩnh lặng. Bồ Tát này tên là Chi tu duy nhất Tam-ma bát-đề.

若諸菩薩唯滅諸幻不取作用獨斷煩惱。

Nhược chư Bồ-tát duy diệt chư huyễn bất thủ tác dụng độc đoạn Phiền-não.

Nếu các Bồ Tát duy chỉ diệt trừ các ảo vọng, không giữ tác dụng, chỉ duy nhất đoạn trừ Phiền não.

煩惱斷盡便證實相，此菩薩者名單修禪那。

Phiền não đoạn tận tiện chứng Thực-tướng. Thử Bồ-tát giả danh đơn tu Thiền-na.

Phiền não đoạn trừ hết liền chứng nghiệm Thực-tướng. Bồ Tát này tên là Chi tu duy nhất Thiền-na.

若諸菩薩先取至靜，以靜慧心照諸幻者。

Nhược chư Bồ-tát tiên thủ chí tĩnh, dĩ Tĩnh-tuệ tâm chiếu chư huyễn giả.

Nếu các Bồ Tát trước tiên giữ Tĩnh lặng lớn, dùng tâm Tuệ Tĩnh lặng chiếu soi các ảo vọng.

便於是中起菩薩行。此菩薩者名先修奢摩他後修三摩鉢提。

Tiền ư thị trung khởi Bồ-tát hạnh. Thử Bồ-tát giả danh tiên tu Xa-ma-tha hậu tu Tam-ma bát-đề. Liên ở trong đó phát khởi hạnh Bồ Tát. Bồ Tát này tên là trước tu Xa-ma-tha sau đó tu Tam-ma bát-đề.

若諸菩薩以靜慧故證至靜性，便斷煩惱永出生死。

Nhược chư Bồ-tát dĩ Tĩnh-tuệ cố chứng chí tĩnh tính, tiện đoạn phiền não vĩnh xuất sinh tử. Nếu các Bồ Tát cố dùng Tuệ Tĩnh lặng chứng nghiệm được tính Tĩnh lặng lớn, liền đoạn trừ Phiền não vĩnh viễn ra khỏi sinh chết.

此菩薩者名先修奢摩他後修禪那。

Thử Bồ-tát giả danh tiên tu Xa-ma-tha hậu tu Thiền-na.

Bồ Tát này tên là trước tu Xa-ma-tha sau tu Thiền-na.

若諸菩薩以寂靜慧復現幻力種種變化度諸眾生。

Nhược chư Bồ-tát dĩ Tịch-tĩnh Tuệ phục hiện Huyền-lực chủng chủng biến hóa độ chư chúng sinh.

Nếu các Bồ Tát dùng Tuệ Tĩnh lặng, Lực ảo vọng lại xuất hiện nhiều loại biến hoá, độ thoát các chúng sinh.

後斷煩惱而入寂滅。此菩薩者名先修奢摩他中修三摩鉢提後修禪那。

Hậu đoạn Phiền-não nhi nhập Tịch-diệt. Thử Bồ-tát giả danh tiên tu Xa-ma-tha trung tu Tam-ma bát-đề hậu tu Thiền-na.

Sau đó đoạn trừ Phiền não và nhập vào Vắng lặng. Bồ Tát này tên là trước tu Xa-ma-tha giữa tu Tam-ma bát-đề sau tu Thiền-na.

若諸菩薩以至靜力斷煩惱已後起菩薩清淨妙行度諸眾生。

Nhược chư Bồ-tát dĩ chí Tĩnh-lực đoạn Phiền-não dĩ hậu khởi Bồ-tát Thanh tịnh diệu hành độ chư chúng sinh.

Nếu các Bồ Tát dùng Lực Tĩnh lặng lớn, đoạn trừ Phiền não xong, sau lại phát khởi hành đạo Bồ Tát Thanh tịnh vi diệu độ thoát các chúng sinh.

此菩薩者名先修奢摩他中修禪那後修三摩鉢提。

Thử Bồ-tát giả danh tiên tu Xa-ma-tha trung tu Thiền-na hậu tu Tam-ma bát-đề.

Bồ Tát này tên là trước tu Xa-ma-tha giữa tu Thiền-na sau tu Tam-ma bát-đề.

若諸菩薩以至靜力心斷煩惱後度眾生建立世界。

Nhược chư Bồ-tát dĩ chí Tĩnh-lực tâm đoạn Phiền não hậu độ chúng sinh kiến lập Thế giới.

Nếu các Bồ Tát dùng Lực Tĩnh lặng lớn, tâm đoạn trừ Phiền não, sau đó độ thoát chúng sinh kiến thiết lập Thế giới.

此菩薩者名先修奢摩他齊修三摩鉢提及修禪那。

Thử Bồ-tát giả danh tiên tu Xa-ma-tha tề tu Tam-ma-bát đề cập tu Thiền-na.

Bồ Tát này tên là trước tu Xa-ma-tha cùng lúc tu Tam-ma-bát-đề và tu Thiền-na.

若諸菩薩以至靜力資發變化後斷煩惱。

Nhược chư Bồ-tát dĩ chí Tĩnh-lực tư phát Biến-hóa hậu đoạn Phiền-não.

Nếu các Bồ Tát dùng Lực Tĩnh lặng lớn, phát khởi Biến hoá vốn đã có, sau đó đoạn trừ Phiền não.

此菩薩者名齊修奢摩他三摩鉢提後修禪那。

Thử Bồ-tát giả danh tề tu Xa-ma-tha Tam-ma bát-đề hậu tu Thiền-na.

Bồ Tát này tên là cùng lúc tu Xa-ma-tha và Tam-ma bát-đề sau tu Thiền-na.

若諸菩薩以至靜力用資寂滅。後起作用變化境界。

Nhược chư Bồ Tát dĩ chí Tĩnh-lực dụng tư Tịch-diệt, hậu khởi tác dụng Biến-hóa cảnh giới.

Nếu các Bồ Tát dùng Lực Tĩnh lặng lớn, dùng Vắng lặng vốn có, sau đó phát khởi tác dụng Biến hoá cảnh giới.

此菩薩者名齊修奢摩他禪那後修三摩鉢提。

Thử Bồ-tát giả danh tề tu Xa-ma-tha Thiền-na hậu tu Tam-ma bát-đề.

Bồ Tát này tên là cùng lúc tu Xa-ma-tha và Thiền-na sau tu Tam-ma bát-đề.

若諸菩薩以變化力種種隨順而取至靜。

Nhược chư Bồ-tát dĩ Biến-hóa-lực chủng chủng tùy thuận nhi thủ chí Tĩnh.

Nếu các Bồ Tát dùng Lực Biến hoá các loại thuận theo mà giữ Tĩnh lặng lớn.

此菩薩者名先修三摩鉢提後修奢摩他。

Thử Bồ-tát giả danh tiên tu Tam-ma bát-đề hậu tu Xa-ma-tha.

Bồ Tát này tên là trước tu Tam-ma bát-đề sau tu Xa-ma-tha.

若諸菩薩以變化力種種境界而取寂滅。

Nhược chư Bồ-tát dĩ Biến-hóa-lực chủng chủng cảnh giới nhi thủ Tịch-diệt.

Nếu các Bồ Tát dùng Lực Biến hoá nhiều loại cảnh giới mà giữ Vắng lặng.

此菩薩者名先修三摩鉢提後修禪那。

Thử Bồ-tát giả danh tiên tu Tam-ma bát-đề hậu tu Thiền-na.

Bồ Tát này tên là trước tu Tam-ma bát-đề sau tu Thiền-na.

若諸菩薩以變化力而作佛事安在寂靜而斷煩惱。

Nhược chư Bồ-tát dĩ Biến-hóa-lực nhi tác Phật sự an tại Tịch-tĩnh nhi đoạn Phiền-não.

Nếu các Bồ Tát dùng Lực Biến hoá mà làm việc Phật, yên ổn trong Vắng lặng mà đoạn trừ Phiền não.

此菩薩者名先修三摩鉢提中修奢摩他後修禪那。

Thử Bồ-tát giả danh tiên tu Tam-ma bát-đề trung tu Xa-ma-tha hậu tu Thiền-na.

Bồ Tát này tên là trước tu Tam-ma bát-đề giữa tu Xa-ma-tha sau tu Thiền-na.

若諸菩薩以變化力無礙作用斷煩惱故安住至靜。

Nhược chư Bồ-tát dĩ Biến-hóa-lực vô ngại tác dụng đoạn phiền não cố an trụ chí Tĩnh.

Nếu các Bồ Tát dùng Lực Biến hoá tác dụng không trở ngại, do đoạn Phiền não, yên ổn ở trong Tĩnh lặng lớn.

此菩薩者名先修三摩鉢提中修禪那後修奢摩他。

Thử Bồ-tát giả danh tiên tu Tam-ma bát-đề trung tu Thiền-na hậu tu Xa-ma-tha.

Bồ Tát này tên là trước tu Tam-ma bát-đề giữa tu Thiền-na sau tu Xa-ma-tha.

若諸菩薩以變化力方便作用至靜寂滅二俱隨順。

Nhược chư Bồ-tát dĩ Biến-hóa-lực Phương-tiện tác dụng chí tĩnh Tịch-diệt nhị câu tùy thuận.

Nếu các Bồ Tát dùng Lực Biến hoá tác dụng Phương tiện, Tĩnh lặng lớn và Vắng lặng cả 2 cùng thuận theo.

此菩薩者名先修三摩鉢提齊修奢摩他禪那。

Thử Bồ-tát giả danh tiên tu Tam-ma bát-đề tề tu Xa-ma-tha Thiền-na.

Bồ Tát này tên là trước tu Tam-ma bát-đề cùng lúc tu Xa-ma-tha và Thiền-na.

若諸菩薩以變化力種種起用資於至靜後斷煩惱。

Nhược chư Bồ-tát dĩ Biến-hóa-lực chủng chủng khởi dụng tư ư chí tĩnh hậu đoạn Phiền-não.

Nếu các Bồ Tát dùng Lực Biến hoá phát khởi các loại tác dụng, vốn có sẵn Tĩnh lặng lớn sau đó đoạn trừ Phiền não.

此菩薩者名齊修三摩鉢提奢摩他後修禪那。

Thử Bồ-tát giả danh tề tu Tam-ma bát-đề Xa-ma-tha hậu tu Thiền-na.

Bồ Tát này tên là cùng lúc tu Tam-ma bát-đề và Xa-ma-tha sau tu Thiền-na.

若諸菩薩以變化力資於寂滅後住清淨無作靜慮。

Nhược chư Bồ-tát dĩ Biến-hóa-lực tư ư Tịch-diệt hậu trụ Thanh tịnh vô tác tĩnh lự.

Nếu các Bồ Tát dùng Lực Biến hoá, với Vắng lặng vốn có sẵn, sau đó ở trong Thanh tịnh không làm suy nghĩ Tĩnh lặng.

此菩薩者名齊修三摩鉢提禪那後修奢摩他。

Thử Bồ-tát giả danh tề tu Tam-ma bát-đề Thiên-na hậu tu Xa-ma-tha.

Bồ Tát này tên là cùng lúc tu Tam-ma bát-đề và Thiên-na sau tu Xa-ma-tha

若諸菩薩以寂滅力而起至靜住於清淨。

Nhược chư Bồ-tát dĩ Tịch-diệt lực nhi khởi chí tĩnh trụ ư Thanh tịnh.

Nếu các Bồ Tát dùng Lực Vắng lặng mà phát khởi Tĩnh lặng lớn ở trong Thanh tịnh.

此菩薩者名先修禪那後修奢摩他。

Thử Bồ-tát giả danh tiên tu Thiên-na hậu tu Xa-ma-tha.

Bồ Tát này tên là trước tu Thiên-na sau tu Xa-ma-tha.

若諸菩薩以寂滅力而起作用，於一切境寂用隨順。

Nhược chư Bồ-tát dĩ Tịch-diệt-lực nhi khởi tác dụng ư nhất thiết cảnh tịch dụng tùy thuận.

Nếu các Bồ Tát dùng Lực Vắng lặng mà khởi tác dụng, với tất cả cảnh giới Vắng lặng vận dụng thuận theo.

此菩薩者名先修禪那後修三摩鉢提。

Thử Bồ-tát giả danh tiên tu Thiên-na hậu tu Tam-ma bát-đề.

Bồ Tát này tên là trước tu Thiên-na sau tu Tam-ma bát-đề.

若諸菩薩以寂滅力種種自性安於靜慮而起變化。

Nhược chư Bồ-tát dĩ Tịch-diệt-lực chủng chủng tự tính an ư tĩnh lự nhi khởi Biến-hoá.

Nếu các Bồ Tát dùng Lực Vắng lặng nhiều loại tự tính yên vui trong suy nghĩ Tĩnh lặng mà phát khởi Biến-hoá.

此菩薩者名先修禪那中修奢摩他後修三摩鉢提。

Thử Bồ-tát giả danh tiên tu Thiên-na trung tu Xa-ma-tha hậu tu Tam-ma bát-đề.

Bồ Tát này tên là trước tu Thiên-na giữa tu Xa-ma-tha sau tu Tam-ma bát-đề.

若諸菩薩以寂滅力無作自性起於作用清淨境界歸於靜慮。

Nhược chư Bồ-tát dĩ Tịch-diệt-lực vô tác tự tính khởi ư tác dụng, Thanh tịnh cảnh giới quy ư Tĩnh-lự.

Nếu các Bồ Tát dùng Lực Vắng lặng không làm tự tính, phát khởi tác dụng, trở về cảnh giới Thanh tịnh ở trong suy nghĩ Tĩnh lặng.

此菩薩者名先修禪那中修三摩鉢提後修奢摩他。

Thử Bồ-tát giả danh tiên tu Thiên-na trung tu Tam-ma bát-đề hậu tu Xa-ma-tha.

Bồ Tát này tên là trước tu Thiên-na giữa tu Tam-ma bát-đề sau tu Xa-ma-tha.

若諸菩薩以寂滅力種種清淨而住靜慮起於變化。

Nhược chư Bồ-tát dĩ Tịch-diệt-lực chủng chủng Thanh tịnh nhi trụ Tĩnh-lự khởi ư Biến-hóa.

Nếu các Bồ Tát dùng Lực Vắng lặng nhiều loại Thanh tịnh mà ở trong suy nghĩ Tĩnh lặng phát khởi ra Biến hoá.

此菩薩者名先修禪那齊修奢摩他三摩鉢提。

Thử Bồ-tát giả danh tiên tu Thiên-na tề tu Xa-ma-tha Tam-ma bát-đề.

Bồ Tát này tên là trước tu Thiên-na cùng lúc tu Xa-ma-tha và Tam-ma bát-đề.

若諸菩薩以寂滅力資於至靜而起變化。

Nhược chư Bồ-tát dĩ Tịch-diệt-lực tư ư chí Tĩnh nhi khởi Biến-hóa.

Nếu các Bồ Tát dùng Lực Vắng lặng vốn có với Tĩnh lặng lớn mà phát khởi Biến hoá.

此菩薩者名齊修禪那奢摩他後修三摩鉢提。

Thử Bồ-tát giả danh tề tu Thiên-na Xa-ma-tha hậu tu Tam-ma bát-đề.

Bồ Tát này tên là cùng lúc tu Thiên-na và Xa-ma-tha sau tu Tam-ma bát-đề.

若諸菩薩以寂滅力資於變化，而起至靜清明境慧。

Nhược chư Bồ-tát dĩ Tịch-diệt-lực tư ư Biến-hóa, nhi khởi chí Tĩnh Thanh minh cảnh Tuệ.

Nếu các Bồ Tát dùng Lực Vắng lặng vốn có với Biến hoá mà phát khởi Tĩnh lặng lớn, Trí tuệ

cảnh giới Thanh tịnh sáng suốt.

此菩薩者名齊修禪那三摩鉢提後修奢摩他。

Thử Bồ-tát giả danh tề tu Thiên-na Tam-ma bát-đề hậu tu Xa-ma-tha.

Bồ Tát này tên là cùng lúc tu Thiên-na và Tam-ma bát-đề sau tu Xa-ma-tha.

若諸菩薩以圓覺慧圓合一切，於諸性相無離覺性。

Nhược chư Bồ-tát dĩ Viên-giác Tuệ viên hợp nhất thiết, ư chư tính tướng vô ly Giác-tính.

Nếu các Bồ Tát dùng Tuệ Giác ngộ đầy đủ hoà hợp, đầy đủ tất cả, với các Tính Tướng không rời bỏ Tính Giác ngộ.

此菩薩者名為圓修三種自性清淨隨順。善男子！

Thử Bồ-tát giả danh vi Viên tu tam chủng tự tính Thanh tịnh tùy thuận. Thiện nam tử !

Bồ Tát này tên là Tu đầy đủ ba loại tự tính Thanh tịnh thuận theo. Ngài nam thiện !

是名菩薩二十五輪一切菩薩修行。如是若諸菩薩及末世眾生依此輪者。

Thị danh Bồ-tát nhị thập ngũ luân nhất thiết Bồ-tát tu hành. Như thị nhược chư Bồ-tát cập mạt thế chúng sinh y thử luân giả.

Tên của Bồ Tát này là Tu hành tất cả 25 loại vòng định của Bồ Tát. Như thế các Bồ Tát cùng với chúng sinh Đòi vận hết dựa vào vòng định này.

當持梵行寂靜思惟求哀懺悔，經三七日。

Đương trì Phạm-hạnh tịch-tĩnh tư duy cầu ai sám hối kinh tam thất nhật.

Cần giữ Phạm hạnh tư duy Tĩnh lặng, xót thương cầu sám hối, qua 21 ngày.

於二十五輪，各安標記。至心求哀，隨手結取。

Ư nhị thập ngũ luân, các an tiêu ký. Chí tâm cầu ai, tùy thủ kết thủ.

Với 25 vòng định, yên tâm ghi nhớ các tiêu chuẩn. Chí tâm cầu thương xót, thuận theo nắm giữ.

依結開示，便知頓漸。一念疑悔，即不成就。

Y kết khai thị, tiện tri đốn tiệm. Nhất niệm nghi hối, tức bất thành tựu.

Dựa theo duyên kết khai sáng, liền biết chỉnh sửa dần. Một suy niệm nghi hoặc hối hận, tức thì không thành công.

爾時世尊，欲重宣此義，而說偈言：

Nhĩ thời Thế Tôn, dục trùng tuyên thử nghĩa nhi thuyết kệ ngôn :

Khi đó Thế Tôn muốn nói lại nghĩa trước mà đọc bài kệ nói rằng :

辯音汝當知 一切諸菩薩

Biện Âm Nhữ đương tri. Nhất thiết chư Bồ-tát

Biện Âm Ngài cần biết. Tất cả các Bồ Tát.

無礙清淨慧 皆依禪定生

Vô ngại Thanh tịnh tuệ. Giai y Thiên-định sinh.

Tuệ Thanh tịnh không ngại. Đều sinh theo Thiên Định.

所謂奢摩他 三摩提禪那

Sở vị Xa-ma-tha. Tam-ma-đề, Thiên-na.

Gọi là Xa-ma-tha. Tam-ma-đề, Thiên-na.

三法頓漸修 有二十五種

Tam Pháp đốn tiệm tu. Hữu nhị thập ngũ chủng.

Ba Pháp tu chỉnh dần. Có hai mươi lăm loại.

十方諸如來 三世修行者

Thập phương chư Như Lai. Tam-thế tu hành giả.

Mười phương các Như Lai. Ba đời người tu hành.

無不因此法 而得成菩提

Vô bất nhân thử Pháp. Nhi đắc thành Bồ-đề.

Dựa theo ba Pháp này. Mà được thành Bồ Đề.

唯除頓覺人。 并法不隨順

Duy trừ đôn Giác nhân. Tịnh Pháp bất tùy thuận.

Duy trừ người Giác ít. Không thuận theo các Pháp.

一切諸菩薩 及末世眾生

Nhất thiết chư Bồ-tát. Cập mạt thế chúng sinh.

Tất cả các Bồ Tát. Chúng sinh Đời vận hết.

常當持此輪 隨順勤修習

Thường đương trì thủ luân. Tùy thuận cần tu tập.

Thường nên giữ Định này. Cần tu tập thuận theo.

依佛大悲力 不久證涅槃

Y Phật Đại Bi lực. Bất cửu chứng Niết-Bàn .

Dựa Lực Đại Bi Phật. Không lâu chứng Niết Bàn.

於是淨諸業障菩薩，在大眾中。

Ư thị Tịnh-chư Nghiệp-chướng Bồ-tát, tại Đại Chúng trung.

Khi đó Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ Tát, ở trong Đại Chúng.

即從座起頂禮佛足，右繞三匝，長跪叉手，而白佛言：

Tức tòng toà khởi đỉnh lễ Phật túc, hữu nhiều tam tạp, trường quy xoa thủ, nhi bạch Phật ngôn :

Tức thì rời khỏi chỗ ngồi đỉnh lễ Phật hoàn tất, vòng phải ba lượt, quỳ lâu đan chéo ngón, chấp

hai tay mà bạch Phật nói rằng :

大悲世尊！為我等輩廣說如是不思議事一切如來因地行相。

Đại Bi Thế Tôn ! Vì Ngã đẳng bối quảng thuyết như thị bất tư nghị sự nhất thiết Như Lai nhân địa hành tướng.

Đại Bi Thế Tôn ! Vì con và các bậc trên rộng mở nói việc không thể suy bàn hình tướng tu hành Trí tuệ của tất cả Như Lai như thế.

令諸大眾得未曾有，覩見調御歷恒沙劫。勤苦境界一切功用猶如一念。

Linh chư Đại Chúng đắc vị tăng hữu, đồ kiến Điều-ngự lịch Hằng sa Kiếp. Cần khổ cảnh giới nhất thiết công dụng do như nhất niệm.

Giúp các Đại Chúng được chưa từng có, nhìn thấy Như Lai trải qua Kiếp số như cát sông Hằng.

Cảnh giới cần khổ tất cả công dụng giống như một thoáng suy niệm.

我等菩薩深自慶慰。世尊！若此覺心本性清淨。

Ngã đẳng Bồ-tát thâm tự khánh úy. Thế Tôn ! Nhược thử Giác tâm bản tính Thanh tịnh.

Con và các Bồ Tát tâm thâm sâu tự được an ủi vui mừng. Thế Tôn ! Nếu tâm Giác này bản tính Thanh tịnh.

因何染污？使諸眾生迷悶不入。唯願如來廣為我等開悟法性。

Nhân hà nhiễm ô ? Sử chư chúng sinh mê muội bất nhập. Duy nguyện Như Lai quảng vị Ngã đẳng khai ngộ Pháp tính.

Do cái gì lại nhiễm ô ư ? Làm cho chúng sinh mê muội không nhập vào được. Mong muốn Như Lai rộng mở vì chúng con khai sáng hiểu được tính Pháp.

令此大眾及末世眾生作將來眼。說是語已，五體投地。

Linh thử Đại Chúng cập mạt thế chúng sinh tác tương lai nhãn. Thuyết thị ngữ dĩ, ngũ thể đầu địa
Giúp Đại Chúng này cùng với chúng sinh Đời vận hết tạo dựng cái nhìn tương lai. Làm xong lời nói đó, phục đất đỉnh lễ.

如是三請，終而復始。爾時世尊告淨諸業障菩薩言：

Như thị tam thỉnh, chung nhi phục thủý. Nhĩ thời Thế Tôn cáo Tịnh-chư Nghiệp-chướng Bồ-tát ngôn :

Thỉnh cầu như thế ba lần, sau cùng trở lại chỗ cũ. Khi đó Thế Tôn bảo Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ Tát nói rằng :

善哉！善哉！善男子！汝等乃能為諸大眾及末世眾生。

Thiện tai ! thiện tai. ! Thiện nam tử ! Nhữ đẳng nãi năng vị chư Đại Chúng cập mạng thể chúng sinh.

Thiện thay ! Thiện thay ! Ngài nam thiện ! Các Ngài lại năng vì các Đại Chúng cùng với chúng sinh Đòi vận hết.

諮問如來如是方便。汝今諦聽！當為汝說。

Tư vấn Như Lai như thị Phương-tiện. Nhữ kim đế thính ! Đương vị Nhữ thuyết.

Hỏi kỹ Như Lai Phương tiện như thế. Ngài nay nghe Tuệ ! Đang vì Ngài nói.

時淨諸業障菩薩奉教歡喜。

Thời Tịnh-chư Nghiệp-chướng Bồ-tát phụng giáo hoan hỉ.

Lúc đó Tịnh Chư Nghiệp Chướng Bồ Tát vui vẻ cung kính tuân theo lời giáo huấn.

及諸大眾默然而聽。善男子！

Cập chư Đại Chúng mặc nhiên nhi thính. Thiện nam tử !

Cùng với các Đại Chúng im lặng lắng nghe. Ngài nam thiện !

一切眾生從無始來妄想執有我人眾生及與壽命。認四顛倒為實我體。

Nhất thiết chúng sinh tòng vô thủy lai vọng tưởng chấp hữu Ngã Nhân Chúng sinh cập dữ thọ mệnh. Nhận Tứ-điên-đảo vi thực Ngã thể.

Tất cả chúng sinh từ xưa tới nay ảo tưởng cố chấp cho là có bản thân, Người và Chúng sinh cũng như có thọ mệnh. Nhận 4 Đảo lộn là thực thể của bản thân.

由此便生憎愛二境，於虛妄體重執虛妄。

Do thử tiện sinh tăng ái nhị cảnh, ư hư vọng thể trùng chấp hư vọng.

Do việc này liền sinh hai cảnh yêu ghét, trong thể ảo vọng lại cố chấp thêm ảo vọng.

二妄相依生妄業道，有妄業故妄見流轉。

Nhị vọng tương y sinh vọng Nghiệp-đạo, hữu Vọng-nghiệp cố Vọng-kiến lưu chuyển.

Dựa vào hai ảo vọng tương hỗ sinh ra Đạo Nghiệp ảo vọng, do có Nghiệp ảo vọng, luân chuyển Nhìn thấy ảo vọng.

厭流轉者妄見涅槃，由此不能入清淨覺。

Yếm lưu chuyển giả Vọng-kiến Niết-Bàn, do thử bất năng nhập Thanh-tịnh Giác.

Người chán ghét lưu chuyển, Ảo vọng nhìn thấy Niết Bàn, do việc này không thể nhập vào Giác ngộ Thanh tịnh.

非覺違拒諸能入者，有諸能入非覺入故。

Phi Giác vi cự chư năng nhập giả, hữu chư năng nhập phi Giác nhập cố.

Giác ngộ sai chống cự đi ngược lại việc có thể nhập, do nhập vào Giác ngộ sai có thể nhập vào Có.

是故動念及與息念皆歸迷悶。何以故？

Thị cố động niệm cập dữ tức niệm giai quy mê muội. Hà dĩ cố？

Vì thế suy niệm động và suy niệm nghỉ đều trở về mê muội. Cớ là sao？

由有無始本起無明為己主宰。一切眾生無慧目。

Do hữu vô thủy bản khởi Vô-minh vi kỷ chủ tể. Nhất thiết chúng sinh sinh vô tuệ mục.

Do Có từ xa xưa phát khởi nguồn Ngu tối là chúa tể của bản thân. Tất cả chúng sinh sinh ra đều không có Trí tuệ.

身心等性，皆是無明。譬如有人不自斷命。是故當知！

Thân tâm đẳng Tính, giai thị Vô-minh. Thí như hữu nhân bất tự đoạn mệnh. Thị cố đương tri !

Thân tâm và Tính đều là Ngu tối. Ví như có người không tự đoạn trừ mệnh. Vì thế cần biết !

有愛我者我與隨順，非隨順者，便生憎怨。

Hữu ái Ngã giả Ngã dữ tùy thuận, phi tùy thuận giả, tiện sinh tăng oán.

Yêu bản thân và thuận theo bản thân, không thuận theo, liền sinh thù ghét oán hận.

為憎愛心養無明故，相續求道皆不成就。

Vị tăng ái tâm dưỡng Vô-minh cố, tương tục cầu đạo giai bất thành tựu.

Do vì yêu ghét nuôi dưỡng Ngu tối, liên tục cầu Đạo đều không thành công.

善男子！云何我相？謂諸眾生心所證者。善男子！

Thiện nam tử！Vân hà Ngã tướng？Vị chư chúng sinh tâm sở chứng giả. Thiện nam tử！

Ngài nam thiện！Vì sao có hình tướng Bản thân？Vì tâm của chúng sinh có được chứng nghiệm.

Ngài nam thiện！

譬如有人百骸調適忽忘我身四支絃緩攝養乖方微加鍼艾則知有我。

Thí như hữu nhân bách hài điều thích hốt vong Ngã thân tứ chi huyền hoãn nhiếp dưỡng quai phương vi gia châm ngải tức tri hữu Ngã.

Ví như có người trăm xương cốt điều hoà thích ứng, đột nhiên quên mất chân tay của bản thân, căng thẳng chậm chạp chữa trị bằng nhiều cách khác nhau, thêm việc châm cứu chắc là biết có Bản thân.

是故證取方現我體。善男子！

Thị cố chứng thủ phương hiện Ngã thể. Thiện nam tử！

Vì thế bằng cách đó chứng nghiệm hiện có hình thể của Tôi. Ngài nam thiện！

其心乃至證於如來畢竟了知清淨涅槃皆是我相。

Kỳ tâm nãi chí chứng ư Như Lai tất cánh liễu tri Thanh tịnh Niết-Bàn giai thị Ngã tướng.

Tâm họ thậm chí chứng nghiệm với Như Lai cuối cùng hiểu rõ Thanh tịnh Niết Bàn đều là hình tướng của Bản thân.

善男子！云何人相？謂諸眾生心悟證者。

Thiện nam tử！Vân hà Nhân tướng？Vị chư chúng sinh tâm ngộ chứng giả.

Ngài nam thiện！Thế nào là hình tướng của Người？Coi như tâm chúng sinh hiểu được chứng nghiệm.

善男子！悟有我者不復認我。所悟非我悟亦如是。

Thiện nam tử！Ngộ hữu Ngã giả bất phục nhận Ngã, sở ngộ phi Ngã ngộ diệc như thị.

Ngài nam thiện！Hiểu được có Tôi lại không chịu nhận là Tôi, hiểu được không phải Tôi hiểu cũng như thế.

悟已超過一切證者悉為人相。善男子！

Ngộ dĩ siêu quá nhất thiết chứng giả tất vi nhân tướng. Thiện nam tử！

Hiểu đã vượt qua tất cả, chứng nghiệm tất cả, đều là hình tướng của Người. Ngài nam thiện！

其心乃至圓悟涅槃俱是我者。

Kỳ tâm nãi chí viên ngộ Niết-Bàn câu thị Ngã giả.

Tâm đó thậm chí hiểu đầy đủ Niết Bàn đều là Tôi.

心存少悟備殫證理皆名人相。

Tâm tồn thiểu ngộ bị đàn chứng lý giai danh Nhân tướng.

Tâm còn một chút hiểu chứng nghiệm sẵn đủ lý lẽ đều có tên là hình tướng của Người.

善男子。云何眾生相？

Thiện nam tử！Vân hà chúng sinh tướng？

Ngài nam thiện！Thế nào là hình tướng của Chúng sinh？

謂諸眾生心自證悟所不及者。善男子！

Vị chư chúng sinh tâm tự chứng ngộ sở bất cập giả. Thiện nam tử！

Gọi là tâm Chúng sinh tự hiểu chứng nghiệm được không bằng người. Ngài nam thiện！

譬如有人作如是言：我是眾生，則知彼人說眾生者非我非彼。

Thí như hữu nhân tác như thị ngôn：Ngã thị chúng sinh, tắc tri bỉ nhân thuyết chúng sinh giả phi Ngã phi bỉ.

Ví như có người nói rằng：Tôi là chúng sinh, chắc là biết người đó nói chúng sinh không phải

Tôi không phải Người đó.

云何非我我是眾生則非是我。

Vân hà phi ngã ngã thị chúng sinh tắc phi thị ngã.

Vì sao không phải là Tôi, Tôi là Chúng sinh, chắc không phải là Tôi.

云何非彼我是眾生非彼我故。善男子！

Vân hà phi bỉ ngã thị chúng sinh phi bỉ ngã cố. Thiện nam tử !

Vì sao không phải người đó, Tôi là chúng sinh, cố nhiên không phải là Tôi là người đó. Ngài nam thiện !

但諸眾生了證了悟皆為我人而我人相所不及者存有所了名眾生相。

Đãn chư chúng sinh liễu chứng liễu ngộ giai vi ngã nhân nhi ngã nhân tướng sở bất cập giả tồn hữu sở liễu danh chúng sinh tướng.

Chỉ các chúng sinh đã chứng nghiệm rõ đã hiểu rõ, đều là Tôi Người và hình tướng của Tôi Người không bằng được, điều còn tồn lại tên là Tướng của Chúng sinh.

善男子！云何壽命相？

Thiện nam tử ! Vân hà thọ mệnh tướng ?

Ngài nam thiện ! Thế nào là tướng thọ mệnh ?

謂諸眾生心照清淨覺所了者。一切業智所不自見猶如命根。

Vị chư chúng sinh tâm chiếu Thanh tịnh giác sở liễu giả. Nhất thiết nghiệp trí sở bất tự kiến do như mệnh căn.

Gọi là tâm chúng sinh soi chiếu được rõ Giác ngộ Thanh tịnh. Tất cả Trí nghiệp không tự nhìn thấy được giống như Căn mệnh.

善男子！若心照見一切覺者皆為塵垢。

Thiện nam tử ! Nhược tâm chiếu kiến nhất thiết Giác giả giai vi trần cấu.

Ngài nam thiện ! Nếu tâm chiếu soi thấy tất cả Giác ngộ đều là 6 Trần ô uế.

覺所覺者不離塵故。如湯銷冰無別有水。

Giác sở Giác giả bất ly trần cố. Như thang tiêu băng vô biệt hữu băng.

Cảm giác của Giác ngộ do không rời bỏ 6 Trần. Như nấu chảy băng đá không phân biệt có băng đá.

知冰銷者，存我覺我亦復如是。

Tri băng tiêu giả, tồn ngã giác ngã diệc phục như thị.

Biết được băng đá tan, tồn tại cảm giác của bản thân, trong bản thân cũng lại như thế.

善男子！末世眾生不了四相。

Thiện nam tử ! Mạt thế chúng sinh bất liễu tứ tướng.

Ngài nam thiện ! Trong Đời vận hết chúng sinh không hiểu 4 loại hình tướng.

雖經多劫勤苦修道但名有為。終不能成一切聖果。

Tuy kinh đa kiếp cần khổ tu Đạo dẫn danh Hữu-vi. Chung bất năng thành nhất thiết Thánh quả.

Tuy qua nhiều Kiếp cần khổ tu Đạo chỉ có tên là Cảm giác thấy Thế giới Có. Cuối cùng không có thể thành công tất cả quả Thánh.

是故名為正法末世。何以故？認一切我為涅槃故。

Thị cố danh vi Chính pháp mạt thế. Hà dĩ cố ? Nhận nhất thiết ngã vi Niết-Bàn cố.

Vì thế tên là Pháp đúng Đời vận hết. Có là sao ? Nhận thấy tất cả Tôi là Niết Bàn.

有證有悟名成就故。

Hữu chứng hữu ngộ danh thành tựu cố.

Chứng nghiệm Có, hiểu Có tên là thành công.

譬如有人以賊為子其家財寶終不成就。何以故？有我愛者亦愛涅槃。

Thí như hữu nhân dĩ tặc vi tử kỳ gia tài bảo chung bất thành tựu. Hà dĩ cố ? Hữu ngã ái giả diệc ái Niết-Bàn.

Ví như có người dùng trộm cướp làm con, tài sản của họ cuối cùng tan nát. Có là sao ? Vì yêu quý bản thân cũng như yêu quý Niết Bàn.

伏我愛根為涅槃相，有憎我者亦憎生死。

Phục Ngã ái căn vi Niết-Bàn tướng, hữu tăng Ngã giả diệt tăng sinh tử.

Chế phục gốc yêu bản thân được hình tướng Niết Bàn, ghét Có bản thân cũng ghét sinh chết.

不知愛者真生死故，別憎生死名不解脫。

Bất tri ái giả chân sinh tử cố, biệt tăng sinh tử danh bất Giải-thoát.

Không hiểu biết Yêu là gốc của sinh chết, không ghét sinh chết tên là không Giải-thoát

云何當知法不解脫？善男子！

Vân hà đương tri Pháp bất Giải-thoát ? Thiện nam tử !

Làm sao biết được Pháp không Giải thoát ? Ngài nam thiện !

彼末世眾生習菩提者。以己微證為自清淨猶未能盡我相根本。

Bỉ mạt thế chúng sinh tập Bồ-đề giả. Dĩ kỷ vi chứng vi tự Thanh tịnh do vị năng tận Ngã tướng căn bản.

Chúng sinh Đòi vận hết tu tập đạo Bồ Đề. Dùng sự chứng nghiệm nhỏ của bản thân tự coi là Thanh tịnh, do chưa có thể trừ hết gốc rễ hình tướng của bản thân.

若復有人讚歎彼法即生歡喜便欲濟度。

Nhược phục hữu nhân tán thán bỉ Pháp tức sinh hoan hỷ tiện dục tế độ.

Nếu lại có người ca ngợi Pháp của họ tức thì vui mừng liền muốn cứu tế độ thoát.

若復誹謗彼所得者便生瞋恨。

Nhược phục phi báng bỉ sở đắc giả tiện sinh sân hận.

Nếu lại phi báng cái mà họ được liền sinh thù hận.

則知我相堅固執持潛伏藏識遊戲諸根曾不間斷。善男子！

Tắc tri Ngã tướng kiên cố chấp trì tiềm phục tạng thức du hí chư Căn tăng bất gián đoạn. Thiện nam tử !

Chắc là biết được hình bóng của Bản thân kiên cố ẩn nấp tiềm tàng trong tâm thức, khơi dậy các Căn chưa từng dứt đoạn. Ngài nam thiện !

彼修道者不除我相。是故不能入清淨覺。

Bỉ tu đạo giả bất trừ Ngã tướng. Thị cố bất năng nhập Thanh tịnh Giác.

Tu Đạo đó không tiêu trừ hình bóng của Bản thân. Vì thế không có thể nhập vào Giác ngộ Thanh tịnh.

善男子。若知我空無毀我者有我說法我未斷故。

Thiện nam tử ! Nhược tri Ngã không vô hủy Ngã giả hữu Ngã thuyết Pháp Ngã vị đoạn cố.

Ngài nam thiện ! Nếu biết Bản thân rỗng không, Bản thân không huỷ hoại, Bản thân có nói Pháp, do Bản thân chưa đoạn diệt hết.

眾生壽命亦復如是。善男子！

Chúng sinh thọ mệnh diệt phục như thị. Thiện nam tử !

Chúng sinh thọ mệnh cũng lại như thế. Ngài nam thiện !

末世眾生說病為法。是故名為可憐愍者。

Mạt thế chúng sinh thuyết bệnh vi Pháp. Thị cố danh vi khả lân mẫn giả.

Chúng sinh Đòi vận hết nói bệnh được Pháp. Vì thế tên là Có thể thương xót.

雖勤精進增益諸病。是故不能入清淨覺。善男子！

Tuy cần Tinh-tiến tăng ích chư bệnh. Thị cố bất năng nhập Thanh tịnh Giác. Thiện nam tử !

Tuy chuyên cần Tinh tiến tăng lợi ích các bệnh. Vì thế không thể nhập Giác ngộ Thanh tịnh. Ngài nam thiện !

末世眾生不了四相。

Mạt thế chúng sinh bất liễu tứ tướng.

Chúng sinh Đòi vận hết không hiểu rõ 4 hình tướng.

以如來解及所行處為自修行，終不成就。或有眾生未得謂得未證謂證。

Dĩ Như Lai giải cập sở hành xứ vi tự tu hành, chung bất thành tựu. Hoặc hữu chúng sinh vị đắc vị đắc vị chúng vị chúng.

Dùng sự giải thích của Như Lai cùng với được nơi tu hành là tự tu hành, cuối cùng không thành công. Hoặc có chúng sinh chưa được coi là được, chưa chứng nghiệm coi như đã chứng nghiệm.

見勝進者心生嫉妬。由彼眾生未斷我愛。

Kiến thắng tiến giả tâm sinh tật đố. Do bỉ chúng sinh vị đoạn Ngã ái.

Nhìn thấy người được thắng tiến tâm sinh ghen ghét đố kỵ. Do chúng sinh đó chưa đoạn trừ yêu quý Bản thân.

是故不能入清淨覺。善男子！

Thị cố bất năng nhập Thanh tịnh Giác. Thiện nam tử !

Vì thế không thể nhập vào Giác ngộ Thanh tịnh. Ngài nam thiện !

末世眾生希望成道無令求悟。唯益多聞增長我見。

Mạt thế chúng sinh hy vọng thành Đạo vô linh cầu ngộ. Duy ích đa văn tăng trưởng Ngã-kiến.

Chúng sinh Đòi vận hết hi vọng thành Đạo không mong cầu hiểu Đạo. Tuy nghe nhiều chỉ tăng ích cho Nhìn thấy của Bản thân.

但當精勤降伏煩惱起大勇猛，未得令得未斷令斷。

Đãn đương tinh cần hàng phục Phiền-não khởi đại dũng mãnh, vị đắc linh đắc vị đoạn linh đoạn.

Chỉ cần tinh tiến chuyên cần hàng phục Phiền não phát khởi dũng mãnh lớn, chưa được giúp cho được, chưa đoạn trừ giúp cho đoạn trừ.

貪瞋愛慢諂曲嫉妬對境不生。彼我恩愛一切寂滅。

Tham sân ái mạn siểm khúc tật đố đối cảnh bất sinh. Bỉ Ngã ân ái nhất thiết Tịch-diệt.

Cảnh đối nghịch không sinh tham lam thù hận kiêu mạn dối trá ghen ghét đố kỵ. Ân ái của bản thân họ tất cả Vắng lặng.

佛說是人漸次成就，求善知識不墮邪見。

Phật thuyết thị nhân tiệm thứ thành tựu, cầu thiện Tri-thức bất đọa Tà-kiến.

Phật nói người đó lần lượt thành công, cầu Tri thức thiện không đọa vào Thấy sai.

若於所求別生憎愛則不能入清淨覺海。

Nhược ư sở cầu biệt sinh tăng ái tác bất năng nhập Thanh tịnh Giác hải.

Nếu có cầu đặc biệt sinh yêu ghét chắc là không thể nhập vào biển Giác ngộ Thanh tịnh.

爾時世尊欲重宣此義而說偈言：

Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa nhi thuyết kệ ngôn：

Khi đó Thế Tôn muốn nói lại nghĩa trước mà đọc bài kệ nói rằng：

淨業汝當知 一切諸眾生

Tịnh Nghiệp Nhữ đương tri. Nhất thiết chư chúng sinh.

Tịnh Nghiệp Ngài nên biết. Tất cả các chúng sinh.

皆由執我愛 無始妄流轉

Giai do chấp Ngã ái. Vô thủy vọng lưu chuyển.

Đều do yêu Bản thân. Áo vọng từ xưa tới.

未除四種相 不得成菩提

Vị trừ tứ chủng tướng. Bất đắc thành Bồ-đề.

Chưa trừ bốn loại tướng. Không được thành Bồ Đề.

愛憎生於心 諂曲存諸念

Ái tăng sinh ư tâm. Siểm khúc tồn chư niệm .

Yêu ghét sinh trong tâm. Xảo trá trong suy niệm.

是故多迷悶 不能入覺城

Thị cố đa mê muội. Bất năng nhập Giác-thành.

Vì thế nhiều mê muội. Không thể nhập thành Giác.

若能歸悟剎 先去貪瞋癡

Nhược năng quy ngộ sát. Tiên khứ Tham-Sân-Si.

Nếu muốn về Giác ngộ. Trước trừ Tham Sân Si

法愛不存心 漸次可成就

Pháp-ái bất tồn tâm. Tiệm thứ khả thành tựu.

Tâm không còn yêu Pháp. Lần lượt được thành công.

我身本不有 憎愛何由生

Ngã thân bản bất hữu. Tăng ái hà do sinh.

Bản thân còn không có. Yêu ghét do gì sinh.

此人求善友 終不墮邪見

Thử nhân cầu thiện hữu. Chung bất đọa Tà-kiến.

Người này cầu bạn thiện. Rốt không đọa Thấy sai.

所求別生心 究竟非成就

Sở cầu biệt sinh tâm. Cứu cánh phi thành tựu

Tâm sinh cầu đặc biệt. Cuối cùng không thành công.

於是普覺菩薩, 在大眾中, 即從座起。

Ư thị Phổ-giác Bồ-tát, tại Đại Chúng trung, tức tòng tòa khởi.

Khi đó Phổ Giác Bồ Tát, ở trong Đại Chúng, tức thì rời khỏi chỗ ngồi.

頂禮佛足, 右邊三匝, 長跪叉手, 而白佛言:

Đỉnh lễ Phật túc, hữu nhiều tam匝, trường quy xoa thủ, nhi bạch Phật ngôn:

Đỉnh lễ Phật hoàn tất, vòng phải ba lượt, quỳ lâu đan chéo, chấp hai bàn tay mà bạch Phật nói rằng:

大悲世尊! 快說禪病。

Đại Bi Thế Tôn! Khoái thuyết Thiền bệnh.

Đại Bi Thế Tôn! Vui lòng nói bệnh Thiền.

令諸大眾得未曾有心意蕩然獲大安隱。世尊! 末世眾生去佛漸遠。

Linh chư Đại Chúng đắc vị tăng hữu tâm ý đặng nhiên hoạch đại an ẩn. Thế Tôn! Mạt thế chúng sinh khứ Phật tiệm viễn.

Giúp các Đại Chúng được chưa từng có, tâm ý thoải mái thu được yên ổn lớn. Thế Tôn! Chúng sinh Đòi vận hết tới Phật xa dần.

賢聖隱伏邪法增熾。

Hiền Thánh ẩn phục Tà-pháp tăng sí.

Thánh Hiền ẩn thân Pháp sai tăng mạnh.

使諸眾生求何等人? 依何等法? 行何等行? 除去何病?

Sử chư chúng sinh cầu hà đẳng nhân? Y hà đẳng Pháp? Hành hà đẳng hạnh? Trừ khứ hà bệnh?

Khiến các chúng sinh cầu những người nào? Dựa vào các Pháp gì? Tu hành những hạnh gì?

Trừ bỏ bệnh gì?

云何發心? 令彼群盲不墮邪見。作是語已, 五體投地, 如是三請, 終而復始。

Vân hà phát tâm? Linh bỉ quần manh bất đọa Tà-kiến. Tác thị ngữ dĩ, ngũ thể đầu địa, như thị tam thỉnh, chung nhi phục thủy.

Phát tâm như thế nào? Giúp chúng sinh mù lòa không đọa Thấy sai. Làm lời nói đó xong, phục đất đỉnh lễ, thỉnh cầu ba lần như thế, sau cùng trở lại chỗ cũ.

爾時世尊告普覺菩薩言: 善哉! 善哉! 善男子!

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Phổ-giác Bồ-tát ngôn: Thiện tai! Thiện tai! Thiện nam tử!

Khi đó Thế Tôn bảo Phổ Giác Bồ Tát nói rằng: Thiện thay! Thiện thay! Ngài nam thiện!

汝等乃能諮問如來如是修行。

Nhữ đấng nãi năng tư vấn Như Lai như thị tu hành.

Các Ngài lại năng hỏi Như Lai tu hành như thế.

能施末世一切眾生無畏道眼。令彼眾生得成聖道。

Năng thí mật thể nhất thiết chúng sinh vô úy đạo nhãn. Linh bỉ chúng sinh đắc thành Thánh-đạo.

Năng Bồ thí tất cả chúng sinh Đòi vận hết nhìn thấy Đạo không sợ. Giúp các chúng sinh đó được thành Đạo Thánh.

汝今諦聽！當為汝說。時普覺菩薩奉教歡喜。及諸大眾默然而聽。

Nhữ kim đế thính ! Đương vị Nhữ thuyết. Thời Phổ-giác Bồ-tát phụng giáo hoan hỷ, cập chư Đại Chúng mặc nhiên nhi thính.

Ngài nay nghe Tuệ ! Đang vì Ngài nói. Khi đó Phổ Giác Bồ Tát vui mừng cung kính tuân theo lời giáo huấn, cùng với các Đại Chúng im lặng lắng nghe.

善男子！末世眾生將發大心。

Thiện nam tử ! Mật thể chúng sinh tương phát đại tâm.

Ngài nam thiện ! Chúng sinh Đòi vận hết mới phát tâm lớn.

求善知識欲修行者，當求一切正知見人。心不住相。

Cầu thiện Tri-thức dục tu hành giả, đương cầu nhất thiết chính Tri-kiến nhân. Tâm bất trụ tướng.

Cầu Tri thức thiện muốn tu hành, nên cầu người có tất cả Thấy biết đúng. Tâm không ở trong hình tướng.

不著聲聞緣覺境界。雖現塵勞心恒清淨。

Bất trước Thanh-văn Duyên-giác giác cảnh giới. Tuy hiện trần lao tâm hằng Thanh tịnh.

Không nương nhờ cảnh giới của Bạc Thanh Văn Duyên Giác. Tuy hiện ra Phiền toái tâm thường Thanh tịnh.

示有諸過讚歎梵行，不令眾生入不律儀。

Thị hữu chư quá tán thán Phạm-hạnh, bất linh chúng sinh nhập bất luật nghi.

Biểu hiện có ca ngợi qua Phạm hạnh, không giúp chúng sinh nhập vào không luật nghi thức.

求如是人即得成就阿耨多羅三藐三菩提。

Cầu như thị nhân tức đắc thành tựu A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ-đề.

Cầu được người này tức được thành công A-nậu-đa-la tam-miệu-tam Bồ-đề.

末世眾生見如是人應當供養不惜身命。

Mật thể chúng sinh kiến như thị nhân ứng đương cúng dưỡng bất tích thân mệnh.

Chúng sinh Đòi vận hết gặp được người như thế nên cần cúng dưỡng không tiếc thân mệnh.

彼善知識四威儀中常現清淨。

Bỉ thiện Tri thức tứ uy nghi trung thường hiện Thanh tịnh.

Tri thức thiện đó trong 4 uy nghi thường biểu hiện Thanh tịnh.

乃至示現種種過患心無憍慢，況復搏財妻子眷屬。

Nãi chí thị hiện chủng chủng quá hoạn tâm vô kiêu mạn, huống phục bác tài thê tử quyến thuộc.

Thậm chí hiện ra trải qua rất nhiều hoạn nạn tâm không kiêu mạn, huống chi lại còn vật lộn với tiền tài vợ con thân thuộc.

若善男子於彼善友不起惡念，即能究竟成就正覺。

Nhược thiện nam tử ư bỉ thiện hữu bất khởi ác niệm, tức năng cứu cánh thành tựu Chính-giác.

Nếu người nam thiện với bạn hữu thiện không phát khởi suy niệm ác, tức thì cuối cùng có thể thành công Chính Giác.

心花發明照十方刹。

Tâm hoa phát minh chiếu thập phương sát.

Tâm phần chấn phát khởi các quang sáng chiếu soi mười phương đất Phật.

善男子！彼善知識所證妙法應離四病。

Thiện nam tử ! Bỉ thiện Tri thức sở chứng Diệu Pháp ung ly tứ bệnh.

Ngài nam thiện ! Tri thức thiện đó chứng nghiệm được Pháp vi diệu nên rời bỏ 4 bệnh.

云何四病？一者作病。若復有人作如是言：

Vân hà tứ bệnh ? Nhất giả tác bệnh. Nhược phục hữu nhân tác như thị ngôn :

Thế nào là 4 bệnh ? Một là bệnh làm việc. Nếu lại có người làm lời nói như là :

我於本心作種種行欲求圓覺。

Ngã ư bản tâm tác chủng chủng hạnh dục cầu Viên-giác.

Tôi với bản tâm làm đủ loại hạnh muốn cầu Giác ngộ đầy đủ.

彼圓覺性非作得故說名為病。二者任病。若復有人作如是言：

Bỉ Viên-giác tính phi tác đắc cố thuyết danh vi bệnh. Nhị giả nhâm bệnh. Nhược phục hữu nhân tác như thị ngôn :

Tính của Giác ngộ đầy đủ đó không có làm được, do đó nói tên là bệnh. Hai là bệnh đảm nhiệm.

Nếu lại có người làm lời nói như là :

我等今者不斷生死不求涅槃。

Ngã đẳng kim giả bất đoạn sinh tử bất cầu Niết-Bàn.

Chúng tôi nay không đoạn trừ sinh chết không cầu Niết Bàn.

涅槃生死無起滅念，任彼一切隨諸法性欲求圓覺。

Niết-Bàn sinh tử vô khởi diệt niệm, nhâm bỉ nhất thiết tùy chư Pháp tính dục cầu Viên-giác.

Niết Bàn sinh chết không phát khởi suy niệm mất, đảm nhiệm việc đó tất cả thuận theo tính của các Pháp muốn cầu Giác ngộ đầy đủ.

彼圓覺性非任有故說名為病。三者止病。

Bỉ Viên-giác tính phi nhâm hữu cố thuyết danh vi bệnh. Tam giả chỉ bệnh.

Tính của Giác ngộ đầy đủ đó không có đảm nhiệm vì thế tên là bệnh. Ba là bệnh dừng lại.

若復有人作如是言：我今自心永息諸念得一切性。

Nhược phục hữu nhân tác như thị ngôn : Ngã kim tự tâm vĩnh tức chư niệm đắc nhất thiết tính.

Nếu lại có người làm lời nói như là : Tôi nay tâm tự vĩnh viễn dừng nghỉ các suy niệm được tất cả Tính.

寂然平等欲求圓覺。

Tịch nhiên bình đẳng dục cầu Viên-giác.

Vắng lặng ngang bằng nhau muốn cầu Giác ngộ đầy đủ.

彼圓覺性非止合故說名為病。四者滅病。若復有人作如是言：

Bỉ Viên giác tính phi chỉ hợp cố thuyết danh vi bệnh. Tứ giả diệt bệnh. Nhược phục hữu nhân tác như thị ngôn :

Tính của Giác ngộ đầy đủ đó không hợp với dừng lại, vì thế nói tên là bệnh. Bốn là bệnh diệt trừ.

Nếu lại có người làm lời nói như là :

我今永斷一切煩惱身心畢竟空無所有。

Ngã kim vĩnh đoạn nhất thiết Phiền-não thân tâm tất cánh không vô sở hữu.

Tôi nay vĩnh viễn đoạn trừ tất cả Phiền não, thân tâm cuối cùng rỗng không, không đâu có.

何況根塵虛妄境界一切永寂欲求圓覺。

Hà huống Căn Trần hư vọng cảnh giới nhất thiết vĩnh Tịch dục cầu Viên-giác.

Huống chi cảnh giới Căn Trần ảo vọng tất cả vĩnh viễn Vắng lặng muốn cầu Giác ngộ đầy đủ.

彼圓覺性非寂相故說名為病。離四病者，則知清淨。

Bỉ Viên-giác tính phi tịch-tướng cố thuyết danh vi bệnh. Ly tứ bệnh giả, tắc tri Thanh tịnh.

Tính của Giác ngộ đầy đủ không có hình tướng Vắng lặng, vì thế nói tên là bệnh. Rời bỏ 4 bệnh, chắc là biết Thanh tịnh.

作是觀者名為正觀，若他觀者名為邪觀。

Tác thị quan giả danh vi Chính-quan, nhược tha quan giả danh vi Tà-quan.

Quan sát như thế tên là Quan sát đúng, nếu quan sát khác đi tên là Quan sát sai lệch.

善男子！末世眾生欲修行者。

Thiện nam tử ! Mặt thể chúng sinh dục tu hành giả.

Ngài nam thiện ! Chúng sinh Đòi vận hết muốn tu hành.

應當盡命供養善友事善知識。

Ứng đương tận mệnh cúng dường thiện hữu sự thiện Tri thức.

Cần tận tâm cúng dường bạn thiện phụng sự Tri thức thiện.

彼善知識欲來親近應斷憍慢。若復遠離應斷瞋恨。

Bỉ thiện Tri thức dục lai thân cận ứng đoạn kiêu mạn. Nhược phục viễn ly ứng đoạn sân hận.

Muốn tới thân thiết Tri thức thiện đó cần đoạn trừ kiêu mạn. Nếu lại rời xa cần đoạn trừ thù hận.

現逆順境猶如虛空，了知身心畢竟平等。

Hiện nghịch thuận cảnh do như hư không, liễu tri thân tâm tất cánh bình đẳng.

Hiện ra cảnh thuận nghịch giống như khoảng không, thân tâm hiểu rõ cuối cùng ngang bằng nhau.

與諸眾生同體無異如是修行方入圓覺。善男子！

Dữ chư chúng sinh đồng thể vô dị như thị tu hành phương nhập Viên-giác. Thiện nam tử !

Với các chúng sinh cùng một thể trạng không khác, cách tu hành như thế nhập vào Giác ngộ đầy đủ. Ngài nam thiện !

末世眾生不得成道。由有無始自他憎愛一切種子故未解脫。

Mặt thể chúng sinh bất đắc thành Đạo. Do hữu vô thủy tự tha tăng ái nhất thiết chủng tử cố vị Giải-thoát.

Chúng sinh Đòi vận hết không được thành Đạo. Do tự họ có tất cả hạt giống yêu ghét từ xa xưa, vì thể chưa được Giải thoát.

若復有人觀彼怨家如己父母心無有二即除諸病。

Nhược phục hữu nhân quan bỉ oán gia như kỷ phụ mẫu tâm vô hữu nhị tức trừ chư bệnh.

Nếu lại có người quan sát oán gia của người khác, như của cha mẹ của mình không có hai loại, tâm tức thì trừ các bệnh.

於諸法中自他憎愛亦復如是。善男子！末世眾生欲求圓覺。

Ư chư Pháp trung tự tha tăng ái diệt phục như thị. Thiện nam tử ! Mặt thể chúng sinh dục cầu Viên-giác.

Ở trong các Pháp họ tự yêu ghét cũng lại như thế. Ngài nam thiện ! Chúng sinh Đòi vận hết muốn cầu Giác ngộ đầy đủ.

應當發心作如是言：盡於虛空一切眾生我皆令人究竟圓覺。

Ứng đương phát tâm tác như thị ngôn : Tận ư hư không nhất thiết chúng sinh Ngã giai linh nhập cứu cánh Viên-giác.

Nên cần phát tâm làm lời nói như thế này : Tất cả chúng sinh ở tận cùng của khoảng không Tôi đều giúp cuối cùng nhập vào Giác ngộ đầy đủ.

於圓覺中無取覺者，除彼我人一切諸相。如是發心不墮邪見。

Ư Viên-giác trung vô thủ giác giả, trừ bỉ Ngã nhân nhất thiết chư tướng. Như thị phát tâm bất đọa Tà-kiến.

Ở trong Giác ngộ đầy đủ không giữ cảm giác, trừ diệt tất cả hình bóng của Tôi của Người đó.

Phát tâm như thế không đọa Nhìn thấy sai.

爾時世尊欲重宣此義而說偈言：

Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn :

Khi đó Thế Tôn muốn nói lại nghĩa trước mà đọc bài kệ nói rằng :

普覺汝當知 末世諸眾生

Viên Giác Tu Đa La.

Phổ Giác Nhữ đương tri. Mạt thể chư chúng sinh.

Phổ Giác Ngài nên biết. Chúng sinh Đòi vận hết.

欲求善知識 應當求正覺

Dục cầu thiện Tri thức. Ứng đương cầu Chính-giác.

Muốn cầu Tri thức thiện. Nên cần cầu Giác đúng.

心遠二乘者 法中除四病

Tâm viễn Nhị-thừa giả. Pháp trung trừ Tứ-bệnh.

Tâm rời xa Duyên Giác. Trong Pháp trừ bốn bệnh.

謂作止任滅 親近無憍慢

Vị Tác-Chỉ-Nhập-Diệt. Thân cận vô kiêu mạn.

Là Làm Dừng Nhiệm Mất. Thân thiết không kiêu mạn.

遠離無瞋恨 見種種境界

Viễn ly vô sân hận. Kiến chủng chủng cảnh giới.

Rời xa không thù hận. Gặp rất nhiều cảnh giới.

心當生希有 還如佛出世

Tâm đương sinh hi hữu. Hoàn như Phật xuất thế.

Tâm nên sinh hiếm có. Như Phật lại xuất thế.

不犯非律儀 戒根永清淨

Bất phạm phi luật nghi. Giới căn vĩnh Thanh tịnh.

Không phạm luật nghi sai. Giới Căn vĩnh Thanh tịnh.

度一切眾生 究竟入圓覺

Độ nhất thiết chúng sinh. Cứu cánh nhập Viên-giác

Độ tất cả chúng sinh. Cuối cùng nhập Viên Giác.

無彼我人相 常依止智慧

Vô bỉ Ngã Nhân tướng. Thường y chỉ Trí tuệ

Không có Tôi Người đó. Thường dùng dựa Trí tuệ.

便得超邪見 證覺般涅槃

Tiền đắc siêu Tà kiến. Chứng Giác ban Niết-Bàn.

Liên vượt qua Thấy sai. Chứng Giác nhập Niết Bàn.

於是圓覺菩薩在大眾中, 即從座起。

Ư thị Viên-giác Bồ-tát tại Đại Chúng trung, tức tòng toà khởi.

Lúc đó Viên Giác Bồ Tát ở trong Đại Chúng, tức thì rời khỏi chỗ ngồi.

頂禮佛足, 右遶三匝, 長跪叉手, 而白佛言。

Đỉnh lễ Phật túc, hữu nhiễu tam匝, trường quy xoa thủ, nhi bạch Phật ngôn :

Đỉnh lễ Phật hoàn tất, vòng phải ba lượt, quỳ lâu đan chéo ngón, chắp hai tay mà bạch Phật nói rằng :

大悲世尊! 為我等輩, 廣說淨覺種種方便。

Đại Bi Thế Tôn ! Vị Ngã đẳng bói, quảng thuyết tịnh Giác chủng chủng Phương-tiện.

Đại Bi Thế Tôn ! Vì con các vị bậc trên, rộng mở nói các Phương tiện Giác ngộ Thanh tịnh.

令末世眾生有大增益。世尊! 我等今者已得開悟。

Linh mạt thể chúng sinh hữu đại tăng ích. Thế Tôn ! Ngã đẳng kim giả dĩ đắc khai ngộ.

Giúp tất cả chúng sinh Đòi vận hết được tăng lợi ích lớn. Thế Tôn ! Chúng con ngày nay đã Giác ngộ rõ.

若佛滅後末世眾生未得悟者。

Nhược Phật Diệt-hậu mạt thể chúng sinh vị đắc ngộ giả.

Nếu sau Phật Tà thể chúng sinh Đòi vận hết chưa được Giác ngộ.

云何安居修此圓覺清淨境界? 此圓覺中三種淨觀以何為首?

Vân hà an cư tu thử Viên-giác Thanh tịnh cảnh giới ? Thử Viên-giác trung tam chủng tịnh quan dĩ hà vi thủ ?

Làm gì để yên ổn sống tu hành cảnh giới Thanh tịnh Giác ngộ đầy đủ này ? Trong Giác ngộ đầy đủ ba loại quan sát Thanh tịnh lấy việc nào làm đầu ?

唯願大悲為諸大眾及末世眾生施大饒益。

Duy nguyện Đại Bi vì chư Đại Chúng cấp mạng thể chúng sinh Thí đại nhiều ích.

Mong muốn Đại Bi vì các Đại Chúng cùng với chúng sinh Đòi vận hết Bồ thí nhiều ích lợi lớn.

作是語已，五體投地，如是三請，終而復始。

Tác thị ngữ dĩ, ngũ thể đầu địa, như thị tam thỉnh, chung nhi phục thủy.

Làm lời nói đó xong, phục đất đỉnh lễ, thỉnh cầu ba lần như thế, sau cùng trở lại chỗ cũ.

爾時世尊告圓覺菩薩言：善哉！善哉！善男子！

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Viên-giác Bồ-tát ngôn：Thiện tai！Thiện tai！Thiện nam tử！

Khi đó Thế Tôn bảo Viên Giác Bồ Tát nói rằng：Thiện thay！Thiện thay！Ngài nam thiện！

汝等乃能問於如來如是方便。

Nhữ đẳng nãi năng vấn ư Như Lai như thị Phương-tiện.

Các Ngài lại năng hỏi Như Lai Phương tiện như thế.

以大饒益施諸眾生。汝今諦聽！當為汝說。

Dĩ đại nhiều ích Thí chư chúng sinh. Nhữ kim đế thính！Đương vị Nhữ thuyết.

Dùng nhiều lợi ích lớn Bồ thí cho các chúng sinh. Nay Ngài nghe Tuệ！Đang vì Ngài nói.

時圓覺菩薩奉教歡喜，及諸大眾默然而聽。

Thời Viên-giác Bồ-tát phụng giáo hoan hỷ, cấp chư Đại Chúng mặc nhiên nhi thính.

Khi đó Viên Giác Bồ Tát vui vẻ cung kính tuân theo lời giáo huấn, cùng với các Đại Chúng im lặng lắng nghe.

善男子！一切眾生，若佛住世，若佛滅後若法末時。

Thiện nam tử！Nhất thiết chúng sinh, nhược Phật trụ thế, nhược Phật Diệt-hậu, nhược Pháp mạng thời.

Ngài nam thiện！Tất cả chúng sinh, nếu Phật ở đời, hoặc sau khi Phật Tà thế, hoặc lúc Pháp vận mạng.

有諸眾生具大乘性信佛祕密大圓覺心欲修行者。若在伽藍安處徒眾。

Hữu chư chúng sinh cụ Đại-Thừa tính tín Phật bí mật Đại Viên-giác tâm dục tu hành giả. Nhược tại Già-lam an xứ Đồ chúng.

Nếu các chúng sinh đủ tính Đại Thừa tin Phật bí mật tâm Đại Giác ngộ đầy đủ, muốn tu hành.

Nếu trong Già lam yên ổn ở trong chúng Tín đồ.

有緣事故隨分思察。如我已說，若復無有他事因緣。

Hữu duyên sự cố tùy phần tư sát. Như Ngã dĩ thuyết, nhược phục vô hữu tha sự nhân duyên.

Nếu có việc duyên tùy phần tư duy quan sát. Như Ta đã nói, nếu lại không có việc nhân duyên khác.

即建道場當立期限。若立長期百二十日。

Tức kiến Đạo tràng đương lập kỳ hạn. Nhược lập trường kỳ bách nhị thập nhật.

Tức thời kiến thiết Đạo tràng nên lập kỳ hạn. Nếu lập kỳ hạn dài 120 ngày.

中期百日。下期八十日安置淨居。

Trung kỳ bách nhật, hạ kỳ bát thập nhật an trí tịnh cư.

Kỳ hạn trung bình 100 ngày, kỳ hạn ngắn 80 ngày bố trí yên ổn ở nơi Thanh tịnh.

若佛現在當正思惟。若佛滅後施設形像。

Nhược Phật hiện-tại đương chính tư duy. Nhược Phật Diệt-hậu thi thiết hình tượng.

Nếu Phật hiện tại cần tư duy đúng. Nếu sau khi Phật Tà thế thiết chế hình tượng.

心存目想生正憶念，還同如來常住之日，懸諸幡花，經三七日。

Viên Giác Tu Đa La.

Tâm tồn mục tướng sinh chính ức niệm, hoàn đồng Như Lai thường trụ chi nhật, huyền chú phan hoa, kinh tam thất nhật.

Mắt tướng tượng giữ lại trong tâm sinh suy niệm nhớ lại chính xác, giống như Như Lai hàng ngày thường sống, treo các cờ hoa, trải qua 21 ngày.

稽首十方諸佛名字。

Khê thủ thập phương chú Phật danh tự.

Phục đĩnh lễ danh hiệu các Phật mười phương.

求哀懺悔遇善境界得心輕安，過三七日一向攝念。

Cầu ai sám hối ngộ thiện cảnh giới đắc tâm khinh an, quá tam thất nhật nhất hướng nhiếp niệm.

Cầu xót thương sám hối gặp cảnh giới thiện được nhẹ nhàng yên ổn, qua 21 ngày nhất tâm thu giữ suy niệm.

若經夏首三月安居，當為清淨菩薩止住。

Nhược kinh hạ thủ tam nguyệt an cư, đương vi Thanh tịnh Bồ-tát chỉ trụ.

Nếu qua đầu mùa hè 3 tháng sống yên ổn một chỗ, đang vì Bồ Tát Thanh tịnh dừng ở.

心離聲聞不假徒眾，至安居日即於佛前作如是言：

Tâm ly Thanh-văn bất giả đồ chúng, chí an cư nhật tức ư Phật tiền tác như thị ngôn：

Tâm rời bỏ Thanh Văn không như chúng Tín đồ, tới ngày sống yên ổn tại chỗ tức thì ở trước Phật làm lời nói như là：

我比丘比丘尼優婆塞優婆夷某甲。

Ngã Tì-kheo Tì-kheo-ni Ưu-bà-tắc Ưu-bà-di mỗ giáp.

Con nam Tì Kheo, nữ Tì Kheo, nam Phật Tử, nữ Phật Tử.

踞菩薩乘修寂滅行同人清淨實相住持以大圓覺為我伽藍身心安居。

Cứ Bồ-tát thừa tu Tịch-diệt hành đồng nhập Thanh tịnh Thực-tướng trụ trì dĩ Đại Viên-giác vị Ngã Già lam thân tâm an cư.

Ngồi ở bậc Bồ Tát tu Vắng lặng, cùng tu hành nhập Thực-tướng Thanh tịnh, nhận ở do Đại Giác ngộ đầy đủ, vì con Già lam thân tâm sống yên tại chỗ.

平等性智涅槃自性無繫屬故。今我敬請不依聲聞。

Bình đẳng tính trí Niết-Bàn tự tính vô hệ thuộc cố. Kim Ngã kính thỉnh bất y Thanh-văn.

Trí Tính ngang bằng nhau, Tự tính Niết Bàn do không lệ thuộc. Nay con kính thỉnh cầu không dựa vào Bậc Thanh Văn.

當與十方如來及大菩薩三月安居。

Đương dĩ thập phương Như Lai cập Đại Bồ-tát tam nguyệt an cư.

Đang 3 tháng sống yên ổn tại chỗ cùng với Như Lai và Đại Bồ Tát mười phương.

為修菩薩無上妙覺大因緣故不繫徒眾。善男子！

Vi tu Bồ-tát Vô-thượng diệu Giác đại nhân duyên cố bất hệ đồ chúng. Thiện nam tử！

Được tu Bồ Tát Bình Đẳng Giác ngộ vì diệu, do nhân duyên lớn không liên hệ với chúng Tín đồ.

Ngài nam thiện！

此名菩薩示現安居過三期日隨往無礙。善男子！

Thử danh Bồ-tát thị hiện an cư quá tam kỳ nhật tùy vãng vô ngại. Thiện nam tử！

Tên nó là Bồ Tát thể hiện sống yên tại chỗ, qua 21 ngày tùy ý qua lại không có trở ngại. Ngài nam thiện！

若彼末世修行眾生求菩薩道入三期者。

Nhược bỉ mạt thế修行眾生求菩薩道入三期者。

Nếu Đòi vận hết đó chúng sinh tu hành cầu Đạo Bồ Tát nhập vào 3 kỳ hạn.

非彼所聞一切境界終不可取。

Phi bỉ sở văn nhất thiết cảnh giới chung bất khả thủ.

Không phải họ nghe được tất cả cảnh giới cuối cùng không thể nắm giữ.

Viên Giác Tu Đa La.

善男子！若諸眾生修奢摩他。

Thiện nam tử ! Nhược chư chúng sinh tu Xa-ma-tha.

Ngài nam thiện ! Nếu các chúng sinh tu Tĩnh lặng.

先取至靜不起思念靜極便覺。

Tiên thủ chí tĩnh bất khởi tư niệm tĩnh cực tiện Giác.

Trước tiên giữ Tĩnh lặng lớn không phát khởi tư duy suy niệm, Tĩnh lặng cực độ liền Giác ngộ.

如是初靜從於一身至一世界覺亦如是。善男子！

Như thị sơ tĩnh tòng ư nhất thân chí nhất thế giới giác diệc như thị. Thiện nam tử !

Tĩnh lặng ban đầu như thế, từ với một thân tới một Thế giới Giác ngộ cũng như thế. Ngài nam thiện !

若覺遍滿一世界者，一世界中有一眾生起一念者皆悉能知。

Nhược Giác biên mãn nhất thế giới giả, nhất thế giới trung hữu nhất chúng sinh khởi nhất niệm giả giai tất năng tri.

Nếu Giác ngộ biên ra khắp một Thế giới, trong một Thế giới có một chúng sinh phát khởi một suy niệm đều có thể biết hết.

百千世界亦復如是。非彼所聞一切境界終不可取。

Bách thiên thế giới diệc phục như thị. Phi bỉ sở văn nhất thiết cảnh giới chung bất khả thủ.

Trăm nghìn Thế giới cũng đều như thế. Không phải họ nghe được tất cả cảnh giới, cuối cùng không thể nắm giữ.

善男子！若諸眾生修三摩鉢提。

Thiện nam tử ! Nhược chư chúng sinh tu Tam-ma bát-đề.

Ngài nam thiện ! Nếu các chúng sinh tu Giữ tưởng nhớ đúng.

先當憶想十方如來十方世界一切菩薩。

Tiên đương ức tưởng thập phương Như Lai thập phương Thế giới nhất thiết Bồ-tát.

Trước tiên tưởng nhớ Như Lai mười phương, tất cả Bồ Tát của mười phương Thế giới.

依種種門漸次修行勤苦三昧廣發大願自熏成種，

Y chủng chủng môn tiệm thứ tu hành cần khổ Tam-muội, quảng phát đại nguyện tự huân thành chủng.

Dựa vào các môn lần lượt tu hành cần khổ Tam Muội, phát rộng rãi nguyện lớn tự hun đúc thành con Phật.

非彼所聞一切境界終不可取。

Phi bỉ sở văn nhất thiết cảnh giới chung bất khả thủ.

Không phải họ nghe được tất cả cảnh giới, cuối cùng không thể nắm giữ.

善男子！若諸眾生修於禪那。

Thiện nam tử ! Nhược chư chúng sinh tu ư Thiên-na.

Ngài nam thiện ! Nếu các chúng sinh tu Sáng rõ môn Pháp số.

先取數門心中了知生住滅念分齊頭數。

Tiên thủ số môn tâm trung liễu tri sinh trụ diệt niệm phân tề đầu số.

Trước tiên nắm giữ môn số, trong tâm biết rõ suy niệm : Sinh, Cờn, Mất, phân đều đầu số.

如是周遍四威儀中分別念數無不了知。

Như thị chu biên tứ uy nghi trung phân biệt niệm số vô bất liễu tri.

Như thế biến ra khắp trong bốn uy nghi phân biệt số suy niệm hiểu rõ hết.

漸次增進乃至得知百千世界一滴之雨。猶如目覩所受用物。

Tiệm thứ tăng tiến nãi chí đắc tri bách thiên thế giới nhất tích chi vũ. Do như mục đồ sở thụ dụng vật.

Lần lượt tăng tiến thậm chí biết được một giọt mưa của trăm nghìn Thế giới. Giống như mắt nhìn thấy nhận được vật dụng.

Viên Giác Tu Đa La.

非彼所聞一切境界終不可取。

Phi bỉ sở văn nhất thiết cảnh giới chung bất khả thủ.

Không phải họ nghe được tất cả cảnh giới, cuối cùng không thể nắm giữ.

是名三觀初首方便。若諸眾生。

Thị danh tam quan sơ thủ Phương-tiện. Nhược chư chúng sinh.

Tên đó là 3 Phương tiện quan sát ban đầu. Nếu các chúng sinh.

遍修三種勤行精進即名如來出現于世。

Biên tu Tam chủng cần hành Tinh-tiến, tức danh Như Lai xuất hiện vu thế.

Biên ra tu ba loại cần thực hành Tinh tiến, tức thì tên là Như Lai xuất hiện ở đời.

若後末世鈍根眾生心欲求道不得成就由昔業障。

Nhược hậu mạt thế độn Căn chúng sinh tâm dục cầu Đạo bất đắc thành tựu do tích Nghiệp-chướng.

Nếu sau Đời vận hết chúng sinh Căn ngu độn, tâm muốn cầu Đạo không được thành công, do Nghiệp chướng cũ.

當勤懺悔常起希望，先斷憎愛嫉妬諂曲求勝上心。

Đương cần sám hối thường khởi hi vọng, tiên đoạn tăng ái tật đồ siểm khúc cầu thắng thượng tâm.

Nên cần sám hối thường phát khởi hi vọng, trước tiên đoạn trừ tâm yêu ghét hiềm khích đồ kị xảo trá kiêu mạn cầu được.

三種淨觀隨學一事。此觀不得復習彼觀心不放捨漸次求證。

Tam chủng tịnh quan tùy học nhất sự. Thủ quan bất đắc phục tập bỉ quan tâm bất phóng xả tiệm thứ cầu chứng.

Ba loại quan sát Thanh tịnh này thuận theo học lấy một việc. Quan sát này chưa được, lại thực tập quan sát, tâm đó không được vứt bỏ, lần lượt cầu chứng nghiệm.

爾時世尊欲重宣此義而說偈言：

Nhĩ thời Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa nhi thuyết kệ ngôn：

Khi đó Thế Tôn muốn nói lại nghĩa trước mà đọc bài kệ nói rằng：

圓覺汝當知 一切諸眾生

Viên Giác Nhữ đương tri. Nhất thiết chư chúng sinh.

Viên Giác Ngài nên biết. Tất cả các chúng sinh.

欲行無上道 先當結三期

Dục hành Vô-thượng đạo. Tiên đương kết Tam-kỳ.

Muốn hành Đạo Bình Đẳng. Trước tiên kết Ba kỳ.

懺悔無始業 經於三七日

Sám hối vô thủy nghiệp. Kinh ư tam thất nhật.

Sám hối Nghiệp tiền Kiếp. Trải qua hai một ngày.

然後正思惟 非彼所聞境

Nhiên hậu chính tư duy. Phi bỉ sở văn cảnh.

Sau đó tư duy đúng. Không phải họ nghe được cảnh.

畢竟不可取 奢摩他至靜

Tất cánh bất khả thủ. Xa-ma-tha chí tĩnh.

Cuối cùng không thể giữ. Xa-ma-tha Tĩnh lớn.

三摩正憶持 禪那明數門

Tam-ma chính ức trì. Thiên-na minh số môn

Tam-ma Giữ nhớ đúng. Thiên-na rõ môn số.

是名三淨觀 若能勤修習

Thị danh tam tịnh quan. Nhược năng cần tu tập.

Tên là ba quan tịnh. Nếu siêng năng tu tập.

是名佛出世 鈍根未成者

Thị danh Phật xuất thế. Độn Căn vị thành giả.

Tên là Phật ra đời. Ngu độn chưa thành công.

常當勤心懺 無始一切罪

Thường đương cần tâm sám. Vô thủy nhất thiết tội.

Tâm thường cần sám hối. Tất cả tội Kiếp trước.

諸障若銷滅 佛境便現前

Chư chướng nhược tiêu diệt. Phật cảnh tiện hiện tiền.

Các chướng nếu tiêu diệt. Cảnh Phật hiện trước mắt.

於是賢善首菩薩，在大眾中，即從座起。

Ư thị Hiền-thiện-thủ Bồ-tát, tại Đại Chúng trung, tức tòng toà khởi.

Khi đó Hiền Thiện Thủ Bồ Tát, ở trong Đại Chúng, tức thì rời khỏi chỗ ngồi.

頂禮佛足，右邊三匝，長跪叉手而白佛言：

Đỉnh lễ Phật túc, hữu nhiều tam tạp, trường quy xoa thủ nhi bạch Phật ngôn：

Đỉnh lễ Phật hoàn tất, vòng phải ba lượt, quỳ lâu đan chéo ngón, chấp hai bàn tay mà bạch Phật nói rằng：

大悲世尊！廣為我等及末世眾生。

Đại Bi Thế Tôn！Quảng vị Ngã đẳng cập mạt thế chúng sinh.

Đại Bi Thế Tôn！Rộng mở vì chúng con cùng với chúng sinh Đời vận hết.

開悟如是不思議事。世尊！此大乘教名字何等。云何奉持？

Khai ngộ như thị bất tư nghị sự. Thế Tôn！Thử Đại-thừa giáo danh tự hà đẳng？Vân hà phụng trì？

Khai tỏ việc không thể suy bàn như thế. Thế Tôn！Giáo lý Đại Thừa này tên là gì？Cung kính giữ ra sao？

眾生修習得何功德？云何使我護持經人？

Chúng sinh tu tập đắc hà Công Đức？Vân hà sử Ngã hộ trì Kinh nhân？

Chúng sinh tu tập được Công Đức gì？Làm thế nào giúp con bảo hộ người giữ Kinh？

流布此教至於何地。作是語已，五體投地，如是三請，終而復始。

Lưu bố thử giáo chí ư hà địa？Tác thị ngữ dĩ, ngũ thể đầu địa, như thị tam thỉnh, chung nhi phục thủy.

Lưu truyền phân phát Kinh này ở nơi nào？Làm lời nói đó xong, phục đất đỉnh lễ, thỉnh cầu 3 lần như thế, sau cùng quay lại chỗ cũ.

爾時世尊告賢善首菩薩言：善哉！善哉！

Nhĩ thời Thế Tôn cáo Hiền Thiện Thủ Bồ-tát ngôn：Thiện tai！Thiện tai！

Khi đó Thế Tôn bảo Hiền Thiện Thủ Bồ Tát nói rằng：Thiện thay！Thiện thay！

善男子！汝等乃能為諸菩薩及末世眾生。

Thiện nam tử！Nhữ đẳng nãi năng vị chư Bồ-tát cập mạt thế chúng sinh.

Ngài nam thiện！Các Ngài lại năng vì các Bồ Tát cùng với chúng sinh Đời vận hết.

問於如來如是經教功德名字。汝今諦聽！當為汝說。

Vấn ư Như Lai như thị Kinh giáo công đức danh tự. Nhữ kim đế thỉnh！Đương vị Nhữ thuyết.

Hỏi Như Lai tên hiệu Công Đức của Kinh như thế. Ngài nay nghe Tuệ！Đang vì Ngài nói.

時賢善首菩薩奉教歡喜。及諸大眾默然而聽。

Thời Hiền-thiện-thủ Bồ-tát phụng giáo hoan hỷ, cập chư Đại Chúng mặc nhiên nhi thỉnh.

Khi đó Hiền Thiện Thủ Bồ Tát vui mừng cung kính tuân theo lời giáo huấn cùng với các Đại Chúng im lặng lắng nghe.

善男子！是經百千萬億恒河沙諸佛所說。

Thiện nam tử！Thị Kinh bách thiên vạn ức Hằng hà sa chư Phật sở thuyết.

Viên Giác Tu Đa La.

Ngài nam thiện ! Kinh này được trăm nghìn vạn triệu Hằng hà sa các Phật nói.

三世如來之所守護，十方菩薩之所歸依。

Tam-thế Như Lai chi sở thủ hộ, thập phương Bồ-tát chi sở quy y.

Được Ba đời Như Lai bảo hộ, Bồ Tát mười phương đi theo.

十二部經清淨眼目。是經名大方廣圓覺陀羅尼。

Thập nhị bộ Kinh Thanh tịnh nhãn mục. Thập Kinh danh Đại phương quảng Viên-giác Đà-la-ni.

Trong danh mục 12 bộ Kinh Thanh tịnh Trí tuệ. Tên của Kinh này là : Rộng khắp muôn phương Giác ngộ đầy đủ Đà La Ni.

亦名修多羅了義，亦名祕密王三昧。

Diệc danh Tu-đa-la liễu nghĩa, diệc danh bí mật vương Tam-muội.

Cũng có tên Rõ nghĩa Tu Đa La, cũng có tên Bí mật bậc nhất Tam Muội.

亦名如來決定境界，亦名如來藏自性差別。

Diệc danh Như Lai quyết định cảnh giới, diệc danh Như Lai tạng tự tính sai biệt.

Cũng có tên Như Lai quyết định cảnh giới, cũng có tên Như Lai tạng tự tính sai khác.

汝當奉持。善男子！是經唯顯如來境界。

Nhữ đương phụng trì. Thiện nam tử ! Thập Kinh duy hiển Như Lai cảnh giới.

Ngài nên cung kính giữ lấy. Ngài nam thiện ! Kinh này duy nhất hiển hiện cảnh giới của Như Lai.

唯佛如來能盡宣說。

Duy Phật Như Lai năng tận tuyên thuyết.

Chỉ có Phật Như Lai có thể nói đọc tới tận cùng.

若諸菩薩及末世眾生依此修行漸次增進至於佛地。善男子！

Nhược chư Bồ-tát cập mạng thể chúng sinh y thử tu hành tiệm thứ tăng tiến chí ư Phật địa. Thiện nam tử !

Nếu các Bồ Tát cùng với chúng sinh Đòi vận hết, dựa theo Kinh này tu hành, lần lượt tăng tiến tới Bậc quả Phật. Ngài nam thiện !

是經名為頓教大乘，頓機眾生從此開悟，亦攝漸修一切群品。

Thập Kinh danh vi đốn giáo Đại-Thừa, đốn ky chúng sinh tông thử khai ngộ, diệc nhiếp tiệm tu nhất thiết quần phẩm.

Kinh này tên là Giáo lý chính đốn Bậc Đại Thừa, chúng sinh chính đốn thời cơ theo Kinh này khai tỏ, cũng dần thu nhận tu tất cả các loại phẩm bậc.

譬如大海不讓小流乃至蚊虻及阿修羅飲其水者皆得充滿。

Thí như đại hải bất nhượng tiểu lưu nãi chí văn mang cập A-tu-la âm kỳ thủy giả giai đắc sung mãn.

Ví như biển lớn không nhường dòng chảy nhỏ, thậm chí ruồi muỗi và A Tu La uống nước đó đều được đầy đủ.

善男子！假使有人純以七寶積滿三千大千世界以用布施。

Thiện nam tử ! Giả sử hữu nhân thuần dĩ thất bảo tích mãn Tam thiên Đại thiên Thế giới dĩ dụng bố thí.

Ngài nam thiện ! Giả sử có người dùng hoàn toàn vật bằng bảy báu chứa đầy Ba nghìn Đại thiên Thế giới dùng để Bố thí.

不如有人聞此經名及一句義。善男子！

Bất như hữu nhân văn thử Kinh danh cập nhất cú nghĩa. Thiện nam tử !

Không bằng có người nghe tên Kinh này cùng với nghĩa một câu. Ngài nam thiện !

假使有人教百千恒河沙眾生得阿羅漢果。

Giả sử hữu nhân giáo bách thiên Hằng hà sa chúng sinh đắc A-la-hán quả.

Nếu như có người dạy trăm nghìn Hằng hà sa chúng sinh được quả A La Hán.

不如有人宣說此經分別半偈。善男子！

Bất như hữu nhân tuyên thuyết thử Kinh phân biệt bán kệ. Thiện nam tử !

Không bằng có người đọc nói Kinh này phân biệt nửa câu kệ. Ngài nam thiện !

若復有人聞此經名信心不惑。當知是人，非於一佛二佛種諸福慧。

Nhược phục hữu nhân văn thử Kinh danh tín tâm bất hoặc. Đương tri thị nhân, phi ư nhất Phật nhị Phật chủng chư phúc tuệ.

Nếu lại có người nghe tên Kinh này, tâm tin tưởng không nghi hoặc. Nên biết người này, không phải chỉ trông các Phúc Tuệ ở nơi một hai Phật.

如是乃至盡恒河沙一切佛所種諸善根聞此經教。

Như thị nãi chí tận Hằng hà sa nhất thiết Phật sở chủng chư thiện Căn văn thử Kinh giáo.

Như thế thậm chí ở tất cả Hằng hà sa tất cả các nơi Phật ở, nghe Kinh giáo này trông các Căn thiện.

汝善男子！當護末世是修行者。

Nhữ Thiện nam tử ! Đương hộ mạt thế thị tu hành giả.

Ngài nam thiện ! Cần ủng hộ người tu hành Đòi vận hết.

無令惡魔及諸外道惱其身心令生退屈。

Vô linh ác ma cập chư ngoại đạo nảo kỳ thân tâm linh sinh thoái khuất.

Không để Ma ác và các ngoại đạo nảo loạn thân tâm họ, làm họ thoái lui khuất phục.

爾時會中 有火首金剛，摧碎金剛，尼藍婆金剛等，八萬金剛并其眷屬。

Nhĩ thời hội trung, hữu Hỏa-thủ Kim-cương, Thôi-toái Kim-cương Ni-lam Bà Kim-cương đẳng bát vạn Kim-cương tịnh kỳ quyền thuộc.

Khi đó trong hội có Hỏa Thủ Kim Cương, Thôi Toái Kim Cương, Ni Lam Bà Kim Cương và 8 vạn Kim Cương tất cả quyền thuộc của họ.

即從座起，頂禮佛足，而白佛言：世尊！若後末世一切眾生。

Tức tòng tòa khởi, đỉnh lễ Phật túc, nhi bạch Phật ngôn : Thế Tôn ! Nhược hậu mạt thế nhất thiết chúng sinh.

Tức thì rời khỏi chỗ ngồi, đỉnh lễ Phật hoàn tất và bạch Phật nói rằng : Thế Tôn ! Nếu sau Đòi vận hết tất cả chúng sinh.

有能持此決定大乘。我當守護如護眼目。

Hữu năng trì thử quyết định Đại-Thừa. Ngã đương thủ hộ như hộ nhãn mục.

Nếu có thể giữ Kinh này quyết định Đại Thừa. Con đang bảo vệ như bảo vệ đôi mắt.

乃至道場所修行處，我等金剛自領徒眾晨夕守護。

Nãi chí Đạo-tràng sở tu hành xứ, Ngã đẳng Kim Cương tự lĩnh đồ chúng thân tịch thủ hộ.

Thậm chí ở Đạo tràng nơi tu hành, con và các Kim Cương tự lãnh đạo chúng Tín đồ sớm tối bảo vệ.

令不退轉，其家乃至永無災障，疫病銷滅，財寶豐足常不乏少。

Linh Bất-thoái-chuyển, kỳ gia nãi chí vĩnh vô tai chướng, dịch bệnh tiêu diệt, tài bảo phong túc thường bất pháp thiếu.

Giúp Không lùi chuyển, gia đình họ thậm chí vĩnh viễn không có tai chướng tiêu diệt bệnh dịch, tiền tài vật quý đầy đủ thường không thiếu thốn.

爾時大梵天王，二十八天王，并須彌山王，護國天王等。

Nhĩ thời Đại Phạm Thiên Vương nhị thập bát Thiên Vương tịnh Tu Di Sơn Vương Hộ Quốc Thiên Vương đẳng.

Khi đó Đại Phạm Thiên Vương, 28 Thiên Vương tất cả Tu Di Sơn Vương, Hộ Quốc Thiên Vương.

即從座起，頂禮佛足，右繞三匝而白佛言：世尊！

Tức tòng tòa khởi, đỉnh lễ Phật túc, hữu nhiều tam tạp nhi bạch Phật ngôn : Thế Tôn !

Tức thì rời khỏi chỗ ngồi, đỉnh lễ Phật hoàn tất, vòng phải 3 lượt mà bạch Phật nói rằng : Thế Tôn !

我亦守護是持經者，常令安穩心不退轉。

Ngã diệc thủ hộ thị trì Kinh giả, thường linh an ổn tâm Bất-thoái-chuyên.

Con cũng bảo vệ người giữ Kinh này, thường giúp yên ổn tâm Không lui chuyên

爾時有大力鬼王名吉槃荼，與十萬鬼王。

Nhĩ thời hữu Đại-lực Quỷ-vương danh Cát-bàn-trà, dữ thập vạn Quỷ-vương.

Khi đó có Đại lực Quỷ Vương tên là Cát-bàn-trà, cùng với mười vạn Quỷ Vương.

即從座起，頂禮佛足，右繞三匝，而白佛言：

Tức tòng tòa khởi, đỉnh lễ Phật túc, hữu nhiều tam tạp nhi bạch Phật ngôn :

Tức thì rời khỏi chỗ ngồi, đỉnh lễ Phật hoàn tất, vòng phải 3 lượt mà bạch Phật nói rằng :

世尊！我亦守護是持經人。朝夕侍衛令不退屈。

Thế Tôn ! Ngã diệc thủ hộ thị trì Kinh nhân, triều tịch thị vệ linh bất thoái khuất.

Thế Tôn ! Con cũng bảo vệ người giữ Kinh này, sáng tối hộ vệ giúp không lui bước khuất phục.

其所居一由旬內，若有鬼神侵其境界。

Kỳ nhân sở cư nhất Do-tuần nội, nhược hữu Quỷ Thần xâm kỳ cảnh giới.

Nơi ở của người này trong vòng 20 km, nếu có Quỷ Thần xâm phạm cảnh giới của họ.

我當使其碎如微塵。佛說此經已。

Ngã đương sử kỳ toái như vi trần. Phật thuyết Kinh dĩ.

Con cần sử lý họ nát vụn như bụi trần. Phật nói Kinh này xong.

一切菩薩天龍鬼神八部眷屬及諸天王梵王等一切大眾。

Nhất thiết Bồ-tát, Thiên Long Quỷ Thần, Bát-bộ quyến thuộc cập chư Thiên-vương, Phạm-vương đẳng, nhất thiết Đại Chúng.

Tất cả Bồ Tát, Thiên Long Quỷ Thần, Bát bộ quyến thuộc cùng với các Thiên Vương, Phạm Vương tất cả Đại Chúng.

聞佛所說，皆大歡喜，信受奉行。

Văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỷ, tín thụ phụng hành.

Nghe được Phật nói, đều rất vui mừng, tin tưởng thu nhận cung kính tuân theo thi hành.

大方廣圓覺修多羅了義經

Đại Phương Quảng Viên Giác Tu Đa La Liễu Nghĩa Kinh.

Kinh Rộng khắp muôn phương Giác ngộ đầy đủ rõ nghĩa Tu Đa La.

=====

TUỆ QUANG 慧光 FOUNDATION <http://www.daitangvietnam.com>

Nguyễn Tính Trần Tiên Khanh & Nguyễn Hiền Trần Tiên Huyền Phiên Âm.

Phật Tử Bùi Đức Huệ dịch 8/2010.

=====